



410

*Các cuộc khủng hoảng lãnh đạo
trên Thế giới • Bầu cử Tổng
Thống Pháp • Hội nghị Hồi giáo
Mecca • Thuyết Pháp Việt đề huề với nhóm
La Cloche fêlée • Cao Chu Thần thi tập :
đầu Thần đuôi Thánh • 20 năm tạp chí
Play Boy • Trường học cho xóm nghèo •*



BACH KHOA

G I A I P H Ạ M

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG

1.800đ.

MỘT NĂM

3.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung thêm cước phí máy bay một năm : 600đ (mỗi số 25đ.)

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 1.320đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia : 80đ.

— Ai-lao : 80đ.

— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...) : 130đ.

— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc : 180đ.

— Âu-châu, Bắc Phi

Trung Đông, Đại-dương-châu

Úc, Tân-Tây-Lan v.v... : 330đ

— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 405đ.

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	10.000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6.000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	8.000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	4.000đ
1/3 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3.000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2.500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

I' :

TỪ MINH các cuộc khủng hoảng lãnh đạo trên thế giới	05
DOHAMIDE một vài cảm nghĩ nhân dự Hội nghị Hồi giáo Mecca	17
ĐOÀN NHẬT TẤN từ một kiểu trường học cho các xóm nghèo đến một bước canh tân cho nền Giáo dục Tiểu học	23
NGUYỄN THIẾU DŨNG Cao Chu Thần Thi Tập của Trung Tâm Học Liệu hay câu chuyện « đầu Thần đuôi Thánh »	29
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC 20 năm tạp chí PLAYBOY	35
LONG ĐIỀN thuyết « Pháp Việt đề huề » với nhóm La Cloche fêlée.	43
MINH ĐỨC HOÀI TRINH lá thư nước ngoài	53
MINH ĐỨC HOÀI TRINH bẻ bút (thơ)	58
VŨ HỮU ĐỊNH ngày trở lại Đại Ninh ; buổi chiều ; cảm ngộ ; cô lữ (thơ)	59
HỒ MINH DŨNG cước chú (truyện ngắn)	61
NGUYỄN MỘNG GIÁC tuổi thơ u ăn (truyện ngắn)	67
Ý YÊN bên thành cũ trường Hàm Nghi (thơ)	73
HÀ HUYỀN CHI như mỗi tình cờ ; mưa trong hồn (thơ)	74
THU THỦY thời sự văn nghệ	81
TỪ MINH cuộc bầu cử Tổng Thống 1974 tại Pháp	83
VĂN THANH trình bày bìa (Hình ảnh của Leopod Fisher)	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 60, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật - Saigon
GIÁ : 200\$ Công sở : 400\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1-6-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Ký giả chuyên nghiệp (Lý thuyết và thực hành trong các ngành truyền thông đại chúng) nguyên tác của John Hohenberg, bản dịch của Lê Thái Bằng và Lê Đình Điều, Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. « Sách giáo khoa căn bản nhằm đào tạo các phóng viên, biên tập viên, ký mục gia và bình luận gia cho các ngành báo chí, truyền thanh và truyền hình » dày 640 trang, gồm 4 phần chính : Thề thức căn bản trong nghề báo ; Ký giả hành văn ; Những nguyên tắc của nghề phóng viên ; Báo chí diễn giải. Giá 1000đ.

— Việt nam Phật giáo Sử luận Tập I của Nguyễn Lang, Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 470 trang gồm 16 chương, trình bày từ Trung Tâm Phật giáo Luy Lâu đến khởi nguyên Thiền học V.N., qua các thiền phái và những thiền sư danh tiếng, từ Lý đến Trần. Biên soạn công phu Bản đặc biệt. Bản thường giá nhất định : 800đ.

— Sấm truyền Đức Phật Thầy Tây An, tác phẩm Nôm cổ, nguyên tác từ trên 100 năm, bản sao từ năm 1909 tìm thấy tại Tòng Sơn, Nguyễn Văn Hầu biên khảo, phiên âm, chú thích rất rõ ràng, với nhiều hình ảnh liên hệ đến Phật Thầy, cùng chụp lại toàn bản sao y theo bản Nôm cũ. Ban Quản lý Tòng Sơn Cổ tự và Ban Chấn tế Phật giáo Hòa Hảo ấn hành rất đẹp, đề biếu tặng với mục đích phổ truyền đạo đức.

Bạn đọc thân mến

Cách đây ngót 1 tháng, trên các báo hàng ngày, bạn đọc đã biết tin giá giấy báo đột ngột tăng lên 40%, do đó mà các báo hàng ngày đã phải tăng giá mỗi số thêm 10đ. Giá giấy này sẽ còn tăng thêm nhiều đợt nữa trong các chuyển tàu sau này, về các tháng tới. Riêng với các báo định kỳ và giai phẩm thì ngoài tiền giấy đã tăng như trên, tiền bìa cũng lại vừa tăng thêm 30% nữa. So với 6 tháng trước đây thì giá tiền bìa đã lên gấp ba lần. Mọi chi phí liên quan đến ấn loát cũng đều tăng giá gấp bội. Cả đến giấy gói báo, bưu phí, cước phí, v.v... cũng đều lên 50%. Bởi vậy Bách-Khoa buộc lòng phải tăng giá từ số này thêm 50đ nữa là 200đ mỗi số, như giá bán của một số giai phẩm đồng nghiệp từ nhiều tháng trước đây.

Mong rằng quý bạn hiểu rõ sự luôn luôn cố gắng giữ giá bán tối thiểu của Bách Khoa trong nhiều năm qua, mà vui lòng chấp nhận giá mới nói trên, để tờ giai phẩm của quý bạn có đủ điều kiện tồn tại được trong lúc vật giá không ngừng leo thang này.

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

Các cuộc khủng hoảng lãnh đạo trên thế giới

Trong những tháng vừa qua một hiện tượng đã làm cho nhiều người chú ý tới là cuộc khủng hoảng lãnh đạo trên thế giới. Các sự thay bậc đổi ngôi đã xảy ra liên tiếp tại các quốc gia Tây phương, hay thân Tây phương. Tuy mỗi quốc gia phải đối phó với một vấn đề riêng biệt và các cuộc khủng hoảng lãnh đạo bắt nguồn từ những nguyên nhân khác nhau nhưng người ta vẫn có cảm tưởng là các quốc gia này đang phải đương đầu với một vấn đề chung là thích ứng với tình hình thế giới của thập niên 1970.

Cuộc khủng hoảng lãnh đạo của thế giới Tây phương bắt đầu với vụ Watergate ở Hoa-kỳ. Vụ Watergate tuy chưa đưa tới việc truất phế Tổng Thống Nixon nhưng đã và đang tiếp tục làm soi mòn uy tín của vị Tổng Thống này. Tại Anh, những khó khăn kinh tế đã khiến cho dân chúng mất cả tin tưởng vào hai đảng Lao động và Bảo thủ nên cuộc bầu cử Quốc hội vừa qua đã không có kết quả rõ rệt. Do đó tuy ông Harold Wilson, lãnh tụ đảng Lao động được cử làm Thủ tướng nhưng đảng Bảo thủ của ông Edward Heath vẫn không coi là mình bị thua.

Sau Anh quốc là trường hợp của Pháp. Tuy sự thay đổi lãnh tụ của Pháp bắt nguồn từ cái chết đột ngột

của Tổng Thống Pompidou nhưng việc thừa kế ông Pompidou đã mở màn cho một cuộc chạy đua hết sức gay cấn vào Điện Elysée mà kết quả sẽ là sự cáo chung của chính sách De Gaulle sau 16 năm ngự trị.

Sau 3 nước Mỹ, Anh và Pháp người ta thấy sự thay đổi lãnh tụ cũng đã xảy ra tại Bồ-đào-nha, Do thái, Tây Đức và Gia-nã-đại. Tại 4 quốc gia này các cuộc khủng hoảng lãnh tụ đã có những kết quả rõ rệt và đã bắt nguồn từ những khó khăn kinh tế, tài chánh, chính trị và xã hội.

Trường hợp Bồ-đào-nha có tính cách độc đáo nhất là một đế quốc thực dân cuối cùng trên thế giới, quốc gia này 14 năm qua đã cố bấu víu lấy những thuộc địa Phi châu như Angola, Mozambique và Guinée Bissau trước sự nổi loạn mỗi ngày một gia tăng của dân bản xứ. Cuộc chiến tranh thuộc địa dai dẳng này không những đã làm tiêu hao nền kinh tế, tài chánh Bồ-đào-nha mà còn tạo cho nước này một bộ mặt phản động hắc ám trên thế giới. Cuộc đảo chính quân sự ngày 21-4-1974 vừa qua đã nói lên sự chán ngán của quân đội và dân chúng trước chính sách thuộc địa của chính phủ Bồ. Với quân đội nắm chính quyền đời sống chính trị Bồ bước vào một kỷ nguyên mới, cởi mở hơn và tự do hơn. Vì

vậy mà nhiều người hy vọng rằng chính thể quân sự mới sẽ tìm ra được một giải pháp cho vấn đề thuộc địa.

Tại Do thái với sự ra đi của nữ Thủ-tướng Golda Meir, một vị Thủ-tướng mới, trẻ trung hơn (52 tuổi) đã được cử lên thay thế để đáp ứng với nhu cầu mới của thể hệ trẻ và có thể cũng là để đi tới một giải pháp hòa hoãn với các quốc gia Ả-rập.

Tại Tây Đức, sau 5 năm liên tục giữ chức vụ Thủ tướng, ông Willy Brandt đã phải rời bỏ chính quyền vì một vụ gián điệp. Sự ra đi của ông Willy Brandt sẽ có những ảnh hưởng không nhỏ tới tình trạng hòa dịu Đông Tây ở Âu châu. Dù Thủ tướng Hel-

mut Schmidt tuyên bố là ông sẽ tiếp tục chính sách xích lại phía các nước Cộng-sản Đông-Âu nhưng vì ông Schmidt thiếu uy tín của một Willy Brandt và cũng vì Đông Đức đã gián điệp ngay trong văn phòng của Thủ-tướng Tây-Đức, nên bang giao giữa 2 nước sẽ không tránh khỏi những sự nghi kỵ.

Sau hết là tại Gia-nã-đại, Thủ-tướng Trudeau cũng bị Quốc hội lật đổ vì tình hình kinh tế trong nước. Sự ra đi của ông Trudeau sẽ thay đổi rất nhiều tình hình bang giao giữa Gia-nã-đại và Hoa-kỳ, cũng như trong bang giao giữa Gia-nã-đại với phe Cộng-sản.

ĐẢO CHÍNH TẠI BỒ-ĐÀO-NHA, MỘT HẬU QUẢ CỦA CHÍNH SÁCH THUỘC ĐỊA

Là một quốc gia thực dân đầu tiên trên thế giới Bồ-đào-nha nhờ có các chuyện phiêu lưu của Vasco de Gama và Henri-le-Navigateur đã đặt chân lên Phi-châu từ thế-kỷ thứ 16. Vào hậu bán thế-kỷ thứ 20, trong khi các quốc-gia thực dân khác như Anh, Pháp, Hòa-lan đã phải dần dần trả lại tự do cho tất cả các thuộc-địa của mình thì Bồ-đào-nha vẫn cứ khẳng khái giữ các mảnh đất Phi-châu.

Hiện thời Bồ-đào-nha còn đô hộ Angola, Mozambique và Guinée-Bissau trên lục địa Phi châu. Trước việc Anh và Pháp ồ ạt trả độc lập cho các thuộc địa Phi châu, dân bản xứ tại các thuộc địa Bồ-đào-nha đã nổi loạn đòi độc lập. Nhưng đối với Bồ-

đào-nha, ngoài việc bảo vệ uy tín quốc gia, sự trả lại độc lập cho các thuộc-địa Phi châu còn làm xáo trộn tới đời sống của dân chúng nữa. Từ 300 năm nay, chính phủ Bồ luôn luôn áp dụng một chính sách không kỳ thị chủng-tộc tại các thuộc địa. Vì vậy mà các thực dân da trắng từ Bồ-đào-nha tới luôn luôn hòa mình với dân bản xứ. Họ lấy vợ lấy chồng người da đen và từ 3 thế-kỷ qua đã trở thành thò dân của các thuộc địa Phi-châu. Nay nếu trả lại độc lập cho các thuộc địa, những người này không biết sẽ phải đi đâu.

Vì vấn đề phức tạp như vậy nên Thủ-tướng Salazar, một nhà độc tài đã cầm quyền liên tiếp 40 năm trước,

đây đã ra lệnh đem quân tới các thuộc địa đàn áp các phong trào giải phóng ở Phi-châu, nhất là Mặt trận Giải phóng Angola (F.N.L.A) vào năm 1961. Nhưng cuộc chiến tranh thuộc địa này đã làm kinh tế Bồ-đào-nha bị suy yếu. Để tài trợ cho các hoạt động chiến tranh, Quốc-hội đã chấp thuận lập một «đảm phụ chiến tranh» 15% đánh trên các hàng tiêu thụ và đồng thời ban hành luật động viên khiến cho các nam công dân Bồ phải phục vụ trong quân đội ít nhất là 4 năm.

Cũng năm 1961 quân đội Ấn-độ đã chiếm Goa một lãnh thổ nhỏ của Bồ-đào-nha trên bán đảo Ấn-độ. Mất Goa, uy tín của Đế-quốc Bồ-đào-nha đã suy giảm mạnh mẽ và đồng thời các thuộc địa Phi-châu càng được khích lệ đề đòi độc lập.

Những khó khăn kinh tế và xã-hội của Bồ-đào-nha đã được dân chúng chấp thuận dễ dàng dưới chế độ độc tài dọ bàn tay sắt của Antoni Salazar nắm giữ. Nhưng sau 40 năm cầm quyền, Salazar phải rời chính quyền vì tuổi già và qua đời năm 1970. Vì Salazar không còn nữa nên dân chúng đã bắt đầu đòi xét lại chính sách thuộc địa của chính quyền. Và người đòi hỏi chính phủ Lisbonne phải xét lại chính sách thuộc địa hăng hái nhất lại chính là Tướng Antonio de Spínola, một danh tướng Bồ-đào-nha đã từng lập nhiều chiến công trên các mặt trận Phi-châu.

Tướng Antonio de Spínola năm nay 64 tuổi con của một đại doanh nhân giàu có. Cha của ông đã là một

người bạn thân của cố Thủ-tướng Salazar và đã nhiều lần cố vấn cho chính phủ Salazar về vấn đề tài chánh. Năm 20 tuổi Antonio de Spínola được tuyển vào trường võ bị Escolado Exercito nổi tiếng. Khi tốt nghiệp Escolado Exercito, Spínola đã sang Tây-ban-nha để chiến đấu trong hàng ngũ tướng Franco để chống lại chính thể Cộng-hòa khuynh tả. Năm 1941, viên sĩ quan trẻ tuổi và ưu tú này lại được cử đi tu nghiệp tại Đức quốc-xã và có dịp đi theo quân đội của Hitler sang quan sát mặt trận Leningrad.

Khi Đệ-nhị thế - chiến chấm dứt Spínola lần lượt phục vụ tại Azores, chỉ huy đơn vị Cộng-hòa vệ-binh nòng cốt tại thủ-đô Lisbonne và đồng thời dự các cuộc đua ngựa quốc tế.

Khi Mặt trận giải phóng Angola nổi dậy, Spínola đã tình nguyện sang vùng này chiến đấu. Năm 1968 vinh thăng Thiếu tướng, Spínola được cử làm Tổng-trấn Guinea-Bissau.

Sau 5 năm phục vụ tại Phi-châu qua những cuộc tiếp xúc với dân bản xứ, Spínola đã hiểu rằng Bồ-đào-nha không thể dùng võ lực để đàn áp các phong trào giải phóng Phi-châu được mà chỉ có thể giải quyết bằng một phương thức chính trị.

Về nước vào mùa thu năm ngoái, Spínola được đón tiếp như một vị anh hùng dân tộc và được cử giữ chức vụ Tổng Tham - mưu phó và được ân thưởng huy chương Torre Espada, là huy chương cao nhất của Bồ-đào-nha.

Tuy được Thủ-tướng Caetano, người kế vị Salazar, hết sức chiều chuộng, Spínola vẫn không đồng ý với chính sách độc tài ở bên trong và cứng rắn ở thuộc địa của Caetano. Ông đã viết một cuốn sách dày 243 trang nhan đề là « *Bồ-đào-nha trong tương lai* » vào đầu năm nay. Trong cuốn sách này Spínola đã nói là tương lai của Bồ-đào-nha tùy thuộc ở việc giải quyết chiến tranh và ông nhấn mạnh rằng vào thời đại này không còn ai chấp nhận chính sách đế-quốc nữa.

Ngày 21-4-1974 một cuộc đảo chính êm thấm của quân đội đã lật đổ cùng một lúc Tổng-Thống Ensico Thomas và Thủ tướng Caetano. Trước các chiến xa của quân đội, Thủ tướng Caetano gọi Tướng Spínola tới để trao chính quyền vì sợ rằng dân chúng sẽ xuống đường.

Spínola đã tới dinh Thủ tướng để nhận quyền hành như Tướng De Gaulle ở Pháp năm 1958. Cũng như Tướng De Gaulle, Spínola là một ông Tướng có tư tưởng chính trị. Cũng như Tướng De Gaulle, Spínola không dính líu vào cuộc đảo chánh, nhưng khi thành công phe đảo chánh phải kêu gọi tới sự lãnh đạo của ông để ổn định tình hình.

Tướng Spínola lập ra một Ủy ban cứu quốc gồm có 7 quân nhân do chính ông làm Chủ-tịch. Ngay sau đó ông đã tái lập quyền tự-do căn-bản trong nước và thả các tù chính trị. Ông hứa sẽ tổ chức bầu cử Quốc hội mới trong vòng một năm và sẽ chấm dứt các cuộc chiến tranh thuộc địa. Ông dự tính thiết lập một liên-bang giữa « mẫu quốc » Bồ-đào-nha và các thuộc địa Phi châu để cho mỗi lãnh thổ bảo vệ được chủ quyền của mình trong tinh thần cộng tác với Bồ-đào-nha.

Từ cuối tháng 4 tới nay dân chúng Bồ-đào-nha đã sống trong một bầu không khí hội chợ với đủ mọi trò vui. Sau một nửa thế kỷ thêm khát tự do, người Bồ-đào-nha đã đón nhận Spínola như là một vị cứu tinh của dân tộc. Các người tỵ nạn chính trị đua nhau hồi hương. Các lãnh tụ đảng Xã-hội và Cộng sản bị lưu đày hiện cũng đang tiếp tục trở về, tuyên bố sẵn sàng tham gia chính-thể mới. Các nghiệp-đoàn biểu-tình rầm rộ với các biểu ngữ mang những hàng chữ «Hoan nghênh quân đội», «Cảm ơn quân đội».

Lại một lần nữa quân đội của một quốc gia trên thế giới đứng lên để tái lập tự do và hòa bình.

THẾ HỆ TRẺ NẮM CHÍNH QUYỀN Ở DO THÁI

Cùng vào tháng 4-1974 vừa qua trong một bài diễn văn hết sức cảm động Nữ Thủ-tướng Do-thái Golda Meir đã tuyên bố rời bỏ chính quyền. Sự rút lui của bà Golda Meir là kết

quả của cuộc khủng hoảng chính-trị âm ỉ cháy tại Do-thái từ cuộc chiến tranh tháng 10-1973 vừa qua.

Vì Do thái bị tấn công xuất kỳ bất ý trong khi dân chúng đang ăn mừng

lễ Yom Kippur nên dân chúng đã chỉ trích đảng Lao động cầm quyền là thiếu chuẩn bị đề đến nỗi sau 10 ngày chiến đấu anh dũng quân đội đã không mang lại được những thắng lợi mong muốn. Ngoài ra, cả đảng cầm quyền lẫn phe đối lập đều nhao nhao chống đối ông Moshe Dayan mà người ta cho là thiếu khả năng lãnh đạo.

Nhưng nguyên nhân sâu xa của cuộc khủng hoảng này là sự chán ghét chiến tranh của dân chúng. Sau 26 năm lập quốc Do-Thái luôn luôn sống trong một tình trạng khắc khổ cô đơn, sưu cao thuế nặng, hy sinh tất cả để bảo vệ quốc gia. Những người công dân Do-thái của tuổi 20 không biết tới giai đoạn lập quốc hào hùng, cảm thấy họ không thể tiếp tục hy sinh được nữa. Họ muốn một giải pháp hoà giải với các kẻ thù Ả-rập. Vì vậy mà đảng Lao-động quá già nua đã bị mất nhiều phiếu trong cuộc bầu cử Quốc-hội vào tháng 12 vừa qua.

Khi bà Golda Meir ra đi, bà đã tuyên bố là bà sẽ rời bỏ chính quyền hoàn toàn. Bà không muốn giữ cả cái ghế Dân biểu nữa. Bà nói: «Tôi muốn được thức dậy mỗi buổi sáng mà không cần phải xem thời dụng biểu»

Ông Pinhas Sapir, Tổng-trưởng tài-chánh và là người có thể lực trong đảng có nhiệm vụ tìm người thay thế bà Meir. Ông không muốn chọn một cựu tướng lãnh và cũng không muốn một người không thuộc cánh hữu của đảng Lao-động

làm Thủ-tướng. Nhưng khi đảng Lao-động được triệu tập đề biểu quyết thì tướng Yitzhak Rabin, một cựu tướng lãnh không thuộc cánh hữu của đảng đã được đề cử lên thay bà Meir.

Ông Rabin năm nay 52 tuổi, tức là kém bà Meir 24 tuổi, đã từng là người hùng trong chiến thắng oanh liệt 6 ngày năm 1967. Sau đó ông được cử làm Đại-sứ Do-thái tại Hoa-thịnh-đốn từ năm 1968 tới năm 1973. Từ Hoa-thịnh-đốn trở về, tướng Rabin đã được cử làm Tổng trưởng Lao-động.

Với tướng Rabin, lần đầu tiên người ta thấy một nhân vật Do thái Tây-phương và một nhân vật không góp công vào công cuộc lập quốc được cử làm Thủ-tướng. Thật vậy, cha của ông Rabin là một người Mỹ và mẹ ông là một người Nga. Với ông Rabin lên làm Thủ-tướng, thế hệ «các ông cha bà mẹ sáng lập quốc gia Do-thái» đã hoàn toàn từ bỏ chính quyền để nhường chỗ cho thế hệ con cháu.

Tuy Nội các Rabin chưa được hoàn toàn thành lập, nhưng người ta được biết rằng cả tướng Moshé Dayan lẫn ông Yégal Allon, Phó Thủ-tướng, cũng bị gạt ra ngoài. Ông Dayan bị loại vì ông bị dư luận chỉ trích quá nặng nề trong cuộc chiến vừa qua, ông Allon thì thuộc thế hệ cũ của những người cha sáng lập. Ngoài ra Ngoại trưởng Abba Eban cũng sẽ bị loại vì chính sách của ông quá cứng rắn nên ông luôn luôn bắt

đồng ý kiến với ông Rabin.

Tuy hiện thời sau bà Golda Meir, ông Rabin là một nhân vật có nhiều uy tín nhất nhưng các khó khăn đang chờ đợi ông vì ông phải đương đầu với những lực lượng bảo thủ và quá khích của đảng tôn giáo. Từ nay tới cuối năm ông sẽ bắt buộc phải

giải tán Quốc hội, bầu cử lại để tìm ra một đa số mới vững chắc hơn. Nếu ông đưa đảng Lao động tới thắng cử, Yitzhak Rabin sẽ có thể rảnh tay hơn để hoạt động trong chiều hướng hoà giải với các nước Ả-rập.

THAY ĐỔI THỦ TƯỚNG TẠI TÂY ĐỨC VÌ MỘT VỤ GIÁN DIỆP

Tây đức là nơi hoạt động của ô gián điệp quốc-tế. Hàng năm Văn-phòng Liên-bang Bảo-vệ Hiến-pháp, tổ chức phản gián Tây-đức bắt được hàng ngàn gián điệp hoạt động cho các quốc gia bạn cũng như thù của quốc gia này. Nhưng một gián điệp được gài ngay trong Văn phòng Thủ-tướng là một vấn đề hết sức trầm trọng.

Gần đây cơ quan phản gián Tây Đức đã bắt giữ một gián điệp tên là Gunther Guillaume hoạt động cho Đông Đức. Cuộc đời của Guillaume thật đầy tính cách phiêu lưu. Năm 1956, Guillaume đã vượt tuyến từ Đông Đức sang Tây Bá linh để chọn tự do như hàng ngàn người Đông Đức khác. Ngay sau đó Guillaume đã gia nhập đảng Xã-hội của ông Willy Brandt và đã tỏ ra là một đảng viên đặc lực, hữu hiệu, đầy nhiệt huyết. Với những hoạt động tích cực này Guillaume đã được đảng Xã-hội tín nhiệm và giao cho chức vụ Bí-thư tỉnh đảng bộ ở Francfort. Guillaume lại còn được tiếng là thiên hữu khi y mật sát Jusos, một nhân vật tả phái trẻ tuổi ở Bá-linh.

Năm 1969 khi ông Willy Brandt lên làm Thủ tướng ông đã nghĩ ngay tới việc với Guillaume tới cộng tác. Vì vậy mà năm 1970 Guillaume đã bỏ chức vụ Bí thư tỉnh bộ Francfort để tới thủ-đô Bonn làm Phụ-tá cho ông Willy Brandt. Tại Phủ Thủ-tướng ở Bonn, Guillaume cũng phục vụ một cách hết sức đặc lực vì y đã là một trong 3 Phụ tá của ông Brandt. Guillaume được giao phó cho các vấn đề chính trị. Không những vậy, theo tờ báo Stern, khi lấy khẩu cung, Guillaume còn thú nhận là đã nhiều lần dặt gài cho Thủ-tướng.

Thủ tướng Willy Brandt đã tin dùng Guillaume đến nỗi vào mùa Hè năm ngoái ông đã mời Guillaume tới nghỉ mát cùng với vợ chồng ông ở Na-uy là quê của bà Braudt.

Đến khi Cơ quan phản gián thu thập được đủ bằng chứng người ta mới vỡ lẽ rằng trong những cuộc thương thuyết với các nước Cộng sản Đông-Âu, nhất là với Đông Đức, chính Guillaume đã tiết lộ các bí mật về mọi kế hoạch và ý định của Tây Đức.

Được tin này ông Willy Brandt rất

là giận giữ vì đã nuôi ong tay áo. Ông lớn tiếng tố cáo Đông Đức đã cố tình phá hoại mọi nỗ lực sống chung hòa bình bằng cách gài gián-điệp ngay tại Phủ Thủ-tướng Tây Đức. Nhưng trước sự xúc động quá mạnh mẽ của dân chúng ông Willy Brandt đành phải từ chức để ông Helmut Schmidt lên thay thế.

Đảng đối lập Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo nhao nhao phản đối đảng Xã hội cầm quyền đã sơ hở để làm hại tới quyền lợi quốc gia. Từ 5 năm qua đảng Xã-hội chỉ nắm được chính quyền nhờ sự liên minh với đảng Tự-do trong khi đảng Dân-chủ Thiên

Chúa-giáo lại là đảng chiếm được nhiều ghế nhất tại Quốc-hội. Vụ gián điệp Gunther Guillaume đã làm lung lay đa số mỏng manh hiện thời ở Quốc-hội và người ta cho rằng trong những tháng tới chính phủ Liên-minh Xã-hội Tự-do sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Và trong khi chờ đợi một cuộc bầu cử Quốc-hội mới, chính sách Đông-phương (Ostpolitik) của ông Williy Brandt sẽ kém hữu hiệu nếu không bị đình chỉ hẳn. Tình trạng hòa dịu và đường lối sống chung hòa bình ở Trung Âu có thể sẽ bước vào giai đoạn thoái trào.

KHỦNG HOẢNG CHÍNH TRỊ TẠI GIA-NÃ-ĐẠI VÌ KHÓ KHĂN KINH TẾ

Cách đây 18 tháng đảng Tự-do của ông Pierra Elliott Trudeau không nắm được đa số tại Quốc hội. Đảng này chỉ còn ngồi lại chính quyền nhờ sự liên kết với một đảng Dân-chủ nhỏ bé. Nhưng vào tháng 5-1974, 31 dân biểu của đảng Dân-chủ đã quyết định trở cò đi theo đảng Bảo-thủ đối-lập. Vì vậy mà khi ông John Turner, Tổng trưởng Tài chánh đưa ra trước Quốc-hội dự án ngân sách, Quốc-hội đã lợi dụng cơ hội này để lật đổ ông Trudeau.

Phe đối lập đã cho rằng chính sách kinh-tế của chính phủ Trudeau bất lực, không bảo-vệ nổi giới tiêu-thụ trước sự gia-tăng vật giá. Từ nhiều năm qua vật giá tại Gia-nã-đại đã gia tăng mỗi năm khoảng 10%.

Ông Trudeau đã phản công lại

bằng cách giải tán Quốc hội. Trong khi chờ đợi dân chúng bầu một đa-số vững chắc lên nắm chính quyền, Gia-nã-đại đang ở trong một tình trạng khó khăn. Với những vấn đề kinh tế nan giải, với sự khan hiếm dầu hỏa trên thế giới, Gia-nã-đại khó giải quyết được các vấn đề khẩn cấp khi mà chính phủ Trudeau phải ở trong tình trạng xử-lý thường-vụ.

Từ khi ông Trudeau lên nắm chính quyền tới nay, Gia-nã-đại đã áp dụng một chính sách đối ngoại độc lập với Mỹ và xích lại các nước Cộng sản. Nếu ông Trudeau thất cử kỳ này chắc chắn Gia-nã-đại sẽ trở về với chính sách cũ tức là có thái độ ngoan ngoãn hơn đối với nước láng giềng ở phía Nam và nhích xa phe Cộng sản hơn trước.

oOo

Một loạt các cuộc khủng hoảng chính trị tại Tây phương đã cho người ta cảm tưởng rằng các quốc gia thuộc khối này đang dọ dẫm đi tìm một đường lối mới để thích ứng với một đời sống chính trị mới của thế giới. Từ một vài năm qua thế giới phải liên tiếp đương đầu với những vấn đề khó khăn. Nạn lạm phát đã trở thành một hiện tượng tổng quát tại các nước Tây phương.

Nạn lạm phát bắt nguồn từ các sự thiếu thốn phẩm vật. Thêm vào đó các quốc gia Ả-rập sản xuất dầu hỏa ở Trung Đông lại còn áp dụng chính sách bất bí. Do đó các cuộc khủng hoảng chính trị gây chuyển này chỉ là phản ảnh của những nỗ lực thích ứng guồng máy kinh tế tư bản với nhu cầu của nhân loại vào hậu bán thế kỷ thứ 20 mà thôi.

TỪ MINH



Một vài cảm nghĩ nhân dự Hội nghị Hồi-giáo MECCA

DOHAMIDE



Thế giới Hồi Giáo

Liên Đoàn Hồi Giáo Thế Giới (Rabitat al-alam al-Islami) vừa triệu tập một Hội nghị tại Thánh địa Mecca thuộc Saudi Arabia từ 6 đến 10 tháng 4 năm 1974 với sự tham dự của đại biểu 130 tổ chức Hồi giáo, đại diện cho 700 triệu tín đồ Hồi giáo các nước trên thế giới.

Người ta còn nhớ, trước đó không lâu, vào hạ tuần tháng 2 năm 1974, một Hội nghị mệnh danh là Hội nghị thượng đỉnh Hồi giáo cũng đã được tổ chức tại Lahore (Hồi Quốc) quy tụ giới lãnh đạo các nước Hồi giáo, trước nhu cầu thống nhất quan điểm và lập trường, nhất là sau khi dầu lửa đã được tung ra làm lợi khí đấu tranh, gây ra bao nhiêu hậu quả xáo trộn trên thế giới.

Sau khi Hội nghị Lahore xác định lập trường chung của Hồi giáo trên tinh thần hợp tác thân hữu, Hội nghị Mecca được thu hẹp trong phạm vi các tổ chức Hồi giáo nhưng cùng theo đuổi mục tiêu kết hợp lại để phát huy lý tưởng Hồi giáo và thống nhất hành động trợ giúp các tập thể Hồi giáo yếu kém.

Hồi giáo là quốc giáo của nhiều

nước trong đó có những nước mạnh về kinh tế nhờ dầu lửa như Saudi Arabia, Kuwait, Libya v.v... nhưng Hồi giáo không có một tổ chức trung ương thống nhất lãnh đạo bởi lẽ, trên nguyên tắc, mọi người Hồi giáo không phân biệt chức vụ, chính trị, giai cấp... đều bình đẳng trong liên hệ với Thượng đế Allah, không phải qua trung gian của một giai cấp chức sắc thế tục nào cả.

Trong lịch sử, sau khi NABI MUHAMMAD qua đời vào năm 632 Tây lịch, một số môn đệ Á-rập đã tiếp nối sự nghiệp của NABI MUHAMMAD, xây dựng nên Đế quốc Á-rập, đạt được giai đoạn tuyệt đỉnh vào thế kỷ thứ 8 Tây lịch, bờ cõi chế ngự từ vùng Tây Ấn Độ, Trung Hoa xuyên qua Ba Tư, Ai Cập, Bắc Phi châu cho đến vùng bờ biển Đại Tây Dương, bao trùm cả Y-Pha-Nho, vượt qua rặng núi Pyrénées, chiếm cả thành Bordeaux của Pháp. Và mãi đến năm 732 Tây lịch, các quân đội Á-rập bị đánh bại tại thành Tours mới đặt ngược lại thế cờ, lần lần thu hẹp lại tại vùng Trung Đông và Bắc Phi.

Qua thời vàng son của Hồi giáo người Á-rập đã đóng góp đáng kể cho nền văn minh Tây phương bằng

những di tích nghệ thuật điêu khắc còn lưu lại tại các đền đài, nhất là tại Y-Pha-Nho.

Hai nhà thiên văn Hồi giáo nổi danh là *Al-Farghani* và *Al-Battani* đã đưa ra những khám phá mới lạ về mặt trăng và các hành tinh khác. Về toán học, việc dùng con số không (Á-rập gọi là *sifr*), một số nguyên tắc căn bản về đại-số-học một phần là do công trình của người Á-rập.

Tuy nhiên, người Á-rập không nắm độc quyền lãnh đạo cộng đồng Hồi giáo. Từ năm 750, vị *Caliph* mới là Al-Mansur dời đô về thành Baghdad (Iraq), khởi đầu thời đại dòng *Abassid* khuynh hướng Ba Tư và biến thành Baghdad thành kinh đô chói sáng một thời.

Từ năm 809 TL, sau khi *Caliph Harun ur-Rashid* qua đời, sự thống nhất lãnh đạo của Hồi giáo không còn nữa và tùy thuộc 3 khối Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Tư và Moghal.

Sau khi đã đưa cao ngọn đuốc giúp soi sáng những thời kỳ còn u tối tại Âu-châu, người Á-rập đắm chìm trong cơn mê ngủ cho mãi đến sau đệ nhị thế chiến, thoát khỏi những thế kỷ ngoại bang thống trị, mới bắt đầu trở lại vay mượn kỹ thuật Tây phương, khai thác tài nguyên phong phú của đất nước nhờ dầu lửa, để lại một lần tính đến chuyện thống nhất ý chí và hành động.

Trên thực tế, mỗi nước Hồi giáo đều có một sắc thái, một thể đứng riêng biệt.

Có điều cần ghi nhận là quốc gia

Hồi giáo với dân số cao nhất, không phải là một quốc gia Á-rập ở Trung Đông mà lại là một quốc gia ở châu Á, In-đô-nê-xia với dân số 121 triệu và 94 phần trăm là Hồi giáo, về chánh sách, từ thời Tổng Thống Soekarno cho đến hiện thời dưới quyền của Tổng Thống Suharto, vẫn giữ chiều hướng trung dung, không nghiêng hẳn dành đặc quyền cho Hồi giáo.

Quốc gia dân số Hồi giáo đông đảo nhất, trước đây là Hồi Quốc, nhưng vừa rồi đã mất đi phần Đông Hồi, dân số 80 triệu, trở thành Bangladesh độc lập.

Cạnh In-đô-nê-xia, Mã-lai-Á tỏ ra tích cực hơn, và Hồi giáo được giới lãnh đạo dùng làm lợi khí qui tụ, ít ra cũng trên phương diện tinh thần, tập thể người dân gốc Mã-lai, trước ảnh hưởng của người dân gốc Trung Hoa, gốc Ấn, chiếm tỷ lệ đáng kể đối với tổng dân số trong nước.

Trở về với Trung Đông, Ai-Cập tức Cộng-hòa Á-rập thống nhất nổi bật hẳn lên với kinh đô Cairo, với trường Đại học *Al-Azhar* cổ kính được xem là Trung tâm tư tưởng Á-rập, nhưng Ai-Cập có một tập thể đông đảo dân không theo Hồi giáo mà lại theo Thiên Chúa giáo. Tại Lebanon, tín đồ Thiên Chúa giáo lại chiếm đa số.

Bài toán nan giải của người Á-rập là sự hiện diện của quốc gia Do Thái tại Trung Đông, đặt nên vấn đề cần giải quyết cho người Hồi giáo Palestine bị đẩy ra khỏi quê hương của họ và nhất là thành Jerusalem nơi

có Thánh đường Hồi giáo *Al-Aqsa* hiện lại nằm trong tay Do Thái.

Trực diện với Do Thái, Ai Cập phải chịu mất một phần đất, Syria vẫn còn phải trao đổi bom đạn tại Cao nguyên Golan, nhưng bên cạnh, mặc dầu lãnh tụ Muamar Kazzaf hết sức nỗ lực hợp nhứt với Ai Cập, đến Tunisia rồi vẫn thất bại, vai trò trội yếu đáng kể chính là của Saudi Arabia, đã từng chứng tỏ trong chiến thuật dùng dầu lửa làm lợi khí chống Do Thái.

Saudi Arabia giàu có nhờ dầu lửa, thật ra là một nước thân Tây phương, dùng nhiều kỹ thuật gia Hoa Kỳ trong các chương trình phát triển, quốc kỳ màu xanh lá cây, có vẽ câu *Kalima Sahadat* căn bản của Hồi giáo.

Lợi thế của Saudi Arabia, ngoài ra, còn có việc hai Thánh địa Hồi giáo *Mecca* và *Medina* hiện nằm trong lãnh thổ Saudi Arabia. Chính với lợi thế này, Saudi Arabia đã tích cực hỗ trợ thiết lập ngay tại Thánh địa *Mecca* tổ chức mệnh danh là *Rabita al-alam al-Islami* tức Liên Đoàn Hồi Giáo Thế Giới.

Cũng tại Saudi Arabia (thành phố Jeddah) có đặt trụ sở của Tổng Thư ký Hội nghị Hồi giáo phối hợp Hội nghị định kỳ các Quốc vương, Quốc trưởng, Ngoại trưởng các nước Hồi giáo. Cựu Thủ tướng Mã-lai-Á Tungkú Abdul Rahman, khi rời chức vụ vào năm 1970, đã đảm nhiệm chức vụ Tổng Thư ký của tổ chức kể trên và mới rồi, được thay thế, để dành thời giờ cho hoạt động thiết lập Ngân hàng Hồi giáo Thế giới.

Trong bối cảnh kể trên, việc mời tham dự Hội-nghị tại Mecca, mang nhiều ý nghĩa và riêng đối với cá nhân tôi, thì đây là một dịp tìm ra giải đáp cho một số thắc mắc.

Hồi giáo của quê mẹ

Thuở tôi còn nhỏ, mẹ tôi — một người đàn bà Chăm không biết nói tiếng Việt nhưng đọc lâu được Thánh kinh Qur'an viết bằng chữ Ả rập — có ý không bằng lòng cho tôi mỗi ngày lên trường tỉnh Châu-đốc học, mà chỉ muốn tôi đến thọ giáo với ông Tuan (giáo viên) dạy kinh sách Hồi giáo trong xóm Chăm Katambong bé nhỏ nằm bên bờ Hậu giang không mấy xa biên giới Kampuchea.

Cha tôi, một giáo viên Chăm đã từng sống trong xã-hội bên ngoài, ngược lại nhứt quyết cho tôi theo đuổi việc học trên Tỉnh.

Theo tập tục, cha tôi giữ vai trò quyết định, nhưng mẹ tôi thì lại được hậu thuẫn của thôn xóm; hầu hết các phụ huynh, trước những gương xấu đã có, không muốn cho con em mình xa rời thôn ấp để rồi phải sa ngã trong thú rượu chè, trai gái..., những điều mà xã hội Chăm Hồi giáo cấm ngặt.

Sau đó, một giải pháp dung hòa đã được thỏa hiệp là tôi vẫn tiếp tục mỗi ngày lên Tỉnh học nhưng thời gian ở tại nhà, nhứt là những ngày nghỉ lễ và bãi trường, tôi phải đến nhà ông Tuan học kinh sách và giáo điều Islam theo ý muốn của mẹ tôi.

Tôi còn nhớ trong thôn ấp quê

mẹ ngày xưa, việc tôi đi học trường Tây trên tỉnh, ngoài cha tôi, dường như không một ai quan tâm đến.

Tại trường học cổ truyền của thôn ấp, ông thầy dạy, tay cầm cây roi, ngày ngày chỉ dạy theo phương pháp cổ truyền, đám môn đệ cứ ê a đọc theo cho đến khi quen mặt chữ thì mới tự đọc được. Riêng tôi, nhờ đã biết cách ráp vần chữ Pháp nên chẳng bao lâu khám phá ra mọi bí quyết để đọc trôi chảy.

Sau khi học hết quyền *Qur'an*, tôi phải một lần nữa trở lại Chương I để được chỉ dạy về quy luật đọc, những chỗ tạm ngừng, những chỗ ngừng hẳn để lấy hơi, những chỗ ngân dài, để đếm đều, nhất là đếm thứ Năm, (người Chăm Hồi giáo kể đêm trước nên gọi đêm này là đêm thứ Sáu) cùng các thanh niên tựu họp lại tại nhà chung gọi là *su.rao* để tranh tài dưới cái nhìn hãnh diện của cha mẹ.

Sau *Qur'an*, tôi phải đòi thầy (*Tuan*) để học giáo lý Hồi giáo; nhưng các *Tuan* này phần lớn đã theo học tại Kelantan (Mã-lai-Á) nên khi về nước vẫn áp dụng phương pháp dạy đã được truyền thụ với sách vở viết bằng chữ Mã-lai mang về từ mấy mươi năm về trước. Chữ Mã-lai được giảng ở đây là thứ chữ *Jawi* dùng mẫu tự Ả-rập, được bỏ tức bằng một vài mẫu tự như *ch, ph..* mà chữ Ả-rập không có.

Do đó, đa số thanh thiếu niên Chăm Châu-độc đều nói được ít nhiều tiếng Mã-lai, để đọc được các quyền *Tafsir Qur'an* tức những

quyền diễn dịch ý nghĩa của *Qur'an* viết bằng chữ Mã lai.

Tiến đến một bậc cao hơn, các học sinh mới được truyền dạy trực tiếp chữ Ả-rập.

Chữ Ả-rập viết từ phải sang trái, các nguyên-âm được ghi bằng những dấu tương tự như dấu sắc dấu huyền, tùy theo nằm trên hay dưới phụ âm, được đọc khác nhau.

Thánh kinh *Qur'an* viết theo lối cổ, có đủ phụ-âm và nguyên-âm, nên hầu không biết nghĩa, đa số người Chăm Châu-độc có học qua đều đọc được. Riêng thứ chữ dùng trong các *Kitab* tức những quyền sách giảng luận của các tác giả cận đại thì chỉ có phụ âm mà thôi. Mẫu tự *ta* chẳng hạn (tương đương với *t*), tùy theo vị thế trong một chữ, có thể đọc là *ta, tu, ti, tu* hoặc *tun....*

Đề có thể đọc được loại chữ không có nguyên âm này, một số chữ mẫu (pattern) được truyền dạy, học thuộc lòng, trong môn học gọi là *na-hu*, môn học được xem là gay go khó khăn nhất khiến đa số phải bỏ cuộc. Vì khó khăn như vậy, nên ai cũng nghe nói đến *na-hu*, nhưng không ai định nghĩa được là gì. Cho mãi về sau nhân tìm được một quyền tự-diễn Ả-rập, thì tôi mới vỡ lẽ ra *na-hu* thật ra chỉ là mẹo luật văn phạm!

Tôi đã làm quen với chữ Ả-rập, với những sự kiện liên hệ đến nền văn hóa Ả-rập, trong những điều kiện học hỏi khá đặc biệt kể trên. Tôi tiến bước tới như một khách lữ hành trên con đường đọc nhất.

không thắc mắc và chỉ có cái vui của tuổi trẻ, được chung quanh khích lệ, học chữ của *Qur'an*, chữ của Thượng đế.

Trên thực tế, khi bước chân ra khỏi thôn ấp cổ truyền, tôi đã phải gói ghém tất cả những hiểu biết thấu nhận được, cất vào lòng, để sống hòa mình với hoàn cảnh xã hội hoàn toàn khác lạ. Thế hệ Trung học của tôi là thế hệ cuối cùng còn dùng chữ Pháp làm ngôn ngữ chánh yếu trong lớp học; khi thi Tú tài, thí sinh chọn sinh ngữ Anh hoặc Y-Pha-Nho, hoặc.... Việt-ngữ chớ không ai nhắc đến chữ Á-rập bao giờ? Cả đến những tập tục Hồi giáo cũng vậy, làm sao có thể giải thích cho mỗi trường hợp tiếp xúc với xã hội bên ngoài về nguyên nhân người Hồi giáo kiêng thịt heo không phải vì thờ con heo? Và đâu có giải thích được đi nữa thì cũng khó cho người đối thoại thông cảm ngay được.

Nhưng mặt khác xã hội bên ngoài càng giúp tôi cơ hội học hỏi mở mang kiến thức tôi lại càng cảm thấy quyến luyến với những điều mà tôi ấp ủ, xem đó như là những giá trị tinh thần của thôn ấp chôn nhao cắt rún của mình. Nổi bật nhất là hình ảnh một số *Tuan*, nguyên đã theo học có người đến hai mươi năm tại Á-rập, đang sống cuộc sống khiêm tốn trong những thôn ấp bé nhỏ, ít người biết đến, nhưng được thôn xóm trọng vọng. Bên trong sự kiện, chắc hẳn có nhiều điều cao đẹp đáng cho người ta theo đuổi.

Hồi giáo nguyên được du nhập vào Vương quốc Champa vào khoảng thế kỷ thứ 10, qua thời gian biến đổi, đã mang đến cho các thôn ấp Chăm còn lưu lại đến ngày nay một sắc thái đặc biệt, dôi dôi tùy theo mức độ giao tiếp với bên ngoài. Tại Ninh-Thuận và Bình-Thuận chẳng hạn, những tập thể Hồi-giáo gọi là *Chăm bani* vì sanh hoạt cô lập, hiện không còn liên hệ gì cả với Hồi giáo bên ngoài, mặc dầu vẫn duy trì một hệ thống thánh đường hướng về Tây (*Kiblat*). Tuy nhiên, trong lễ tục, một số thầy cúng vẫn dùng tiếng Mã-lai được đọc lên như là một số công thức gây nên sự linh thiêng nhưng chẳng còn ai hiểu được nghĩa là gì.

Người Chăm Hồi-giáo miền Tây, trái lại, có tiếp xúc với thế giới Á-rập, hàng năm vẫn gửi một đoàn tu-sĩ sang thánh địa Mecca thụ nhận giáo phẩm *Haji* và mới mấy năm qua, tái lập liên hệ với các tập thể Hồi giáo Mã-lai-Á, qua sự tham dự vào cuộc thi quốc tế xướng kinh *Qur'an* tại Kuala Lumpur mới nhận rõ những cách biệt do nhiều năm không liên lạc. Mã-lai-Á bây giờ đã dùng mẫu tự la-tinh làm quốc ngữ và chữ *Jawi* dựa vào mẫu tự Á-rập hiện chỉ còn thông dụng trong sanh hoạt tôn giáo mà thôi.

Việc tập thể Chăm Hồi-giáo nay trực tiếp với Liên đoàn Hồi-giáo Thế giới chắc chắn sẽ đánh dấu một chuyển hướng mới trong sanh hoạt địa phương, nhất là sự trực tiếp liên lạc này được thực hiện vừa khi Chánh phủ Việt-nam Cộng-hòa và

Chánh phủ Saudi Arabia chánh thức thiết lập bang giao trên cấp bậc Đại sứ.

Đường vào Thánh-địa Mecca

Thánh-địa *Mecca* (1) là đất thiêng của người Hồi giáo, nơi *Nabi Muhammad* lần đầu tiên đã tiếp nhận Thiên khải về nội dung của Thánh kinh *Qur'An*, và cũng là nơi tọa lạc đền *Kaa-bah* và phiến đá đen đã được *Nabi Muhammad* Hồi-giáo hóa; mọi Thánh đường Hồi-giáo đều hướng về hướng Tây tức *Giblat*, là hướng của Thánh địa *Mecca*.

Mecca quan trọng như vậy nên đến được đất *Mecca* là giấc mơ của mọi người Hồi giáo, cần được thực hiện ít ra cũng một lần trong đời người.

Nhưng đường đến *Mecca* xa xôi diệu vợi và gian nan.

Thời Pháp thuộc, các cụ đi bằng tàu biển từ Saigon đến *Jeddah*, hoặc sang Mã-lai-Á để cùng đi tàu Mã-lai. (Tại Mã-lai-Á, Chánh phủ có tổ chức hệ thống tiết kiệm *Tabun Haji* để hàng năm rút thăm chọn người đi *Mecca* bằng 2 chiếc tàu.) Có người, nhứt là trong những năm việc xuất ngoại bị cấm ngặt, tìm cách trốn lên Nam-vang để nhập cùng đoàn người Hồi-giáo bên đó.

Mấy năm sau này, giới hữu trách, có lẽ nhận thức tầm quan trọng của việc người Hồi-giáo sang thánh-địa *Mecca*, nên đã cho tổ chức hợp thành một phái-đoàn, trưng cao quốc kỳ Việt-nam tại thánh địa, thay vì để cho

những người Hồi-giáo Việt-nam phải núp bóng quốc kỳ các nước khác như Mã-lai-Á hoặc Thái-lan.

Lộ trình về sau cũng thay đổi, thay vì sang Mã-lai, phái đoàn Hồi-giáo thường sang Bangkok rồi từ đó lấy máy bay đi *Karachi* (Hồi quốc) và từ đó sang *Jeddah*, đến *Mecca*. Và bây giờ thì chỉ đi bằng đường hàng không.

Với vé phi cơ khứ hồi do Liên đoàn Hồi-giáo gọi cho, tôi đã đi theo đường bay kể trên; từ Saigon ngồi phi cơ, một giờ sau đến Bangkok, đổi sang phi cơ *Pakistan International Airlines* để 6 giờ sau tới *Karachi* nghỉ đêm.

Sáng sớm lại phải mon men tìm đường đến Tòa Tổng Lãnh-sự Saudi Arabia xin chiếu khán nhập cảnh, thì lại gặp bao nhiêu người đang ngồi chờ, phần lớn là những người *Pakistan* cũng đang lập thủ tục xin đi *Mecca*.

Nghe nói đi dự Hội-nghị Hồi-giáo, mọi người nhốn nháo hỏi thăm và dành ưu tiên để vào gặp ông Tổng Lãnh-sự. Vì bất ngờ, ông Tổng Lãnh-sự lại phải điện thoại hỏi Tòa Đại sứ ở Islamabad cách *Karachi* khoảng một ngàn cây số. Đường giây bị bận, nên quay mãi không liên lạc được. Chờ đến 2 giờ trưa, sốt ruột chứng kiến cảnh ông Tổng Lãnh-sự bỏ qua bên mọi công việc để quay máy điện thoại.

(xem tiếp trang 75)

(1) Phiên âm đang chữ Ả-rập *Ma-Kah*.

Từ một kiểu trường học cho các xóm nghèo đến một bước canh tân cho nền Giáo - dục Tiểu - học

Trong một số nội-san học-đường trước đây tôi đã có thiên ý về các trường Tiểu-học Cộng-đồng : Trong cố-gắng mới-mẻ này của chúng ta để đem văn-minh, tiến-bộ về hang cùng ngõ hẻm ở nông-thôn, chúng ta chưa đạt được kết-quả đáng kể vì chưa thích nghi được với khối cộng-đồng thôn xã : ta muốn thực hành mà ôm đồm nhiều lý-thuyết, trong quá nhiều lĩnh-vực : ta muốn đi sát hoàn cảnh ruộng đồng mà cán-bộ ta chưa có kinh-nghiệm về trang trại, ta muốn học-sinh sinh hoạt với ta ngoài nhà trường mà thời-khóa-biểu của trường chưa hòa-hợp với nếp sống trong gia-đình họ. Những nhà nghèo và đông con ở thôn quê đành phải cho con họ đi ở thuê, làm mướn từ lúc mới biết chăn trâu, xách nước, giữ em.

Cho nên vấn-đề của chúng ta ở thôn quê hiện nay là phải tiến tới một nhà trường thích-hợp với các xóm nghèo và làm thế nào để sinh-hoạt học-đường với đời sống nông-thôn được hoà-hợp, kinh-nghiệm học nơi này đem xử-dụng được nơi

kia để trẻ em nghèo có thể sống ở trường cũng như ở nhà chúng, không vì sinh-kế gia-đình mà phải thất học. Phải có một kiểu trường để họ vừa làm vừa học, làm để sống mà cũng là làm để học, học trong việc làm và học nhờ có chỗ ăn làm, một kiểu trường tự túc nuôi được ít ra một số học-sinh.

Một trường như vậy sẽ chọn cho mình một số tiểu-công-nghề nhẹ để thực hành, lấy đó làm phương-tiện giáo-dục và cũng làm phương-tiện sống cho học-sinh. Việc cho các em làm một nghề nhẹ ở nhà trường không có gì là mới lạ từ khi các nhà tân giáo-dục chủ-trương đưa môn thủ-công và xưởng thợ vào học-đường. Ta lấy một thủ-công-nghiệp làm chủ-điểm để rèn luyện kiến-văn và tính-khí cho học-sinh, chúng ta còn dùng nó làm chủ-điểm sinh-hoạt thực-sự để sản-xuất kiếm tiền, giúp nhà trường có thể cung cấp cho trẻ giấy bút, cơm nước ít nhất mỗi ngày hai bữa. Các em được học mà lại đỡ gánh nặng cho gia đình, còn có một nghề nghiệp sau này làm sinh-kế. Hiện mỗi người dân sống thuần-túy ở thôn-quê ta đều phải làm một hay nhiều nghề như vậy mà trước đây phần đông họ đã phải bỏ học văn-hóa để học nghề ;

nền giáo-dục phổ-thông và cả chuyên nghiệp nữa của chúng ta lâu nay vẫn chưa đáp ứng được nhu-cầu đại-chúng ấy.

Nói đơn giản là trường học phải vừa dạy chữ, dạy nghề, vừa là cơ-sở sản-xuất tự túc để nuôi học-sinh, các em học văn-hóa một buổi và làm nghề một buổi. Chương-trình học tất phải liên-kết chặt-chẽ hai chiều hướng sinh-hoạt này để mang lại hiệu-quả giáo-dục tối-đa.

Xin bàn về việc làm nghề trước.

Muốn mở một trường kiểu này, trước tiên phải chọn một số thủ-công-nghề đáp ứng với nền kinh-tế địa-phương, hội được các điều kiện thuận lợi về vật-liệu, thị-trường tiêu-thụ và nhu-cầu nhân dụng để các em ra trường có chỗ hành nghề. Điều này không khó vì thôn-quê ta xưa nay vốn đã có tập-tục sản-xuất theo từng địa-phương rồi, vấn-đề chỉ còn là kế-hoạch-hóa và qui-mô-hóa những trung-tâm sản-xuất công-truyền ấy và phát triển nó ở những nơi mới, có điều-kiện vật-liệu và tiêu-thụ khác. Những nghề làm nón đan tre, đan mây, dệt vải, dệt chiếu, vớng lưới cá, làm guốc, thêu, đồ gốm... nhất là những nghề sản-xuất phó-sản nông-nghiệp, như làm bún, bánh tráng, mì sợi... các thứ bánh, đậu, nếp, đậu phụ, tương, dầu... Với thủ-công-nghệp thì vốn liếng để sắm dụng cụ mua nguyên liệu sẽ không nhiều, các cơ-quan nông-tín có thể cho vay tiền để tư nhân mở những kiểu trường này cũng như họ cũng đã có cho vay để làm mùa, lập xưởng kỹ-nghệ. Bàn ghế, trường trại sẽ rất đơn

giản lúc ban đầu : trẻ học, viết ngay trong trại nghề hoặc giữa trời; các gia-đình nghèo không muốn chúng ta làm hư con họ với những tiện-nghỉ trường-giả không hợp với tình cảnh họ. Việc sắm cho mỗi em một bộ đồ nghề sẽ không đắt tiền vì khi công-nghiệp dạy ở trường đã được chọn theo địa-phương thì ở đó tất phải có nơi sản-xuất dụng-cụ, nhà trường cũng có thể nghĩ đến việc sản-xuất ngay những dụng-cụ ấy để bán lại cho đồng-bào địa-phương sau này.

Ở một nước hậu-tiến như nước ta thì thủ-công-nghệp còn đóng vai trò quan-trọng trong thời gian lâu dài nữa. Sự lớn phồng của sinh-hoạt thành thị ngày nay, hậu-quả của một thời bình lữ, không thể nào tồn tại lâu dài khi chúng ta còn cần đến ruộng đồng, có nhiều nhân công mà ít vốn liếng.

Bây giờ xin nói đến việc học văn-hóa phổ-thông.

Mục-dích khác của nhà trường là giáo-dục văn-hóa phổ-thông bậc Tiểu học :

trẻ con ta đi học, biết nhiều chuyện trong sách vở, có thể làm luận, làm toán, thuộc nhiều bài về sử, địa, công-dân..... nhưng mỗi ngày mỗi hóa ra lạc-lỡng với xã-hội thực tại. Con nhà bình-dân khi học ở Tiểu-học thì còn biết quét cái nhà, pha ấm trà, xách gàu nước giúp mẹ cha. Lên đến Trung học được ít năm thì phần đông đã xa lạ với đời sống gia-đình, thôn xóm, cho công việc làm ăn lam-lũ của cha mẹ là kém

hèn, lạc hậu, đừng nói đến chuyện giúp gì cho ai nữa. Khi đổ đạt rồi thì ngồi trông lúc nào có khoa thi tuyển công chức, sở nào cần thư ký nhân viên, còn việc kinh doanh công nghiệp ngoài đời, phần lớn phó mặc cho những người ít học. Không nên nói rằng vì kinh tế ta lạc hậu nên không cần người có học cao mà phải nói rằng chỉ vì kiến thức ta vô dụng, cái học ta viên vông không giúp được gì nên kinh tế ta mới lạc hậu. Tình trạng ấy đã bắt nguồn từ cái học làm quan thuở trước, cho đến bây giờ vẫn chưa có gì gọi là thay đổi. Thêm vào đó, nhà trường ngày nay lại lơ-là về thể-dục, thể-thao mà không có một sinh hoạt chân tay nào để thay thế, khiến thể chất lớp trẻ ngày một yếu kém khả năng. Lại không có một đường lối giáo dục đề cao tự cường tự chủ về mặt tinh thần một cách liên tục, có ý thức và kế hoạch trong khắp các môn học thì người thanh niên ta lấy đâu mà có được một sức mạnh thể lực và tâm hồn mình để sống hiên ngang tự lập trong bản thân, chưa nói gì đến quốc gia xã hội và tiền đồ của nòi giống về lâu về dài. Gần đây, thấy có nhiều phong-trào thanh-niên thế-giới đã lan rộng nhanh chóng vào giới trẻ nước ta từ lối ăn mặc tóc tai đến tư-tưởng và hành-động chính-trị xã-hội. Mà nhìn lại thì chính bản thân và xã-hội của họ đã không bảo đảm cho họ một thực lực nào, ta có quyền nghi ngờ rằng đó chẳng qua là đua đòi lệ thuộc, chỉ có từ bình diện này, nó đòi sang

bình diện khác chứ không dựa trên một bản lĩnh nào.

Nhận định như trên khiến ta cần đặt lại vấn đề : văn-hóa không cứ ở chữ nghĩa, ở bài học thuộc lòng, mà chính ở cái giá trị giáo-dục tinh-khí và tài-năng thực-tế. Trên căn bản đó, chúng ta mới thấy cần đưa công nghiệp vào lớp học văn-hóa. Chương-trình học sẽ lấy công-nghệ làm chủ-đề, các môn khoa-học, toán sẽ lấy thực-tại công-nghệ mà dẫn-chứng. Sử-ký, địa-lý, công dân có thể không lệ thuộc vào đó lắm; nhưng Việt-ngữ, tuy vẫn là môn chính, không cần có một giờ học thuần túy nào mà chỉ được học như là phương tiện để truyền đạt các môn khác mà thôi, kiến thức nào lại không có thể dạy bằng chính-tả, tập-đọc, làm văn được? Nhất là khi chủ-đề các môn đã hướng về sinh hoạt nông thôn thì nguồn cảm hứng văn chương không thể không dồi dào. Nào đó con người ở trẻ em được rèn luyện từ một thực-tế phong-phú. Ở quan-sát, thực-tiễn, sáng-kiến, cần-mẫn, tinh-thần trách-nhiệm, ý-thức xã-hội tập-thể... đều có hoàn-cảnh thuận lợi để được giáo-dục ngay trên việc làm.

Vấn đề địa-phương-hóa giáo-dục được coi như giải-quyết ở bậc học nhỏ để từ đó trẻ em có một nền móng vững-chắc trong tâm-hồn gắn liền con người với quê-hương xứ sở, khó mà phai mờ về sau khi lên những bậc học quặng bác hơn. Theo chiều hướng ấy, các ngày nghỉ trong năm cũng được trù liệu theo nhu-cầu gặt hái hay lễ-lạc của địa phương,

tránh được tình trạng trẻ em, đến ngày mùa, thường bỏ lớp trống như hiện nay ở nhiều trường Tiểu-học thôn-quê. Bù vào đó, nghỉ hè sẽ bãi bỏ đề năm học đủ cho trẻ học hết chương-trình văn-hóa phổ-thông ngõ hầu có trình độ vững vàng tiếp-tục học trung-học hay tự-học nếu phải ra đời sớm. Thói quen vừa làm, vừa học, một đức-tính mà người học-trò không làm sao có được trong các trường-học hiện nay, sẽ giúp các em cứ theo đà ấy mà đi xa hơn nữa.

Đề đáp ứng những đòi hỏi bao quát của mục-dịch giáo-dục nhằm đào tạo con người toàn diện thì không gì bằng dựa vào những thủ-công-nghệ của nước ta vì nghề nào cũng nhẹ về máy móc lại cần nhiều động-tác có ý-thức liên quan đến nhiều lĩnh-vực kiến-văn, nên không kiềm hãm con người trong một vài động-tác cơ-giới hay vài kiến-thức chuyên môn chật hẹp như lối làm việc dây chuyền trong kỹ-nghệ tối tân. Như một nghề nhuộm vải, nuôi tằm, tằm tơ hay làm đồ gốm, nếu muốn am tường thành-thạo, người học phải rộng hiểu biết bao nhiêu là kiến-thức về vật-lý, cơ-học, hóa-học vạn-vật-học, và quen thuộc với bao nhiêu là động-tác uyển-chuyển chân tay, huy động đến cả năng-khiếu thẩm-mỹ nữa.

Bước đầu xây dựng

Khởi đầu trường còn ít vốn, có thể chỉ thu nhận một số em hạn chế để rút kinh-nghiem rồi phát-triển dần, những em ưu tú trong các năm đầu sẽ được chọn làm đốc công để hướng

dẫn số học-sinh đông hơn trong các năm sau vì dạy nghề thì nhiều khi trong thực-hành không phải giảng giải nhất-tề như là dạy chữ nghĩa. Địa-điểm mở trường phải được chọn theo ba tiêu chuẩn sau đây, nếu là nơi không có sẵn những công-nghiep:

— Dễ tìm những nguyên-liệu cho những công-nghệ dạy trong trường.

— Có phương-tiện để đưa đến một thị-trường tiêu-thụ sản-phẩm làm ra.

— Thuận đường đi về cho học-sinh: ở ngay trong xóm nghèo càng tốt.

Chương trình học

Xưa nay các nhà soạn thảo chương-trình chỉ biết dựa vào tâm-lý trẻ em, triết lý giáo-dục, và qui-phạm giảng dạy mà quên mất nhu-cầu xứ sở của người học-sinh; nếu muốn địa-phương-hóa giáo-dục thì ngay từ bây giờ, chương-trình học phải có một phần dành cho sáng-kiến các nhà hữu-trách giáo-dục địa-phương tùy nghị-định đoạt theo nhu-cầu của người học và cha mẹ họ. Phải nhận rằng lâu nay các uy-quyền địa-phương đã bị từ-chối trong giáo-dục ta: thầy dạy thì từ xa bỏ đến, chương-trình thì do trung-ương vạch sẵn, sách giáo-khoa thì nhan-nhân những hình ảnh, chữ nghĩa, cảm nghĩ xa lạ đâu đâu. Một quyển sách tiểu-học dùng ở thôn quê mà dạy về đèn xanh đèn đỏ ở thành-tị, dùng ở Việt-nam mà nhắc đến « Bạch-Tuyết và bảy chú lùn » ở Âu Tây. Việc đưa tiêu-công-nghệ địa-phương vào nhà trường chính là cơ-hội tốt để chúng

ta xây dựng một nền quốc-học từ gốc rễ đến ngọn ngành qua chương-trình học.

Vấn đề giáo dục

Họ phải được huấn-luyện kỹ ở các trường Sư-phạm. Kiến-thức về công-nghiệp, kinh-doanh cần cho họ hơn là những hiểu biết quảng bác mà điều-kiện nhập học (có bằng Tú-tài) đã bảo đảm cho họ rồi. Ngoài phương-pháp giảng dạy, giáo-sinh phải được học và thực-hành một vài công-nghệ tiêu-biểu, am-tường một chương-trình cơ-học thực-dụng (các máy thường (machines simples), bánh xe răng cưa, tay quay, bàn đập ròng-rọc..., các định luật thông-dụng về cơ-khí). Kiến-thức này có thể giúp giáo-chức, tự mình nghiên-cứu những công-nghệ mà mình phải dạy ở địa-phương, và khi đã thạo rồi, có thể góp sáng-kiến

để cải-tiến và phát-minh. Thầy dùng cái học mình vào thực-tế; ngày nào cũng có mặt ở xưởng, thầy có thể tìm hiểu tường-tận công-nghiệp của xứ sở, đem sáng kiến mình ra cải-tiến kỹ-thuật cho tăng năng-suất, hợp-lý-hóa tổ-chức, sáng-chế hay canh-tân dụng-cụ. Thật là một hoàn cảnh tốt để người trí-thức tôi luyện cái học của mình, vận dụng tài-lực mình để phục-vụ quốc-gia xã-hội.

Đưa văn-hóa về tận các xóm nghèo, đưa người trí-thức vào thực tại xứ sở, một kiểu trường như thế mà thực hiện thành công thì còn giải quyết thỏa đáng được nhiều vấn-đề khác có tầm quan-trọng hơn nữa của tình-trạng quốc-gia hiện tại.

ĐOÀN NHẬT TẤN

Kỳ tới: Một bước canh tân cho nền giáo-dục Tiểu-học.

CHIA BUỒN

Được tin: Nhà văn NGUYỄN ĐỨC QUỲNH đã từ trần ngày 6-6-1974 tại Saigon, hưởng thọ 65 tuổi.

Xin trân trọng chia buồn cùng Bà Nguyễn Đức Quỳnh, các anh Duy Sinh, Quỳnh Kỳ, Duy Nhân và tang quyến.

Trần Ngọc Ninh, Lê Văn Siêu, Văn Thanh, Lê Thanh Thái, Lê Ngộ Châu



Bồ máu Chuông vàng

Soluté B₁, B₁₂, Fer

FERAMIN

Mắt máu — Đau mỏi khỏi — Ăn không tiêu — Bần thần mỏi mệt

Viện bào chế TENAMYD

Đặt kỹ và giữ trong tối

công thức mới
Thước mới

hemocalcium

B12

U. SUY YẾU. CHẠM LỚN
KÉM ĂN. THIẾU MÁU



hemocalcium B12



SWAPP SINGON

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Sản tại các nhà thuốc tây

Công thức môn
thuốc mới :

HÊMOCALCIUM B 12

U. : SUY YẾU — CHẠM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu sinh tố B 12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Sản tại các nhà thuốc tây.

Cao Chu Thần Thi Tập của T.T. Học Liệu^(*) hay câu chuyện « đầu Thần đuôi Thánh »

Cao Bá Quát, Nguyễn Văn Siêu, hai tay danh sĩ triều Tự Đức, nổi tiếng văn chương đến được người đương thời tôn là Thần Siêu Thánh Quát. Những bài văn chữ Hán của hai ông lừng lẫy như có người đã tán tụng:

*Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán
Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh đường.*

Ngày nay « cái học nhà Nho đã hỏng rồi » ngôi sao Thần Siêu đã lu mờ và địa vị Thánh Quát sở dĩ còn rạng rỡ chỉ là nhờ mấy bài thơ Nôm. Cao Bá Quát vẫn còn lưu lại trong tâm trí người sau một ấn tượng ngang tàng, một tình cảm tiếc nuối sâu xa qua hình ảnh một thi nhân tài hoa lạc phách. Hơn trăm năm sau khi họ Cao đã về thần, người đời vẫn còn xót thương một thiên tài bị ruồng rẫy và hận cho thời Tự Đức « nở hoai chén ngọc đề trần ai ». Đời ruồng bỏ họ Cao thì đời cũng chuộc lỗi bằng cách chạm ngọc trở rồng cho hình tượng Cao Bá Quát. Nên nhà thơ không đến với chúng ta bằng khuôn mặt thực mà qua hình ảnh được huyền-thoại-hóa bằng những giai thoại chấp nối. Làm thế nào tìm hiểu một thiên tài chỉ qua những mẩu chuyện huyền hoặc? Những tác phẩm Nôm lại quá ít không đủ phản ánh tư tưởng của con người có kích thước lớn như Cao Bá Quát. Vậy muốn có cái nhìn trung thực về Cao Bá Quát ta phải tìm đọc chính tác

phẩm đã đưa ông lên hàng bậc Thánh : *Cao Chu Thần Thi Tập*.

Tuy nhiên phải nhận rằng chưa bao giờ Cao Bá Quát được sống trọn vẹn với mình. Ông luôn luôn bị đời xâu xé khi sống cũng như khi chết. Khi sống Cao Bá Quát đã phải mang hình ảnh người khác qua những giai thoại, khi chết ông cũng không được chết một cách dứt khoát rõ ràng. Có nhiều giả thuyết mâu thuẫn về cái chết của Cao Bá Quát. Người bảo ông nổi loạn, bị bắt, bị giết, bị tru di tam tộc. Người quả quyết ông bị bắn chết ngay khi khởi loạn. Người bảo ông được vua Tự Đức ân xá đày đi quân thứ hiệu lực rồi chết trong quân. Cho đến ngày nay đứm con tinh thần của họ Cao xuất hiện cũng không thoát được số phận tha hoá : *Cao Chu Thần Thi Tập* không phải là tác phẩm độc lập, trong sự sống của nó có nửa sự sống của tác phẩm khác. Phải chăng đó là định mệnh của họ Cao.

oOo

Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục, cho xuất bản cuốn *Cao Chu Thần Thi Tập* trích dịch và nguyên bản «Cao Chu Thần Thi Tập» bằng Hán văn, đã đáp ứng được yêu cầu

(*) *Cao Chu Thần Thi Tập* trích dịch của Cao Bá Quát, dịch giả Sa Minh Tạc Thúc Khải — Bộ Giáo Dục, Trung Tâm Học Liệu x.b, 1971.

của học giới, đó là công việc hữu ích vô cùng. Dịch giả là cụ Sa Minh Tạ Thúc Khải mặc dầu tuổi cao vẫn không quản công phu khó nhọc cố gắng dịch bộ sách này. Cụ dịch rất sát, rất kỹ lột tả, được tinh thần bản văn. Ngoài ra cụ Sa Minh còn chú thích đầy đủ những điển tích, một công việc cần thiết giúp độc giả hiểu rõ bản văn hơn.

Tuy nhiên khi đọc kỹ phần nội dung tác phẩm chúng tôi thấy có nhiều điểm nghi ngờ « Cao Chu Thần Thi Tập » không hoàn toàn là tác phẩm của Cao Bá Quát. Sau đây chúng tôi chỉ lược xét những bản văn chứa đựng những sự kiện rõ rệt để chứng minh Cao Chu Thần không thể là tác giả của chúng được. Những công việc khảo chứng khác nhằm phân biệt đâu là tác phẩm của Cao Bá Quát trong những bản văn thiếu dấu vết lịch sử rõ rệt, chúng tôi xin nhường cho các vị cao minh hơn.

Bài 116 (tr. 242) Tiễn Tam-Nguyên Tiễn-sĩ Vị-Xuyên Trần-Tử là một dấu vết rõ nhất chứng tỏ Cao Bá Quát không thể viết bài này.

Trần Tử là Trần Bích San, người làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định, bạn thân của Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến, sinh năm 1833. Khoa Giáp-tí (1864) ông đỗ Giải Nguyên trường Nam Định, sang khoa Ất-sửu (1865) ông vào kinh thi Hội, đỗ Hội Nguyên, rồi vào thi Đình đỗ Đình Nguyên, Nhì-giáp Tiễn-sĩ xuất thân tức Hoàng-

giáp. Vua Tự-Đức mến tài cho đổi tên Hy Tăng (1) và ban lá cờ thêu 4 chữ « Liên trúng Tam Nguyên ».

Như thế bài Tiễn Tam Nguyên Tiễn sĩ Vị Xuyên phải viết năm 1865, nghĩa là hơn 10 năm sau cái chết của Chu Thần, khi hình hài ông đã trở về với cát bụi.

Tiếp đó là bài 117 Tiễn Ngọc Quan Phó Bảng Võ Trù (tr. 244), Bài 118, Đại Châu Cầu Xã Hạ Phó bảng Bùi Dị, Bài 119 Kinh ngoại Bồn tỉnh Văn Thân hạ Kim Lũ Tiễn sĩ Nguyễn Tuyên đều có nhắc đến khoa Ất sửu. Bài 118 còn có chi tiết chính xác hơn đó là năm thứ 18 (Tuế Ất sửu, Thánh thượng ngự lịch vạn vạn niên chi thập bát) thì đúng là năm 1865 đồng khoa với Trần Hy Tăng.

Bài 120 là bài «Phụ chép bài biếu tạ ơn được lựa đi sứ Tàu của Phó Sứ Nguyễn Tư Giản nghĩ soạn», chúng ta biết Nguyễn Tư Giản được cử làm Phó Sứ trong Sứ bộ sang Trung-Hoa năm 1868. Vậy bài 145 (tr. 333), Tiễn Giáp Phó sứ Nguyễn Tư Giản đi sứ qua Tàu cũng làm trong thời gian này.

(1) Cụ Sa Minh chú thích: Hy là học theo. Tăng ở đây là chỉ Tăng Củng, người đời Tống, tự là Tử Cổ, đỗ Tiễn sĩ, làm chức Trung Thư xá nhân. Văn chương hay kinh thuật thâm thúy. Có sáng tác bộ Nguyên phong loại cáo. Vua đặt tên cho là Hy Tăng là có ý bảo học theo Tăng Củng, do sách Mạnh Tử có câu rằng: « Kê sĩ thì học theo hiền. Hiền học theo Thánh, Thánh học theo Trời » (tr. 241). Nhưng theo cụ Cử Nguyễn Khắc Bình trong An Nam Tạp chí số 16 thì Tăng là Vương Tăng, đời Tống cũng đỗ Tam Nguyên, làm đến Tể tướng.

Những bài này chắc hẳn Cao Bá Quát không thể làm được nếu ông thật sự qua đời năm 1854.

Trong « Cao Chu Thần Thi tập » có bài Ty Địa (số 219, tr 464) có thể gây cho chúng ta nhiều vấn nạn :

*Lại đem cả gia quyến,
Hướng Bắc bước đường lên
Thuyền nhẹ đi Nghĩa Trụ
Mây cách xa Long Biên.
Nghẹn đường về quê quán
Phòng người biết họ tên.
Khúc Xuân Cầu Đồng Tỉnh,
Chưa rảnh hóa ra quên.*

(Nơi ở lánh mình, tr. 464, 465)

Nếu bài này của Cao Bá Quát thì ta có thêm một giả thuyết Cao Bá Quát thoát chết và mang gia quyến đi trốn ? Thuyết này khó tin quá. Cũng có thể bài này của Cao Bá Nhạ, cháu Cao Bá Quát, sau cuộc nổi dậy ở Mỹ Lương gia đình họ Cao bị thảm sát, ông phải mai danh ẩn tích và đã tỏ bày tâm sự qua bài này cũng như qua « Tự tình khúc » hay « Trần trình văn ». Cũng có thể nếu đủ điều kiện căn cứ vào các địa danh Nghĩa Trụ, Xuân Cầu, Đồng Tỉnh ta có hy vọng tìm ra manh mối tác giả bài này chăng.

Bài 139 (Tr. 323) « Ở trong quán tỉnh còn làm ra gỏi Tam Đăng Phạm Tiên sinh » có câu :

*« Sờ mặc tầm hàng thử nhất quan
Hồi đầu nhị thập cửu niên gian »*
Sa Minh dịch :

*« Đếm mực tìm hàng một chức thôi,
Hăm lăm năm trước trải qua rồi »*
(tr. 324)

chứng tỏ không phải của Cao Bá Quát, ông chỉ làm quan từ năm 1841-1854 trong khi tác giả bài thơ này chìm nổi trong hoạn lộ 25 năm trôi.

Bài 114 (tr. 237) Tiền Phạm Chi Hương, giáp Phó sứ, đi sứ Trung Quốc, tác giả tự đề lộ thân thế « Từ khi tôi được vào các, thường được Hoàng thượng hỏi chuyện... » (tr. 238) rõ là tác giả có một địa vị đặc biệt mà Cao Bá Quát không bao giờ có thể đạt đến được.

Từ bài 182 (tr. 390) « Chiều tối đến tỉnh thành Quảng Tây vừa mưa gió nổi dậy » cho đến bài 216 (tr. 458) « Tiết đoan Ngọ cùng chủ nhà đối rượu » gồm tất cả 35 bài nói đến cảnh đi sứ Trung Hoa. Trong tiểu sử Cao Bá Quát không đâu có nói ông từng đi sứ sang Trung Hoa. Cao Bá Quát cũng có đi sứ nhưng đi về phía Nam chứ không phải hướng Bắc. Đó là lần Cao Bá Quát bị phát phối vào Đà Nẵng nhân có sứ Bộ Đào Tri Phú sang Tân Gia Ba, ông được cử theo đái công chuộc tội. Trái lại trong tiểu sử Nguyễn Văn Siêu có nhắc đến chuyến ông đi sứ sang Tàu.

Nguyễn Văn Siêu sinh năm 1797 mất năm 1872 tự Tôn Ban, hiệu Phương Đình, quán làng Dũng Thọ huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội. Thi đỗ Phó Bảng khoa Mậu Tuất (1838). Năm 1849 ông có phụng mạng đi sứ sang Trung Hoa (1).

(1) Theo Trịnh Văn Thanh, « Thành Ngữ Điện Tích Danh nhân Tự Điển », cụ Tạ Thúc Khái ghi làng Kim Lũ, tỉnh Hà Đông.

35 bài này nếu không phải của Thần Siêu thì nhất định cũng không phải của Thánh Quát.

Ngoài ra trong « Cao Chu Thần trích dịch » còn có hai bài có giọng thời thế. Bài 148 « Nghe tiếng giã lúa cảm tác »:

*Tây bắc nghe xe tựa sấm gào
Xuân sang nước Nhị có trong nào !
Thái bình cảnh tượng còn trong mộng
Đập lúa bên tường tiếng động xao !*
(tr. 340)

Bài thơ diễn tả tâm sự một người khát vọng hòa bình, bài 149 tiếp theo đó càng cho thấy rõ nỗi lòng của người vong quốc, loại tâm sự chỉ xuất hiện ở thế hệ Nguyễn Khuyến, xuất hiện sau năm 1862 khi ba tỉnh miền đông Nam kỳ đã rơi vào ách thực dân, bấy giờ thì Cao Bá Quát cũng chẳng còn trên cõi đời này nữa :

*Lưỡi kiếm tung trời thét với ai ?
Bụi hồ quét sạch để nay mai !
Ruộng vườn đã quá là thô鄙,
Giọng Sở còn xen khúc hát hoài !*
(tr. 342)

Giọng Sở hay Dinh thanh, nói đến Dinh là nói đến Sở, về điểm này cụ Sa Minh chú thích rất kỹ : Câu cuối bài này chỉ cảnh trạng « Tứ diện Sở ca » khi nước Sở gần mất. Theo Tây Hán Chí, lúc ấy Sở Vương tuy bị quân Hán mười mặt vây kín, nhưng quân sĩ còn đông, thế lực chưa núng, nên Trương Lương mới nghĩ ra kế làm cho quân sĩ của Bá Vương ly tán là thổi ống tiêu những khúc sầu thảm. và còn lựa những quân Hán tập theo giọng Sở hát hòa theo tiếng

tiêu, quân Sở nghe mà động lòng nhớ nhà, nhớ cha mẹ vợ con, trong đêm rủ nhau ly tán hết » (Chú thích 2, tr. 341). Trong chú thích này cụ còn nhấn mạnh : *Có lẽ khi ấy chiến sự giữa nước ta và nước Pháp đã khốc liệt nhiều, tác giả đoán chắc nước ta trước sau rồi cũng mất vào tay nước Pháp, nên mới thốt ra lời nói như thế.*

Nếu bảo bài này của Cao Bá Quát thì hóa ra họ Cao có tài tiên tri thần toán nữa, vì Chu Thần mất năm 1854 mà đến năm 1858 quân Pháp mới bắt đầu tấn công cửa bể Đà Nẵng và thực sự xâm chiếm miền Nam năm 1862. Hai bài này cùng tâm trạng với bài 116 Tiền Tam Nguyên Tiến sĩ Vị Xuyên :

*Đông thổ, đang chầy tin thắng lợi,
Tây Nhung ai đuổi bọn xâm lăng ?*
(tr. 244)

Những bài này phải chăng cũng một tác giả, dầu sao cũng như bài Tiền Tam Nguyên Tiến sĩ Vị Xuyên, hai bài 148 và 149 chắc chắn phải làm sau khi Pháp xâm chiếm Việt Nam. Tất nhiên cũng như những bài khác đã dẫn ở trên, Cao Bá Quát không có đủ thời gian hiện hữu để nhìn mặt những đứa con không sinh này.

oOo

Trong lời dẫn của « Cao Chu Thần Thi Tập trích dịch », dịch giả có nhận xét văn chương Cao Bá Quát là « thiên hình vạn trạng, biến hóa vô cùng » (tr. VI). Lời đó thật đúng với tác giả mà cũng thật đúng với tình trạng « Trê Cóc » của tác phẩm. Nguyên bản có

tất cả 602 bài, dịch phẩm chỉ trích có 234 bài, thế mà có đến nửa trong số đó không phải của Chu Thần. Phải có một cuộc khảo chứng, phân tích cẩn thận mới có thể định đâu là tác phẩm của Cao Bá Quát, đâu là tác phẩm của Nguyễn Văn Siêu hay một tác giả khác chúng ta chưa tìm thấy dung nhan của họ. Tuy nhiên từ bài 1 đến bài 115, đa số có dấu vết của Thánh Quát, từ bài 116 đến 234 đa số có dấu vết của Thần Siêu cho nên ta có thể xem Cao Chu Thần Thi Tập là tác phẩm

đầu Ngô mình Sở hay đúng ra đầu Thánh đuôi Thần.

Bản dịch này rút ra từ nguyên bản Hán văn chép trong tập ảnh A: 229 N^o 58—530 Septembre 1955, lưu trữ tại Viện Khảo Cổ Sài Gòn. Có lẽ tin tuyệt đối vào Viện Khảo Cổ mà Trung Tâm Học Liệu không có phản ứng gì với tác phẩm khi chọn dịch. Thật ra Viện Khảo Cổ chỉ tiếp nhận và lưu trữ bản văn chứ chưa kiểm chứng. Công việc khảo chứng là bổn phận của người sử dụng tác phẩm.

(1) Trong « Cao Chu Thần Thi Tập » ngoài một số bài của Cao Bá Quát (nếu làm cẩn án thận trọng có thể những bài này lại chiếm số lượng ít nhất của tác phẩm) ta có thể nghi là của Nguyễn Văn Siêu và một số tác giả nào đó (Cao Chu Thần chép những bài đại nghị, chế sách, chứng tỏ có rất nhiều tác giả chứ không thể là một được). Bài này chỉ nhằm mục đích phân tích để thấy đa số thơ trong « Cao Chu Thần Thi Tập » không hẳn của Cao Bá Quát, còn việc đi tìm tác giả những bài đó không phải là trọng tâm của bài này.

Đón đọc:

VẤN HỌC SỬ THỜI KHÁNG PHÁP

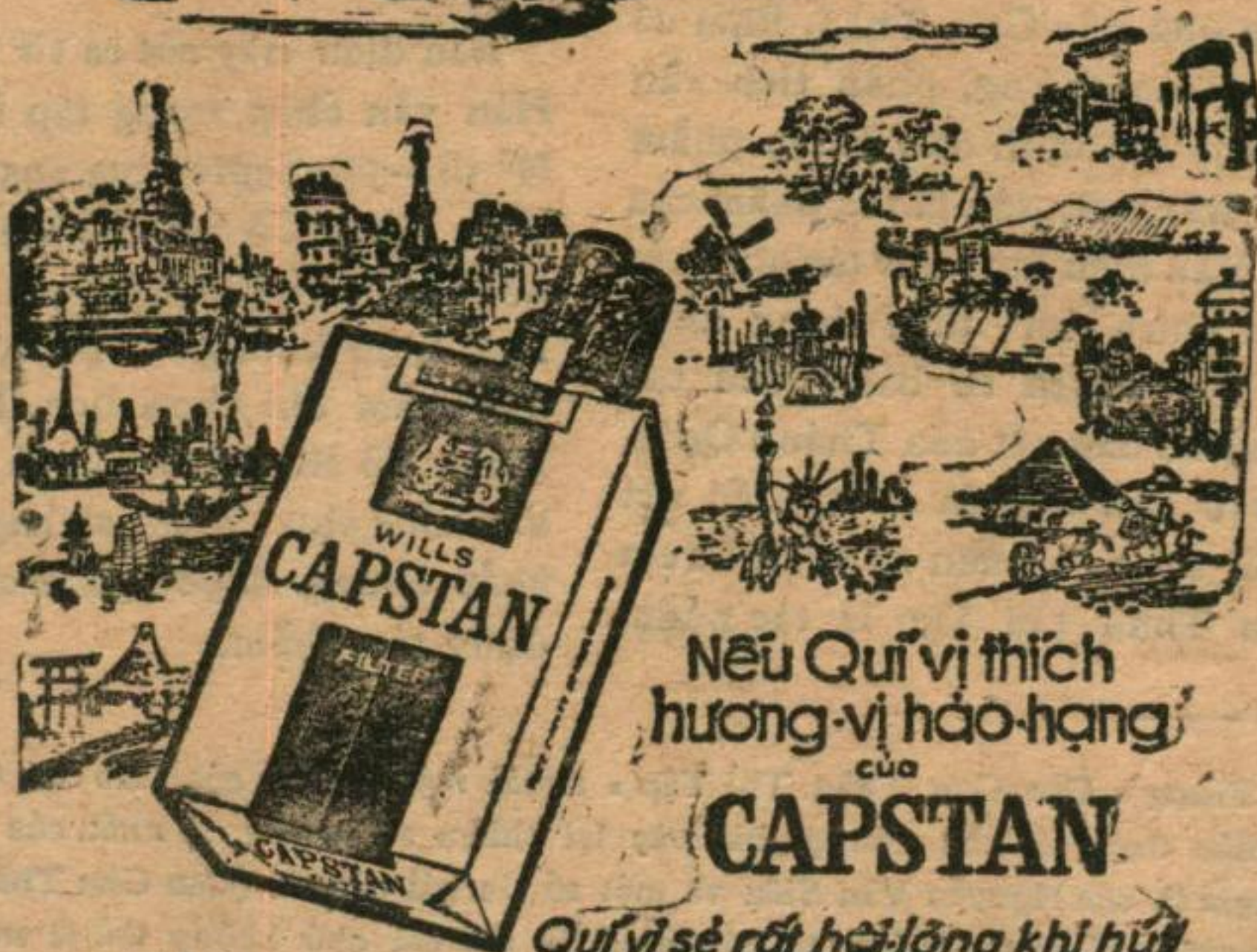
của LÊ VĂN SIÊU

Công trình biên khảo từ đầu cuộc xâm lăng đến ngày Pháp mất quyền ở Việt-nam.

Phải đọc để thấy người Việt lúc nào cũng chiến đấu, chống trả, đánh đuổi quân xâm lăng...

TRÍ ĐĂNG xuất bản phát hành

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTREME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

**Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...**

**Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie**

**NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS**

« *Cần xây đắp một nền Quốc Học* » Bài diễn văn đầu tiên của NGUYỄN AN NINH

Căn cứ vào bộ *La Cloche fêlée*, là những số báo đóng thành tập của Nguyễn An Ninh xuất bản cuối năm 1922, và hiện nay, dường như chỉ còn một bản mà thôi. Long Điền đã nhắc tới bài diễn văn thứ hai của Nguyễn An Ninh, có đăng trong báo này, và cũng có tự tay Nguyễn An Ninh dịch ra quốc văn, in thành sách mỏng. Nhưng mà bài diễn văn thứ nhất, và chính bởi bài này gây đầu dây mối nhợ mà có báo *La Cloche fêlée*. Tôi không biết những ông bạn lớn tuổi hơn tôi, và hay tàng trữ văn liệu của Nguyễn An Ninh, nhứt là ông bạn già Vương Hồng Sển có giữ được dấu vết nào về bài diễn văn thứ nhất này chăng? Tôi thì chỉ nghe qua mà thuật lại, mặc dầu người kể chuyện chính là Nguyễn An Ninh. Song chẳng vì đó là « khẩu truyền » mà nên bỏ đi. Và tôi xem bài này ví như tôi đem cây cong ra ngã ba đường đề mà đẽo cày. Những ai qua lại, thấy chướng mắt, mà đẽo lại giùm, thì phải chăng là hay biết mấy?

Nguyễn An Ninh cầm bài diễn văn này là quan trọng hơn cả trong mọi hoạt động của mình. Nó là « mối tình đầu ». Nguyễn An Ninh đã đem hết quả tim, bỏ óc mình mà giổc trọn vào bức thơ tình đầu tiên này. Những mối tình đẹp có bao giờ được

thỏa mãn đâu? Nguyễn An Ninh hoạt động rất nhiều trên lãnh vực khá rộng. Nhưng chưa lúc nào người chí sĩ ấy được lần thứ hai nhắc lại cái nền Quốc Học mà mình đã yêu tha thiết.

Cuối năm 1922, Nguyễn An Ninh, sau khi thi đậu một bằng Cao-học về Luật, bỏ việc thi Tiến-sĩ. Đối với các bạn bè người Âu, như J. Richard Bloch, Léon Werth, Paul Fort,.. Ninh đã hiệp sức mà tổ chức nhóm *Europe*, và nhóm này đã xuất bản tạp chí *Europe*, đến đầu Thế Chiến II hãy còn. Ninh cũng phụ bút cho tờ báo *Libertaire* là tờ báo có khuynh hướng anarchiste ở Paris. Với người Việt, Ninh hiệp tác chặt chẽ với Phan Châu Trinh, Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường, và Nguyễn Tất Thành, hoạt động mạnh mẽ giữa những kiều bào ở Pháp, đa số là lính và thợ từng chinh trong Thế chiến I, và một số còn lưu lại sanh sống trên đất Pháp, như Tôn Đức Thắng, Văn Thụ, Tản Lê Luật... Và do một sự phân công tế nhị của nhóm này, mà Nguyễn An Ninh bỏ học, lãnh vai trò xung tên đột pháo, dẫn thân về quê nhà để gây ảnh hưởng cho phong trào dân tộc.

Trong xứ, từ năm 1905, tức là lúc Ninh mới 5 tuổi, mãi đến sau, một phong trào DUY TÂN hoạt động

manh mẽ. Riêng ở Nam kỳ, phong trào Duy Tân này mang tên là Phong trào MINH TÂN. Nhà văn Sơn Nam, trong một tác phẩm dựa vào tài liệu của Pháp có cho sống lại phần nào phong trào Minh Tân này. Nhưng mà tài liệu của Pháp để lại, chỉ để lại một phần sự thật, cái nào mà họ điều tra thấu. Còn phần nào mà đương sự giấu kín, thì sự thật chỉ có đương sự biết mà thôi.

Ví như Sơn Nam không nhấn mạnh đến trụ sở tại Sài-gòn của phong trào Minh Tân, vài độc giả tưởng đâu là những hiệu buôn. những nhà ngủ do Gilbert Trần Chánh Chiêu chủ xướng. Trong thật sự, trụ sở chánh của phong trào Minh Tân là nhà ngủ Chiêu Anh, do cô Năm, là cô ruột của Nguyễn An Ninh đứng làm chủ. Thân sanh ra Ninh, cụ Nguyễn An Khương luôn luôn ở tại nhà ngủ này. Và Ninh lớn lên ôm sách đi học ở trường Sở Thú, cũng ở tại nhà ngủ này. Cụ Nguyễn An Khương là cây viết nòng cốt của phong trào Minh Tân. Cụ đã từng viết sách phổ thông và tuyên truyền, dịch truyện Tàu đề cổ xúy cho những chuyện trung hiếu tiết nghĩa, cụ đã làm Chủ bút cho báo *Nông Cờ Mìn Đam*, và làm cây viết rường cột cho *Lục Tỉnh Tân Văn* của Gilbert Chiêu. Ninh còn ấu thơ, đã từng làm « thơ ký văn chương » của cha, và viết lắm bài trong những báo trên theo lời cha mà viết ám tả.

Năm 1908 phong trào Duy Tân nói chung, phong trào Minh Tân ở Nam nói riêng bị đàn áp và khủng

bổ. Nối tiếp theo, là những cuộc khủng bố sau việc cướp khám lớn, việc đàn áp phong trào thờ trần điều của Bửu Sơn Kỳ Hương. Tổ chức Minh Tân, vốn là một tổ chức bí mật lại càng lặn sâu xuống đáy nước của bí mật. Và bao giờ, một tổ chức bí mật muốn che thân kín đáo, phải bắt chước con mực phun mực ra để ẩn thân vào. Nên chỉ hầu hết cán bộ của phong trào Minh Tân, vào năm 1922, đã chui trốn vào một tổ chức hoạt động công khai, có tên là Hội Khuyến Học Nam Kỳ.

Năm 1922, Nguyễn An Ninh xuất hiện giữa bầu không khí ấy. Học lực của Ninh, tài ba của Ninh, hoạt động của Ninh, nhất là chí lớn của Ninh, làm cho bao nhiêu đồng chí cũ của cụ Nguyễn An Khương vui mừng không xiết. Họ đã tìm thấy nơi người con, những gì mà họ đã tôn kính, mến phục nơi cụ Nguyễn An Khương. Cụ Đào Duy Chung, ở Trà Vinh, đồng chí cũ của Nguyễn An Khương, cũng như cụ Khương, đã dịch truyện *Tiết Nhơn Quí chinh Đông* (và có một số người cho rằng là tác giả của áng thơ bình dân chống Pháp là *Thầy Thông Chánh*), khi được Ninh đến viếng, mừng rỡ không xiết, có làm bài thơ cảm hứng, ví Nguyễn An Ninh như con *Nhện Hùm* chẳng thẹn với cha ông. Thơ như vậy :

*Sá loài hút mật với say hoa,
Cái nhện suy ra trí mới già
Bủa lưới giữa trời khoe trận tám
Vây chài khắp đất vững giềng ba.
Miếng mồi thao lược ăn đầy bụng,*

*Sợ chỉ kinh luân vất chột nhà.
Phước vì chung tư, bỏ lúc nhúc,
Cháu con gan ruột, giống ông cha.*

Cái làm cho cụ Đào Duy Chung khoái trá nơi Nguyễn An Ninh, ấy là "gan ruột giống ông cha". Cụ Đào Duy Chung thích thú, cũng là cái làm cho tất cả chiến sĩ cũ của phong trào Minh Tân — bây giờ đa số núp dưới bóng của Hội Khuyến Học — thích thú. Họ bèn vận động, đề cho Ban Quản trị Hội này mời Nguyễn An Ninh đến thuyết tại Hội. Và đề tài của Nguyễn An Ninh nói hôm ấy là:

« Cần xây đắp một nền Quốc Học »

Nguyễn An Ninh nói bằng tiếng Pháp. Điều này có hai lẽ. Lẽ thứ nhất, là từ khởi sự đô hộ, bọn thực dân đã thực hiện một chánh sách đồng hóa, để biến tất cả người Việt làm con cháu của người Gô-loa. Nơi nhà trường, chỉ có năm đầu học chữ quốc ngữ, kể rồi năm thứ hai chữ thay dần dần, sang năm thứ ba, và về sau, mỗi tuần học sinh chỉ học có hai giờ tiếng An-nam. Bởi lẽ đó, mà số đông thính giả thiếu từ ngữ để hiểu bằng tiếng Việt những tư tưởng cao siêu, mà họ có thể hiểu hơn, nếu thính giả nói bằng tiếng Pháp. Lý lẽ thứ hai, theo Ninh nói, là Ninh không muốn cho bọn thám tử chó săn thù địch, biến rần ra rống, mà báo cáo sai lạc những điều Ninh đã nói ra. Hãy còn lý lẽ thứ ba, là Nguyễn An Ninh viết và nói tiếng Pháp rất hay, chính nhiều nhà văn nổi tiếng ở Pháp cũng phải công nhận

như vậy. Nên chỉ thính giả tha thiết đòi Ninh nói bằng tiếng Pháp... cho Tây nghe "điếc con ráy chơi".

Còn nội dung của bài diễn văn ra làm sao, thật ra tôi không dám thêu dệt, vì chính tôi chưa từng đọc bao giờ. Dám mong ai có biết, có nghe, hãy rón kể lại giùm cho hậu thế biết với.

Nhưng lấy theo nhan đề của bài diễn văn mà suy ra, ta cũng có thể tưởng tượng Ninh muốn nói gì. Trong lúc mà thiên hạ đề cao cái "ảnh hưởng văn hóa của Phạm Quỳnh" mà trong thật chất, cái ảnh hưởng ấy chỉ là dùng tiếng Việt để phổ biến tư tưởng của Pháp, rất tiều là không ai rành việc Ninh định nghĩa "Quốc Học là gì?" Và cũng không ai rõ Ninh quan niệm việc xây đắp Quốc Học bằng cách nào.

Nay 52 năm đã trôi qua, Quốc Học đã tiến được bao nhiêu? Đây là vấn đề mà mỗi chúng ta đều phải suy gẫm trước khi ngủ...

Sau bài diễn văn thứ nhất này, Nguyễn An Ninh bị Thống đốc Nam kỳ là bác sĩ Cognacq, mời đến. Hai người cãi vả ra làm sao, mà có tờ *La Cloche fêlée* ra đời. Những chi tiết này, lắm người biết.

Nếu trong buổi gặp gỡ ấy, Thống đốc Cognacq tỏ ra khôn ngoan hơn, thì phỏng Nguyễn An Ninh đã góp phần vào Quốc Học những gì?

HỒ HỮU TƯỜNG

קניין

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Thuyết «Pháp Việt đề huề» với Nhóm La Cloche fêlée

Đầu thế kỷ 20, các phong trào kháng Pháp hầu như tàn lụi. Các nhà Nho yêu nước đã nhận thức được sự chuyển hướng của phong trào kháng thực bài phong, các cụ đã chuyển từ mặt trận võ trang sang mặt trận văn hóa. Bài học Duy-tân xuất phát từ các tân thư Trung hoa kể đến sự chiến thắng vẻ vang của quân đội Nhật đánh quí đội hải thuyền của Nga đã vang dậy khắp 3 kỳ qua phong trào Duy-tân tại Quảng-nam, Đông-kinh Nghĩa-thực tại Hà-mội và Minh-tân tại Sài-gòn.

Dù với sức đề kháng và hy sinh vô bờ bến của các nhà Nho yêu nước, một thực tế không thể chối cãi được: chế độ thực dân đã hoàn toàn ngự trị trên toàn cõi Đông-dương. Công tác bình định của thực dân đã hoàn tất. Nhằm bênh vực cho sự xâm lược và nhằm đưa chế độ thực dân theo kịp sự chuyển hướng của các phong trào kháng thực bài phong trên khắp thế giới, nhà cầm quyền Pháp đã thay đổi đường lối cai trị. Họ đưa ra chánh sách khai hóa, hợp tác mà hệ thống tư tưởng ấy hợp lại thành chủ thuyết «Pháp Việt đề huề». Người xướng xuất ra chủ thuyết này là Toàn quyền Albert Sarraut với sự cộng tác đặc lực của Louis Marty, Giám đốc Sở Mật thám Đông-dương.

Cho tới nay tại miền Nam, một vài

tác giả đã trình bày một số vấn đề liên hệ đến chủ thuyết Pháp Việt đề huề. Đặc biệt, Giáo sư Nguyễn Văn Trung đã trình bày thực chất và huyền thoại của chủ thuyết này trong cuốn «Chủ nghĩa thực dân Pháp ở V.N.» Rất tiếc, tác giả đã kê cứu các tài liệu do người Pháp viết ra đề từ đó ông suy diễn một số hệ-luận cho thấy sự thâm độc của thực dân.

Nhưng còn người V.N. trong khoảng 30 năm đầu của thế kỷ 20 đã chống chủ thuyết. «Pháp Việt đề huề» như thế nào? Chống ở đâu và chống bằng đường lối nào? những ai đã mạnh dạn dả kích cái hệ tư tưởng ấy được tổ chức thật tinh vi trên toàn cõi Đông dương?

Nói theo Sartre, chủ nghĩa thực dân là một hệ tư tưởng, cho nên chống thực dân không phải chỉ đơn thuần dùng võ lực mà phải tạo tác một hệ tư tưởng mới để giải thực ngay sau khi được tự chủ.

Nhóm La Cloche fêlée gồm bộ ba Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Dejean de la Bâtie đã phát cao giọng cờ đánh quí chủ thuyết «Pháp Việt đề huề». Họ chống thực dân, chống phong kiến trên cơ sở tư tưởng qua báo chí, truyền đơn, tập hợp quần chúng. Họ chống chủ thuyết «Pháp Việt đề huề» ở những khía cạnh nào? Tại sao phải chống? Chủ thuyết ấy

thăm độc ở chỗ nào?

Khi chủ thuyết ấy vừa mới khai sinh, thực dân Pháp đã mua chuộc được một số trí thức, nhà văn, nhà báo. Ở Bắc, Phạm Quỳnh với tờ Nam Phong không ngớt cổ xúy cho cuộc tình duyên Pháp Nam. Trong Nam, đảng Lập hiến với Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long đã dùng các tờ báo La Tribune indochinoise, L'Echo Annamite do thực dân bảo trợ để bênh vực cho đường lối hợp tác ấy.

Ngay như hai cụ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đều bị mê hoặc — lẽ dĩ nhiên trong giai đoạn đầu — bởi đường lối đề huề của thực dân. Đầu năm 1918, theo lịch của sở mật thám Đông dương, bọn tay sai sang tận Hàng-châu tìm gặp cụ Phan-Bội-Châu và trình bày với cụ về chánh sách mới của người Pháp ở Đông dương. Trong quyền Tự phán, chính cụ Phan đã thú nhận bị lừa gạt:

— Danh từ bốn chữ «Pháp Việt đề huề» thoáng qua tai tôi lần này là lần thứ nhất...»

Sau cuộc hội kiến đó cụ Phan thảo bằng hán văn cuốn «Pháp Việt đề huề chính kiến thư» để gởi về cho Toàn quyền Đông-dương. Báo Nam Phong, phần hán văn, số 101 tháng 12 năm 1925 đã đăng lại trọn bài. Bức thư «đề huề» này gồm hai phần:

1-) Phần đầu báo động sự xâm lăng của Nhật. Cụ Phan khẳng định vì lợi ích kinh tế, Nhật sẽ tiến chiếm Đông-dương. Lúc ấy «người Nhật còn hung ác gấp ngàn lần so

với người Pháp đang bảo hộ».

2) Trong phần hai, trước nguy cơ phát-xít Nhật, hai nước Pháp Nam nên hợp tác với nhau. Cụ Phan khuyến cáo:

— Tôi nói với đồng bào người Việt chớ nên xem người Pháp là kẻ thù. Tôi sợ rằng kẻ thù thứ hai còn tàn ác khốc hại trăm ngàn lần kẻ thù người Pháp.

«Tôi cũng muốn nói với người Pháp từ nay chớ xem người Việt như trâu ngựa....».

Tuy nhiên, «Pháp Việt đề huề chính kiến thư» không mang đến kết quả cụ thể nào. Người đồng thời với cụ Phan Bội Châu là cụ Phan Châu Trinh một lòng tin vào thuyết «Ỗ Pháp cầu tiến bộ» tức dấn Việt dựa vào thế lực của Pháp để tiến lên. Trong quyền «Một chuyện âm mưu người An-nam ở Paris» (La Cloche fêlée số 22 ngày 3-12-1925), ông Phan Văn Trường đã dành trọn chương 10 để nhận xét về cụ Phan Châu Trinh. Sau khi đi Nhật về, cụ Phan Châu Trinh viết thư cho chánh quyền Pháp yêu cầu mở mang việc học trong xứ. Bọn bè cụ khuyên cụ đừng nên quá tin vào lời hứa của Pháp vì quyền lợi của họ gắn bó với Đông-dương không cho phép họ lìa bỏ chủ nghĩa thực dân chỉ nhằm bóc lột người dân bản xứ. Cũng trong chương trên, ông Phan Văn Trường có phẩm bình về cụ Phan Châu Trinh:

— «Ông Phan Châu Trinh cực kỳ thông minh, ông học rộng và có kinh

nghiệm, ông nói chuyện rất hay. Nhưng hình như tất cả các đức tánh này hoàn toàn bị hỏng bởi một lòng nhẹ dạ và tin người quá độ! (1)»

Ông Phan Văn Trường cho biết cụ Phan Châu Trinh luôn luôn tin tưởng vào «lòng tốt của người Pháp đến cai trị xứ Đông-dương». Cụ Phan đặt nhiều kỳ vọng vào chủ thuyết «Pháp Việt đề huề» mặc dầu trong «Bức thư gửi người học trò tên là Đông» (2), cụ khuyên nên đề cao cảnh giác trong cuộc tranh hùng giữa thực dân và người bản xứ. Với chủ thuyết «Ý Pháp cầu tiến bộ» tức «Pháp Việt đề huề», cụ Phan mong rằng sự hợp tác thân hữu giữa đôi bên sẽ giúp cho nước Nam sớm thoát khỏi tình trạng bị trị và chậm tiến. Nhưng lòng tin ấy không đạt được lợi ích gì cho quốc dân bởi vì bản chất của thực dân là xảo quyệt, tìm đủ mọi cách để giết lẫn mòn những phong trào yêu nước, yêu sự thật. Chủ thuyết «Pháp-Việt đề huề» đã đưa cụ Phan đến những bài học đích đáng về chủ nghĩa thực dân như theo nhận định của ông Phan văn Trường trong bài «Trò đùa của sự hòa hợp Pháp Nam» (La Cloche fêlée số 5⁶ ngày 22-4-1926):

— «Hãy xét riêng trường hợp cụ Phan Châu Trinh mà thôi. Từ người Việt luôn cả đến người Pháp đều biết rằng nhà chí sĩ quá cố này là chiến sĩ nồng nhiệt, cổ xúy cho thuyết «Pháp Việt đề huề», bất cứ trong lúc nào và trong tình thế nào. Nhà chí sĩ đã đề ngót 20 năm sau cùng của cuộc đời để tuyên truyền,

thuyết phục đường lối đề huề với chánh phủ thuộc địa để thực thi, từ bức thư thỉnh nguyện gửi Toàn quyền Paul Bert đến những buổi diễn thuyết sau cùng, ít lâu trước khi cụ nhắm mắt. Cụ đã cố gắng gây dựng sự hợp tác giữa người Pháp và người Việt để đi đến hậu quả gì? Một bản án tử hình, ba năm tù đầy ngoài Côn đảo, một năm ngồi tù bên Pháp, không kể đến những việc làm khó dễ mà thực dân đã dùng đến, gây biết bao bức dọc, phiền muộn cho nhà chí sĩ trong những năm sau cùng».

Tóm lại, trên con đường chống thực bài phong, có lúc hai nhà lãnh tụ họ Phan đã bị thực dân đưa vào mê đồ «Pháp Việt đề huề». Nhưng còn nhóm La Cloche fêlée nhận định thế nào về chủ thuyết này?

Không thể đề huề với thực dân

Bản chất của chủ nghĩa thực dân là xâm lược, bạo động, tha hóa. Cho nên chống lại thực dân không gì hơn là lấy bạo động để trừ bạo động. Ngay khi còn ở Pháp du học, vào năm 1920 tại Bác-học-hội ở Paris, Nguyễn An Ninh đã diễn thuyết tố cáo chế độ thực dân tại Đông dương. Trong bài diễn thuyết này có một câu xác định lập trường của ông đối với chế độ thực dân:

— «Ta phải dùng bạo động và dùng công thức khởi nghĩa để chống

(1) La Cloche fêlée số 29 ra ngày 28-12-1925.

(2) Nhân loại bộ mới, số 11, Sài Gòn 1958.

lại sự áp bức, ta phải dùng sự bất công để chống lại sự bất công. »

Do đó mà đối với thực dân không có vấn đề thỏa hiệp. Phải đánh cho nó quì thì lúc ấy thực dân mới chịu từ bỏ hành động xâm lăng và cai trị.

Từ nhận định này, trong khi chờ đợi một cuộc chỗi dậy vũ trang mà Nguyễn An Ninh, trong bài diễn thuyết trên, tiên đoán sẽ bùng nổ tại Đông-dương trong vòng vài năm sắp tới, nhóm La Cloche fêlée dùng báo chí để tố cáo những tội ác, những hành vi bóc lột của chế độ thực dân. Nhưng phải viết bằng chữ Việt hay bằng chữ Pháp? Ngoài sự việc báo viết bằng Pháp văn được hưởng chút ít tự do trong chế độ kiểm duyệt khắt khe của thời bị trị, bộ ba Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Dejean de la Bâtie muốn sử dụng Pháp văn để phơi bày cho nhân dân Pháp thấy rõ « bộ mặt thật của bọn đầu sỏ thực dân và guồng máy cai trị tại Đông dương ». Với lời văn tràn đầy nhựa sống, tờ La Cloche fêlée rồi tờ L'Annam là hậu thân của tờ La Cloche fêlée đã cực lực lên án chủ thuyết « Pháp Việt đề huề », một chủ thuyết theo nhận định của Phan Văn Trường, chỉ nhằm che đậy dã tâm đen tối của bọn đi cướp nước và không còn biết công lý là cái thứ chi. Vì nhận định này mà tờ La Cloche fêlée và L'Annam có chỉ trích cá nhân thì chỉ trích thẳng các tên thực dân gộc như Toàn quyền, Thống đốc, Giám đốc Sở Mật thám mà không bao giờ đá động đến các tay sai kiểu Phạm Quỳnh và nhóm Nam-Phong. Trong

suốt 62 số báo La Cloche fêlée và 180 số báo L'Annam, chúng tôi cố gắng tìm nhưng không thấy có một bài nào nhắc tới tên tuổi Phạm Quỳnh và tạp chí Nam Phong. Trái lại, nhóm La Cloche fêlée thường nhắc tới các nhà Nho yêu nước như Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Lương Văn Can.

Trong bài « Những kẻ chống Pháp », La Cloche fêlée số 13 ngày 7-4-1924, Nguyễn Tịnh viết :

«Thật vậy, từ lâu người ta đã nói tới chánh sách đồng hóa, kể đến chánh sách kết hợp... Kết hợp, hợp tác! Người ta muốn kết hợp với ai? Người ta muốn hợp tác với ai? Đó là những đại diện xứng đáng của dân An-nam? Ai là những đại diện xứng đáng của dân An-nam?... Cho tới nay, thái độ của giới thống trị có nhằm giúp sự nảy nở những cá tính khả dĩ có thể hợp tác với giới thống trị hay không? Hay là giới thống trị chỉ nuôi dưỡng bọn đầy tớ mang đầy ru-băn màu mè sắc sỡ và phù hiệu danh dự để cho máy thẳng khò khạo tin...»

Tác giả cho rằng sự sống chung hiện nay giữa người Pháp và người Việt là một sự cưỡng bức. Từ đó sự cộng tác chung với nhau chỉ đưa đến con đường đồ võ vì từ xưa tới nay không bao giờ có chuyện anh cảnh sát liên kết với người bản xứ luôn luôn bị đe dọa, bị ức hiếp.

Trong bài « Trò đùa của sự hòa hợp Pháp Nam », La Cloche fêlée số 59 ngày 22-4-1926, ông Phan Văn Trường phân tách nguyên do sâu xa

nào thúc đẩy người Việt không «đề huề» được với chính phủ bảo hộ:

...«Kết hợp, hợp tác, hợp lực, tương trợ, hòa hợp! Nhiều danh từ khác nhau đề chỉ cùng vấn đề: thỏa hiệp án có lợi nhứt giữa người Pháp và người Nam. Người ta đang đi tìm thỏa hiệp án này nhưng người ta không thấy nó được».

Theo tác giả, đối với vấn đề thuộc địa, hiện tại có hai chính sách: chính sách cai trị bằng võ lực và chính sách hoà hợp tự do. Người dân bị trị chỉ biết có mỗi một chính sách một chiều: đó là chính sách của nhà cầm quyền cai trị dân bằng độc đoán, bằng võ lực. Như vậy thử hỏi làm sao có sự thông cảm lẫn nhau? Cho nên trước khi đề cập tới việc đề huề giữa hai dân tộc hay nói đúng hơn giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị, người ta phải xem sự hòa hợp dựa trên căn bản nào? Chính phải biết sự cấu tạo của căn bản này rồi mới nói đến sự «đề huề». Bằng không, tất cả những gì thực dân đưa ra tại thuộc địa chỉ là những lời hứa suông nhằm bóc lột thêm người dân bản xứ.

Nói cách khác, cái huyền thoại «Pháp Việt đề huề» do thực dân cố tình tạo ra, càng làm cho người dân bị trị thấy rõ những rời rạc của guồng máy cai trị:

«Thật vậy, không sừng sốt sao được khi nghe ở xứ này bị lệ thuộc hơn nửa thế kỷ nay, người ta tuyên truyền cho sự hòa thuận và hợp tác Pháp Nam, đúng như sự kiện chấp

nhận sự lệ thuộc này? Nhìn nhận các quyền xuất phát từ sự xâm lăng bằng võ lực không có nghĩa là sự hòa thuận mặc nhiên, sự thỏa hiệp cưỡng ép, sự hợp tác bắt buộc giữa kẻ xâm lăng và người bị trị. («Những sự rời rạc của một chính sách» của Dejean de la Batie, L'Annam số 125 ngày 27-12-1926).

Rồi Dejean de la Batie cũng trong bài trên cho rằng trong chế độ kèm kẹp, công cuộc chủ xướng đường lối đề huề do nhà nước bảo hộ đề ra có khác chi một trò hề. Cái trò hề vĩ đại với tài diễn xuất của các quan cai trị từ Pháp qua. Nhưng tại sao nhà nước không ngừng cổ võ cho chủ thuyết «Pháp Việt đề huề» trong khi nhà nước không ngớt huênh hoang các công trình «vĩ đại» do «nước Đại Pháp» thực hiện nhằm nói lên «tình hữu nghị giữa hai dân tộc»? Phải chăng sự cổ xúy chủ thuyết «Pháp Việt đề huề» chỉ là một trò lừa bịp?

Ngay từ khi Toàn quyền Varenne mới sang nhậm chức ở Đông-dương, ông Phan Văn Trường trên báo La Cloche fêlée, liên tiếp trong 4 số kể từ số 23 ngày 7-12-1925, đã vạch trần những gian xảo của thực dân tàng ẩn trong bài diễn văn của «Chiến sĩ xã hội» Varenne. Cũng nên ghi nhận thêm Toàn quyền Varenne tiếp tục con đường «đề huề» của các Toàn quyền tiền nhiệm, đặc biệt là Albert Sarraut. Trong bài diễn văn nhậm chức, ông Varenne ca ngợi sự hợp tác Pháp Nam và đề cao các quyền căn bản của mỗi công dân trong một nước dân chủ. Bài

diễn văn này cũng như các bài diễn văn khác của ông cổ xúy cho chủ thuyết « Pháp Việt đề huề » đều đăng trong Nam Phong. Thêm vào đó là các bài phụ họa của Phạm Quỳnh.

Trong 4 số báo liên tiếp với tựa đề « Bài diễn văn đầu tiên của ông Varenne », bằng một giọng văn danh thép, sắc bén của một luật gia thấu triệt cơ cấu tổ chức của chế độ thực dân, ông Phan Văn Trường đã phơi bày những sự thật của xã hội bị trị mà « nơi ấy mỗi công dân An-nam không còn thứ quyền chi ngoài cái quyền phải vâng theo những chỉ thị của nhà nước bảo hộ. » Trong phần kết luận, tác giả cay cú :

— Cái thời của những quảng cáo khoác lác đã qua. Sự bịp bợm không còn tồn tại nữa. Nếu người Pháp và người Nam chân thành mong mỗi hòa hợp, hai bên cần đảm nhìn những sự thật dù đó là những sự thật khắt khe, để nói thật với nhau thay vì tìm cách lừa bịp lẫn nhau... Theo ý chúng tôi, sự hòa hợp không phải là không thể có được. Cái chánh yếu là đi tìm một căn bản thích hợp. »

Mà làm sao có căn bản thích hợp được cho chủ thuyết « Pháp Việt đề huề » ? Thực dân sử dụng chiêu bài này dưới nhiều hình thức, được nguy trang bằng những danh từ thật kêu ngoe hâu mê hoặc một số trí thức, tư bản, nhẹ dạ và nhờ đó dễ dàng bóc lột. Nếu tờ La Cloche fêlée đập thẳng vào chế độ thực dân thì tờ L'Annam luôn luôn cảnh giác đồng bào trước chiêu bài đề huề, hợp tác,

khai hóa vì tất cả những danh từ đề huề, hợp tác, khai hóa cái hằm phọc vụ cho quyền lợi của giai cấp thống trị. Trong bài « Sự hợp tác Pháp Nam » đăng trong L'Annam số 121 ngày 13-12-1926, Hồ Hải Tứ tố cáo dã tâm của thực dân :

« Chúng ta không cần chứng minh tình thân vụ lợi của người Pháp cổ xúy cho sự hợp tác. Họ đang cần nhân công bản xứ để khai thác những nguồn lợi thiên nhiên của xứ sở chúng ta cho lợi lộc của họ. Họ đang cần tất cả chúng ta để tiêu thụ hàng hóa của họ... Bằng có tuyệt hảo của sự nguy tín của họ là họ không bao giờ định nghĩa rõ ràng sự hợp tác. Trong các bài hoặc diễn văn chính thức, họ chỉ gán cho sự hợp tác những trợ từ « thành thật, chân thành », những trợ từ này đối với họ có một ý nghĩa hoàn toàn khác biệt... »

Trước nguy cơ « đề huề », tờ L'Annam không ngừng tố cáo những chiêu bài do thực dân đưa ra nhằm che đậy những toan tính xảo quyệt của nhà cầm quyền. Trong bài « Một vài ý nghĩ về chánh sách hợp tác » trong L'Annam số 142 ngày 3-3-1927, tác giả Thiếu Niên kêu gọi đồng bào luôn luôn đề cao cảnh giác :

« Đã nhiều lần, chúng tôi chứng minh những nỗi khó khăn, để không nói những sự không thể có được, một sự hòa hảo chân thành giữa kẻ đi xâm lăng và người bị xâm lăng. Chúng tôi thấy cần phải trở lại vấn đề này bởi vì vẫn còn một số người một lòng tin vào chế độ và ngoài ra,

chúng tôi thấy phải đề cao cảnh giác những con người nhẹ dạ chống lại mọi cam bẫy của cái gọi là « Pháp Việt đề huề. »

Đề huề sao được khi văn hóa giáo dục, báo chí chỉ là công cụ nhằm củng cố chế độ thực dân ?

Sau khi đưa ra chủ thuyết « Pháp Việt đề huề » thực dân Pháp kèm theo một số chiêu bài mang tên chung là « khai hóa ». Mỗi chiêu bài là một huyền-thoại của chế độ. Đêm 15-10-1923 tại hội quán hội Khuyến học Nam kỳ, Nguyễn An Ninh đã lớn tiếng chỉ trích cái huyền-thoại « khai hóa » trong bài diễn thuyết « Cao vọng của bọn thanh niên An-nam » :

« Nói rằng những kẻ làm chủ xứ ta ngày nay đem học thức văn minh qua cho ta, nghe nói mà tức cười. Chánh phủ Pháp chỉ lo được mấy điều này thôi như xài phí vô lối mà làm đường xe lửa vô dụng cho ta, mua giấy thép biên mọt của Ăng-lê đựng dùng vài tháng rồi bỏ dưới đáy biển, đem tiền của dân ta nuôi mấy anh nguyên soái Tàu, vuốt dít mấy anh khách trú, nuôi một bọn làm quan vô ích cho dân, ăn lương cao, xài phí lớn... nghĩa là chánh phủ chỉ lãnh được cái phận sự này thôi là ăn như tắm như hạm, rút rĩa của non sông, dân sự trong xứ này. Còn ngoài cái phận sự đó, là như dạy dỗ, trao đổi cái tinh thần của dân ta thì chánh phủ không được cho rằng việc ấy là dễ như chơi vậy ». (Trích nguyên tác bằng Việt văn).

Ngày nay, tất cả chúng ta đều biết song song với việc thiết lập guồng máy hành chánh, nhà cầm quyền bãi bỏ lối học cũ dựa vào chữ nho và thay thế bằng lối học mới dựa vào chữ Pháp. Sở dĩ như vậy là vì, theo thực dân Pháp nhận xét, ngày nào người Việt còn gắn liền với nền cổ học, ngày đó tình tự dân tộc còn vang dậy trong lòng người dân bản xứ (1). Trong La Cloche fêlée số 29 ngày 28-12-1925, với bài « Thử nhìn lại trình độ trí thức và nếp sống của người dân An-nam trước và sau khi thực dân Pháp cai trị xứ này », Dejean de la Batie tố cáo chủ đích của người Pháp trong việc cải tổ nền học chánh Đông dương :

« Một trong những chăm sóc đầu tiên của kẻ xâm lăng khi đến đây là bãi bỏ việc học chữ Nho để không bị phát ý trong việc đào tạo những người một lòng một dạ với chủ nghĩa thuộc địa. Thật vậy, từ lâu, các nhà Nho bị nhà cầm quyền bảo hộ xem như là các nhà cách mạng nguy hiểm, những kẻ thù không thể hoà giải được của văn minh Tây-phương và do đó họ luôn luôn bị theo dõi, bị rình rập... Người ta luôn luôn quấy nhiễu họ, kết tội họ và thân hữu của họ. Người ta hy vọng rằng khi hạ được ảnh hưởng của các nhà Nho, người ta hạ được ảnh hưởng văn hóa Trung hoa tại xứ sở này đã tiếp thu văn minh

(1) Xem Những sự thật lịch sử nằm trong các báo cáo của Toàn quyền Đông dương gửi Bộ trưởng Bộ thuộc địa, cùng tác giả, sẽ đăng trong tập san Sĩ Địa số 27.

Trung hoa đề cho người dân xứ này quên đi những tai hại của sự xâm lăng của Pháp... ».

Nhận định trên làm chúng ta nhớ lại chủ đích của thực dân khi Thống đốc Nam kỳ là Le Myre de Vilers ban hành nghị định ngày 14-6-1880 nhằm thiết lập tại mỗi làng một trường dạy quốc ngữ và được sự bảo trợ của nhà cầm quyền (1).

Tổ cáo với những lời lẽ trên chưa đủ, Dejean de la Bâtie trong bài báo ghi trên nhận định nhà cầm quyền Pháp lập ra Đại-học Hà-nội không phải vì thương dân An-nam hiếu học, hiền hòa, mà trái lại Đại-học Hà nội là bức tường chắn không cho bọn thanh niên An-nam sang Pháp du học. Theo nhận xét của Nguyễn An Ninh trong loạt bài tảo bạo nhứt «Nước Pháp ở Đông dương», La Cloche fêlée số 21 ngày 30-11-1925, sang Pháp tức là tiếm nhiệm các tư tưởng tự do dân chủ, lúc trở về xứ, thanh niên An-nam chỉ biết chống lại nhà cầm quyền.

Ngay trong số 16 La Cloche fêlée ngày 26-5-1924, đề trả lời cho tờ L'Impartial hết lời ca ngợi « công ơn nước Đại Pháp lập ra Đại học Hà nội », Nguyễn Tịnh đã phơi bày thực chất của huyền thoại Đại học Hà nội :

« Đại-học này (tức Đại học Hà nội) mà tờ L'Impartial hình như đề cao quá đáng sự quan trọng, nó được lập ra để nhà cầm quyền có cơ ngăn chặn người Annam theo học các Đại học ngoại quốc và ngay cả các Đại học của Mâu quốc. Đại học có

một không hai này của Hà nội đào luyện được chi nếu không phải là những tay phụ tá, những tên nô dịch để bảo và trả lương kém cỏi?... »

Nền giáo dục thời đó nói riêng và cả chế độ thực dân không phải chỉ có nhóm La Cloche fêlée chỉ trích mà ngay cả một số đại biểu được bầu vào hội đồng quản hạt mặc dầu đã hưởng nhiều đặc ân của chế độ, cuối cùng cũng quay lại chỉ trích chế độ. Bài diễn văn của ông Nguyễn Tấn Đức đọc trong phiên họp bế mạc của Hội đồng quản hạt đăng trong La Cloche fêlée số 20 ngày 26-11-1925, cho thấy chánh sách ngu dân và cảnh sát trị của thực dân. Chúng tôi xin trích đăng một vài đoạn quan trọng :

«...Vai trò của chúng tôi ? Bỏ phiếu cho ngân sách địa phương mà không được thay đổi điều chi. Quyền hạn của chúng tôi ? Người ta chỉ cho phép chúng tôi chỉ đưa ra những nguyện vọng... Quan lớn Thống đốc quyết chắc với chúng ta rằng xứ sở hoàn toàn được bình yên và dân An-nam khôn ngoan, trước tiên mong mỗi yên ổn làm ăn cho sự sung túc của vùng đất này dưới sự bảo hộ chân thành của nước Pháp. Chúng tôi một lòng tin tưởng như vậy. Nhưng làm sao giải thích các chi phí quá đáng dành cho cảnh sát công an?...Nếu số đông công chức là những cộng sự viên quý báu của các cơ quan chủ tỉnh thì có một số

(1) Xem toàn văn nghị định trên trong Bulletin officiel de la Cochinchine năm 1880, Thư viện quốc gia Sài gòn.

công chức lạm dụng quyền thế, đàn áp dân quê nghèo khổ và được sử dụng vào các chức vụ cảnh sát công an không khứng hợp với địa vị của họ. Trong mùa bầu cử, một số công chức lại là những tay đạo diễn bầu cử...”

Về giáo dục, ông Đước báo động : «Không còn bí ẩn chi cả cho tất cả mọi người khi nói sau 70 năm dưới quyền cai trị của người Pháp, Nam kỳ hiện nay vẫn còn thiếu thầy và thiếu trường cho việc giáo huấn thanh thiếu niên An-nam ...»

Còn về các quyền tự do như tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại, ông Đước cho rằng kể từ khi người Pháp đến đây, người An-nam không được hưởng một thứ quyền tự do chi. Tờ La Cloche fêlée đăng nguyên văn bài của ông Nguyễn Tấn Đước trong Hội đồng Quản hạt và đặt câu hỏi đề thay lời kết luận :

«Trong hoàn cảnh như vậy mà người ta cứ mãi rêu rao «Pháp Việt đề huề !»

Về tự do báo chí, dưới lăng kính «Pháp Việt đề huề» nhóm La Cloche fêlée cũng đã kịch dữ dội chế độ hà khắc, cảnh-sát-trị của nhà cầm quyền đối với những người cầm bút. Trong bài «Một vết thương hoặc kiểm duyệt và các báo Việt ngữ», La Cloche fêlée số 10 ngày 17-3-1924, Nguyễn An Ninh cho biết ở Đông dương không có tự do viết lách, báo Việt ngữ muốn ấn hành phải có giấy phép riêng của Phủ Toàn-quyền, do đó đều là «báo của chế độ». Giữa lúc

tờ Nam Phong do Phạm Quỳnh chủ trương «tồn phí do chánh phủ đài thọ đề trả tiền biên tập và ấn loát đã được ấn định thỏa thuận với các người liên hệ là một số tiền trợ cấp lãnh khoán hàng tháng gồm 400 đồng» (1) thì tờ La Cloche fêlée, cơ quan ngôn luận phổ biến các tư tưởng tự do, dân chủ của Pháp, lẽ dĩ nhiên đối lập với nhà cầm quyền «mọi người đều biết chúng tôi đang bị giăng vào một cuộc chiến hung bạo mà chúng tôi không thể thoát ra chiến thắng dễ dàng, kẻ thù của chúng ta mạnh và sử dụng mọi phương tiện để đàn áp» (La Cloche fêlée số 10 ngày 17-3-1924).

oOo

Khi tung ra chiêu bài «Pháp Việt đề huề», nhà cầm quyền Pháp đã mua chuộc, lung lạc, mê hoặc một số người bản xứ. Chiêu bài ấy được tổ chức thật tinh vi, thể hiện dưới nhiều hình thức nhằm che đậy những mưu mô đen tối của thực dân.

Sống trong chế độ kèm kẹp, nhóm La Cloche fêlée đã mạnh dạn tố cáo những mưu mô đen tối ấy và lật tẩy cái chiêu bài do Toàn quyền Albert Sarraut đề xướng. Trên chiến tuyến chống xâm lăng, nhóm La Cloche fêlée ngoài việc phổ biến các tư tưởng tự do dân chủ của cuộc cách mạng 1789 và kỹ thuật tân tiến về bạo động, nhóm này còn quan niệm không thể có việc bắt tay thỏa hiệp giữa kẻ đi xâm

(1) Xem Báo cáo của Toàn quyền Đông dương gửi Bộ trưởng Bộ thuộc địa ngày 15-9-1917 số 598 API/ter liên hệ đến sự ra đời của Nam phong

lãng và người bị trị. Nhóm đã đề cao cảnh giác là người dân phải biết phân biệt bạn và thù. Người ngoại quốc đến đây, ai là bạn, ai là thù? Muốn phân biệt rõ rệt, không gì hơn là phải có lập trường vững, dựa vào cơ sở quần chúng. Tờ La Cloche fêlée đã mở con đường mới ấy để huấn bị cho các phong trào quần chúng chống thực

bài phong kể từ năm 1930 trở về sau này. Do đó tờ La Cloche fêlée mặc dầu viết bằng Pháp văn, phải được xem là bộ duốc soi đường cho phong trào dân quyền trên tiến trình chống xâm lăng của nhân dân ta ở thế kỷ 20 này.

LONG ĐIỀN

**hãy
hút...**



BASTOS *trời*

ĐẦU LỘC
tuyệt hảo



Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Paris 29-4-79

Anh Ch.

Mấy hôm nay cứ định gửi thư mà bận chạy theo cuộc vận động tranh cử nên thư chậm. Kỳ trước vừa kể chuyện ông Tổng Thống bệnh hoạn thì có mấy hôm là ngài chết mất, báo hại báo chí bên này được một phen chạy ngược chạy xuôi. Có những tờ báo đã lên khuôn rồi phải bỏ hết, chỉ vì từ trước mọi người đều muốn bùng bít đề đối trá nhau.

Bây giờ thì mỗi ngày không có lúc nào mở đài phát thanh hoặc truyền hình mà không thấy cuộc vận động tranh cử. Nếu chót nhận lời đi ăn nhà nào thì không thể không chứng kiến những cuộc cãi nhau: ông đòi bỏ phiếu cho một tên, bà đòi bỏ cho một tên khác...

Chắc anh cũng nghe nói nhiều về ba tên lớn là Giscard d'Estaing, Chaban Delmas và Mitterrand; một trong ba tên này sẽ là ông Tổng Thống của nước Pháp. Nghe người ta xỉ vả nhau, bươi xấu nhau, chê bai nhau, lắm khi cũng buồn cười. Cổ nhiên ông nào cũng hứa hẹn đủ điều, nếu những lời hứa ấy mà có thể biến thành sự thật thì từ lâu thế giới cũng đã biến thành thiên đường. Vì ông nào ra tranh cử mà lại không khoe tài khoe tướng.

Ông Mitterrand nhờ sự liên hiệp với đảng Cộng-sản, đã được đảng này hỗ trợ hết mình, nhưng điểm này cũng làm ông lo ngại, biết rằng một số người Pháp có kinh nghiệm Cộng-sản sẽ không bao giờ ủng hộ ông, vì vậy một mặt thì ông hứa hẹn, một mặt thì ông cũng ngán.

Hai ông kia đang tìm cách hạ bệ nhau để kiếm thêm phiếu cho mình, eo ôi. Nhưng theo những tờ chức nhăm dò ý kiến thì người ta thấy ông

Giscard d'Estaing coi bộ mỗi ngày một được lên số phiếu, làm ông Chaban cuống cuống, chạy ngược chạy xuôi. Mỗi ông đều lo đi vận động các nơi, mỗi ngày diễn thuyết ba bốn năm tỉnh.

Tôi không kể chương trình của mỗi người ra vì chắc các anh đã đọc báo bên nhà từ lâu rồi. Nói chung thì ông nào cũng xưng mình là kẻ sẽ đưa đến công bằng xã hội và làm cho nước Pháp sẽ trở nên hùng mạnh nhất. Đại khái là thế, chỉ có một điểm đáng nêu ra mà mãi hôm nay mọi người mới chịu nhớ đến, là nói đại ngộ lỗ như đang lúc đi vận động mà một ông nào bị đụng máy bay, hoặc ăn uống bị trúng độc hay gì đó rồi lăn đùng ra chết là thôi, không có ai ra thay ông ấy được vì hiến-pháp không đặt thành vấn-đề, khi đã khóa sổ rồi là hết.

Tướng dấy cũng là một điều cho mấy luật-gia, nghị sĩ, lúc ngồi thảo hiến-pháp sau này phải liệu mà nhớ

lấy. Biết chắc rằng những ông ra tranh cử thì trong thâm tâm, ông nào cũng hy vọng rằng ông kia sẽ có thể bị một tai nạn gì.

Buồn cười nhất là những kẻ phát cò chạy hiệu chung quanh để chờ một chức Tổng-trưởng hoặc Tổng Giám-đốc của một cơ quan nào đó trong chính phủ mới. Ngày xưa ông Không-Tử bảo rằng những kẻ «xảo ngôn lệnh sắc tiền hỉ nhân», tức là anh nào ăn nói mầu mè, mảy râu nhẵn nhụi là thiếu lòng nhân. Bây giờ các ông ra nói năng ba hoa đủ điều lại cố sức cạo gọt cho đẹp để ra trình diện với dân chúng.

Hồi Tổng Thống Pompidou sắp ra ứng cử, một nhà báo thân cận của ông kể lại rằng, mỗi khi chúng tôi mới phê bình một câu gì, thí dụ như: «Coi chừng ông có hai cằm, hoặc coi chừng cái bụng». Thế là một tháng sau không thấy cằm hoặc bụng nữa vì ngày đêm ông lo tập thể thao và soa nắn dũ dội cho mất đi. Không phải chỉ riêng về vấn đề sức khỏe mà còn cả về nhan sắc nữa.

Làm Tổng Thống coi bộ cũng khó đấy chứ đâu phải dễ, ngay như ông Nixon, đâu phải muốn ngủ đến mấy giờ thì ngủ, sáng còn phải dậy tập thể thao, chạy cả trăm vòng cho bé bụng. Vì có bao nhiêu tiền cũng không mua được sức khỏe và ông Tổng Thống cũng cần cái bề ngoài coi cho được mắt.

Ngày xưa thế mà hay, ông Nghiêu đi tìm ông Thuấn, gả cho hai cô gái để xem ông tề gia và gửi cả chục

con trai đến để xem ông cư xử. Điều tra như vậy mới là điều tra chứ.

Thôi bỏ chuyện vận động, hôm nào tôi đi xem thiên hạ đi bầu về sẽ kể anh nghe, bây giờ thì chỉ có cái mặt trận «chiêu thiếp» (affiche) là mạnh. Phe này đến vẽ râu hoặc đục con mắt hoặc xé bỏ ảnh của phe kia, mặt trận này coi bộ ông Mitterrand thắng vì giới ủng hộ ông rất hăng và có một phần hơi trẻ con, nên sẵn sàng đi làm cái trò vẽ râu đối thủ.

Hôm qua hội chúng tôi mời ông Michel Jobert là Tổng trưởng Ngoại giao đến ăn cơm. Ông này trông thì bé nhỏ vậy mà khôn ngoan hơn ông trước rất nhiều. Ban đầu nhìn ông ta, chúng tôi cứ đùa là ông ta đang bị «táo-bón» một thứ bệnh chính trị hoặc bệnh của những người làm chính trị. Sau đó đến mục chất vấn, thấy ông ta có vẻ biết chống đỡ, biết ăn nói. Trong những lúc này mới đo lường được cái tài cán và trí khôn của con người.

Bàn tôi ngồi có bảy người, hai ký giả Anh-quốc, một ký Hoa-kỳ một ký Nhật-bản, một Ba-tư, một Trung Cộng và tui. Ai cũng ăn nói đùa nghịch chỉ trừ ông Trung Cộng là ngồi ngoan ngoãn. Ông ta ngồi cạnh tôi, mà tiếng Pháp của ông rất khó nghe nên phải dùng tiếng Tàu để đàm thoại. Có vài lần ông dùng chữ mà tôi không hiểu, sẵn giấy bút tôi bảo ông viết ra thì ông «bất, bất, bất» (tiếng Tàu đọc là «pu») một tràng dài. May mà tôi không rủ ông Trung hoa quốc gia đi, nếu rủ đi chắc là

có sự lôi thôi. Hình như ông Tàu này sợ bút tích chẳng. Ông ta hỏi tôi đã sang xứ ông ta chưa, tôi bảo chưa, ông ta lại hỏi có sợ không? Tôi hỏi sợ gì? Sợ Cộng-sản chủ-nghĩa. Tôi bảo việc gì tôi phải sợ, khi nào các ông đề cho mọi người đi đứng dễ dàng là tôi đi ngay chứ sao lại sợ.

Tôi với ông Hoa-kỳ và hai ông Anh-quốc ngồi triết lý vụn với nhau, tại sao lại đặt ra những chủ nghĩa này nọ để chia rẽ mọi người, bắt phải ngò vực, tránh né nhau làm chi.

Kỳ này tôi ngoan lắm, không hờn han gì vì giận, đồ anh biết tôi giận ai, để khi nào về sẽ nói anh nghe. Lắm khi tức quá tôi chỉ muốn hét lên, nhưng không nói anh cũng hiểu tôi tức gì và giận ai rồi, nếu anh không hiểu thì hôm nào về nói bằng lời với các anh. Lây bệnh ông ký Trung Cộng rồi đấy, không dám viết.

Người ta lo rằng khi một trong ba ông được thì mấy ông kia sẽ không đủ chất quân tử để, hoặc đứng trên hàng ngũ đối lập với tính cách xây dựng, hoặc trở về vườn trồng rau nuôi gà, mà rồi sẽ tổ chức lên đường xuống đường để phá rối... Thế mới biết ở thời đại nào chất quân tử cũng cần.

Đoạn trên nói về cái sinh mệnh của mấy ứng cử viên, không ngờ mà có thật; họ bị dọa dẫm bằng điện thoại luôn mỗi khi họ ra trình diện bắt tay với công chúng. Vì vậy mỗi ông phải tuyên mộ hàng chục lực sĩ, có đủ thứ vũ đề đi trước đi sau bảo vệ cho ông.

Hôm qua ngày mừng 1 tháng 5,

lễ Lao-động, tất cả các ký giả được nghỉ trước một ngày để cho ngày mừng 1 không có báo, xứ ta có thể không, hay vẫn phải đi làm. Đáng lẽ như lệ mỗi năm thì ở Pháp có những cuộc biểu diễn xuống đường rầm rộ lắm nhưng năm nay mấy ông phía tả đều sợ xuống đường la lối rồi cảnh sát đuổi xảy ra xô xát làm dân chúng ngại không dám bỏ cho ông ứng cử viên chung Mitterrand của mình chẳng. Vì vậy mà cả ngày không có lưu đạn cay, cảnh sát được một hôm nằm nhà.

Thế giới ngày nào cũng có nhiều chuyện đề bàn, đề nói, anh nào mà phụ trách về mục chính trị quốc ngoại của một tờ báo chắc sẽ bù đầu. Lệ thường ở Pháp không có gì lắm, các ký giả phải đi đó đi đây tìm màu sắc lạ, nhưng mấy hôm nay nhờ cái chết của ông Pompidou, sau đó là nhờ cuộc bầu cử nên không khí ở Pháp thật nhộn nhịp, đỡ ngáp dài ngáp ngắn.

Thư sau thì có lẽ mọi sự đã an bài rồi, nước Pháp có một ông Tổng Thống để cho thiên hạ yên tâm. Nhưng điểm này nói riêng với anh thôi nhé, nhìn người ta lao đầu vào cái nhà Elysée một cách... tôi lấy làm thương hại cho con người, anh có tin rằng khi người ta nhào ra ứng cử là người ta vì dân vì nước thật không?

Thôi không triết lý vụn, lại có người la lối. Chuyện quan trọng nhất của tôi mà từ này đến giờ chỉ chưa khai ra với anh là chuyện con bồ câu nở ra rồi, hôm nay là được nửa

tháng. Nhờ đó mà bây giờ tôi biết hết cách nó thay nhau ấp trứng, cách nó cho con ăn, và sự tiến triển mỗi ngày của con bồ câu nhỏ.

Bao nhiêu bạn bè của tôi đều có đến « salut » nó, oai không, và mỗi ngày tôi phải dọn dẹp nhà cửa cho nó. Chúng nó đã mọc cánh dài mà vẫn chưa biết ăn và chưa biết bay, mẹ vẫn phải đến cho ăn mỗi ngày mấy bận. Trừ khi anh cũng chuyên môn nuôi bồ câu thì tôi chịu thua chứ nếu anh là người không chuyên môn thì kỳ này anh phải tôn tôi lên làm thầy trong sự hiểu biết về mặt tiến triển mỗi ngày của loài chim ấy.

Tôi hứa với nó là từ nay mỗi lần đi ăn hiệu Tàu sẽ không bao giờ đòi món bồ câu nhồi yến, bồ câu quay, là hai món độc nhất sở trường của tôi nữa. Nếu nó biết là tôi sẽ giữ lời chắc nó sẽ thương tôi hơn vì các món khác đâu có dễ ăn.

Tha cho anh chuyện con bồ câu, chiều nay tôi đi dự một buổi Triển-lãm về Thư-pháp (calligraphies) do một nữ nghệ sĩ Hikari Nagahama, người Nhật-bản, tổ chức. Đi về sẽ kể anh nghe, mấy người bạn Nhật-bản nhất định bắt tôi phải đi, họ bảo rằng thấy tôi yêu thứ chữ nghĩa đó nên cần phải xem thì cũng đi vậy, cho biết thêm và đề về còn kể lể với các anh.

Người ta than thiếu giấy mà mỗi ngày chúng tôi, chỉ nói đến thứ ký giả tầm thường như tôi, cũng nhận được bao nhiêu là thư với báo quảng cáo, toàn in vào giấy thượng

hảo hạng. Vứt nó vào xọt rác mà thương cho tờ giấy trắng.

Nhân chuyện giấy, người ta kể rằng, mấy nhà buôn biết là với vụ tranh cử thì quý vị sẽ dùng nhiều giấy, nên họ đã khôn ngoan bỏ tiền ra đầu cơ; thế là trong lúc này giá giấy tăng lên họ hốt rất nhiều tiền.

Anh thấy người ta có khôn ngoan không, có đáng đưa ra pháp trường cát không? Nói thế chứ làm gì có pháp trường cát, xừ ta có một cái ở Huế đề triển lãm chắc bây giờ cũng đồ rồi nhỉ.

Nói đề an ủi các anh rằng cơm cao gạo kém thì ở đâu cũng đang bị cái nạn ấy, và dân đầu cơ làm giàu trên lưng người khác cũng có mặt khắp thế giới, anh đừng cảm thấy cô đơn trên cái lĩnh vực ấy. Cũng như Paris hiện nay đang sắp có phong trào đi làm việc bằng xe đạp. Tên láng giềng nhà tôi mở đầu phong trào trong giới ký giả, vì ký giả mà đi đến đâu lại phải quanh cạ nửa giờ để tìm chỗ đỗ xe thì còn làm ăn chi.

Đang sửa soạn hành trang để lên đường về xứ tuy rằng trước khi về tôi xứ cũng còn lang thang một vài nơi. Không có gì ngăn bằng xếp va-li, tôi còn nhớ lần đầu tiên tôi phải xếp va-li một mình, không biết xếp thế nào, tôi bó gối ngồi khóc. Anh coi có ai bần tiện hơn không? Sau có mấy bà thấy tội nghiệp đến xếp hộ. Hồi còn mẹ thì mỗi khi

đi đâu là mẹ bỏ Chùa đề vào Sài Gòn xếp va-li cho.

Bây giờ thì có hơi quen hơn nhưng vẫn bức mình; nếu phải kiếm người sửa túi nâng khăn thì phải là người biết xếp va-li trước nhất. Nói đùa cho vui vậy chứ bây giờ tôi nghề lắm, cứ ba năm lại phải sang Đức mua va-li mới. Chỉ ở xứ ấy làm va-li vừa nhẹ, vừa bền nhất là có khóa tốt, anh đừng nghe ai đại mua va-li xứ Pháp. Đi máy bay bị họ chà đạp rất chóng hỏng, nhất là khi anh đi nhiều; mấy ông phu khuân vác trên các phi trường thế giới đều giống nhau nghĩa là họ không xem cái va-li ra gì cả, cứ thế mà lôi kéo bừa bãi. Đây là chưa nói đến một điểm đặc biệt khác,

người thợ đóng va-li đâu có đi nhiều mà biết những điều kiện gì cần thiết cho một cái va-li.

Nói đến cái va-li và vấn đề lên đường, nào phải chỉ có chừng ấy; còn vấn đề giấy tờ, tiền bạc. Làm người thật phức tạp, sáng nay tôi bắt hai con bồ câu vào chơi, nhìn đôi cánh của nó xòe ra được gần hai tấc mỗi cánh. Tôi cũng bắt chước Leonard de Vinci, nghiên cứu làm sao cho người có thể bay; ông ta nghiên cứu bằng cách vẽ những cánh chim lên giấy. Tôi thì bắt bồ câu ra mở cánh để nghiên cứu, thực tế vậy đó. Thôi không nói nhảm tốn giấy. Anh và Bách Khoa mạnh.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Ly kỳ ! Bí mật ! Khủng khiếp !

* Vùng Trung Đông đang hùng hực lửa * Biệt Kích cảm tử Palestine khủng bố ! Đánh cướp máy bay ! Đột nhập và phá nổ trường học ! * Không lực Do thái ào ạt oanh kích trả thù ! THỊT RƠI ! MÁU ĐỎ ! NGƯỜI CHẾT !

* Phong trào Kháng Chiến Palestine ? Biệt Kích quyết tử Feddayin ? Phong trào THẮNG CHÍN ĐEN ? Quốc gia DO THÁI ? Quân đội DO THÁI ? Mọi bí mật của vùng TRUNG ĐÔNG KỲ BÍ nhứt hoàn cầu đều được trình bày tường tận trong quyển sách độc đáo :

Đã phát hành toàn quốc :

BỨC TƯỜNG THÀNH DO THÁI của Jean Lartéguy.

Sắp phát hành :

NHẬT KÝ PALESTINE

NGƯỜI SÔNG KIÊN và LÊ THỊ DUYÊN dịch

SÔNG KIÊN xuất bản và phát hành

tại 98 Trần nhân Tôn lâu 3 (Saigon 10)

B Ể B Ứ T

Thơ MINH ĐỨC HOÀI TRINH

Bể bút, bể bút

Một ngày nào ta bể bút

Như con chim điên tự thắt cổ vào tròng

Vì vũ trụ đang tới kỳ sa sút

Vì loài người đang gặp hố suy vong

Lũ chúng ta, một bầy đom đóm nhỏ

Ánh sáng « vi trần » soi đến tận bao xa

Này Thượng đế, sao không để ta làm hoa cỏ

Bắt làm người, bắt uất hận, xót xa

Nghen, ghen rồi, tâm linh đang quẩn quại

Đợi chờ ai? Giải thoát đến từ đâu

Ảo ảnh, ảo ảnh hay đó là mãi mãi

Thề xác ơ, mối ngọt của loài sâu

Màu nước mắt không xanh mà thâm đỏ

Đỏ như từng giọt máu chết ngoài tim

Tình chợt đến, chợt đi lòng bỏ ngỡ

Lửa vùng lên rồi vụt tắt. Lửa nằm im !

oOo

Đom đóm về ao hồ

Bút nghiền theo cát bụi

Máu đọng thành xương khô

Đề mình Ai thui thui

- Ngày trở lại Đại Ninh
Biết bao dâu biển ở đời
Mà sao hồn tựa mây trời vẫn bay
Trở về, ai gọi ta đây?
Núi xưa đèo cũ đã bày hồn thiêng
- Một ngày sinh hoạt
Sớm mai sương khuaát xóm rừng
Anh nghe dễ gây giọng mừng nắng lên
Đêm qua tiếng núi vẫn rền
Lời muôn năm giữ hồn thiêng chốn này
Cơm đùm, rửa vác lên vai
Bước trong sương kín, một ngày lại qua
- Buổi chiều
Mưa mù trong núi mưa ra
Vườn cây lay gió mẹ gà gọi con
Ngó ra trời đất lộn hồn
Núi hanh thoảng chốc mờ hơn xế tà
Sự tình lòng chẳng thiết tha
Mấy năm điều đứng nay đã tỉnh tâm
Giữa chiều bỏ gối ngồi không
Gà kêu gió thốc mưa lồng mái xiêu
Nắng mưa thì cũng buổi chiều
Mặt trời vẫn lặn bên đèo tối thui
- Cảm ngộ
Sớm ra thấy núi xanh rì
Ngóng mây ngoài nội trôi đi dạt về
Bước vào sương đục bên khe
Sương dانا mặt suối phủ lẽ cỏ xanh
Đêm thao thức, tiếng núi rền
Qua khe trăn trố thấy trời im gió ngừng
Rừng rời cánh lá bàng khuâng
Tôi nghe tôi thở hòa cùng âm u
Chợt nghe tan cõi mịt mù
Chút tình cảm ngộ hòa ru tôi nằm
- Cô lữ
Tiếng kêu vang động bóng chiều
Con chim bay lả cánh lều rừng mơ
Xóm thôn khí núi phủ mờ
Ở đâu bếp lửa ngồi hơ nỗi hàn

NHỮNG TẬT BỆNH THÔNG THƯỜNG TRONG LỨA TUỔI HỌC TRÒ

Bác sĩ ĐỖ HỒNG NGỌC

Lê Vinh Ngọc vẽ bìa — LA NGÀ xuất bản và phát hành,
399/7 Phan Đình Phùng SAIGON.

* Cuốn sách cần thiết cho sinh viên học sinh lẫn các bậc làm
cha mẹ biết thương con em.

tái bản lần thứ nhất

Đã có bán tại các nhà sách

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XUÔNG.
MẠNH KHOẺ
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON — VỪA BỔ!

C U Ó C C H Ú

Những ngọn đồi phía trước mặt là nơi Viễn-Xứ muốn nhìn lâu hơn một chỗ nào khác quanh phi trường này. Thăng Vui nhiều lần đã kể lại cho chàng nghe những sự việc đặc biệt xảy ra ngoài bãi cát, dường như có năng phủ lấp cả một vùng bao la lúc đêm khuya.

Chiếc phi cơ khổng lồ ở bên cạnh, chốc nữa sẽ đưa chàng về Saigon với mười bảy chiếc quan tài được bọc lại cẩn thận trong chiếc lưới.

Thời gian ở lại trên phi trường chờ phi vụ về Nam, Viễn-Xứ được thêm vài người bạn mới, trong đó có Ngọc bán nón. Một mối tình thật đẹp đã đến trong một chiều dưới bóng mát của hàng dương liễu già cổ. Ngọc đưa một chiếc nón mới về phía mặt trời và chỉ cho Viễn-Xứ xem hình vẽ một trái tim có lưới dòng xuyên qua rướm máu và mấy câu thơ đại khái ca ngợi tấm lòng chung thủy của người đàn bà. Viễn-Xứ cầm bàn tay người con gái :

— Em có lần nào nhìn thấy trái sầu riêng chưa ?

Ngọc thành thật :

— Chưa, chuyến này về anh mang ra cho em thấy chút nhé.

Viễn-Xứ cười :

— Cần gì anh về mới mang ra, em không thấy khuôn mặt anh là một khối sầu muộn đây sao ?

Ngọc hiểu ý cảm động :

— Phải rồi, ở đây cũng có, nhưng là cây sầu chung.

Viễn-Xứ ngừng lại khi những áng mây bay qua, một vài cánh chim xa mù chìm sau dãy đồi tím. Rừng sương chiều và núi non tro trọi như khơi lên một cảnh hoang tàn trong tâm trí người lính loại hai được giao phó nhiệm vụ đặc biệt đưa xác những thi hài ở ngoài vùng chiến-thuật về quê.

Mối tình của Viễn-Xứ cũng đã giúp cho anh em binh sĩ đợi phi vụ có một đề tài để giải trí. Họ không muốn khơi lại một câu chuyện nào đó ở ngoài chiến trường. Họ không muốn tâm hồn mình đã lạnh lẽo lại phải ngồi sưởi bên một đống tro than tàn tạ. Viễn-Xứ cũng coi đó là một điều vinh dự và cần thiết. Chàng cho Ngọc biết ý nghĩ của mình :

— Tình của em cho anh đẹp lắm.

Ngọc hỏi :

— Tại sao đẹp :

— Vì nó công khai.

Ngừng một lát, Viễn-Xứ tiếp :

— Nó trắng phau như một trang giấy chưa viết.

Ngọc sung sướng :

— Nhưng em sợ không bền.

— Vì sao ?

— Vì cách trẻ.

— Em đừng nghĩ vậy, miễn là hai lòng mình đều có một nhịp cầu.

— Phải, chúng ta nên xây một nhịp cầu, càng sớm càng tốt.

Viễn-Xứ trút thêm hy vọng :

— Ngày nào giải ngũ anh sẽ đem em về Nam. Em lần nào nhìn thấy sông Cửu Long chưa ?

— Chưa.

— Anh sẽ đưa em về đứng bên bờ sông. Có những đám lục bình nhìn thấy tình yêu chúng ta.

Ngọc cầm tay Viễn-Xứ :

— Anh đừng làm em thất vọng nhé.

oOo

Phi cơ rời phi trường Phú-bài một lúc thì bên ngoài trời đổ mưa. Những hạt mưa nhỏ rơi từ bụng đám mây này qua lưng những đám mây khác. Trên phi cơ có năm hành khách gồm hai người vợ và một đứa con của tử sĩ, một người đi bốc mộ em và một người đàn ông khác. Hạ-sĩ Con, Trung sĩ Bình là hai người trong ban áp tải.

Mười bảy chiếc quan tài nằm ngay ngắn, hiền từ.

Hạ sĩ Con mở đầu câu chuyện về mùi hôi của xác chết :

— Ước gì trên phi cơ có một ngọn gió lọt vào.

Trung sĩ Bình chui sâu chai dầu Nhị-thiên-đường vào mũi, giọng nói của y trở thành ngọng :

— Cái gì rồi cũng quen, chỉ có cái

mùi thối này là chẳng bao giờ quen thôi.

Hạ sĩ Con mỉm cười, chen vào :

— Ừ phải, cái gì cũng quen, chỉ có nó là thù.

Nói xong, Con quay hỏi người phi công trẻ :

— Lên cao rồi, hút thuốc được chứ ?

Người phi công gật đầu thông cảm. Một thân nhân tử-sĩ bỗng vụt lên khóc, nước mắt ràn rụa. Ông ta kể lẽ rất dài dòng, lời lẽ mạch lạc như một bài điệu-văn được soạn trước kỹ lưỡng : « Bào-đệ ơi, con thân sớm quay đầu về núi, chỉ còn trên dương-thế hai anh em, thế mà bào-đệ đã xa cách. Kể từ khi bào-đệ lìa trần, tâm hồn tôi như có lửa đốt, mỗi hận thù cao như núi Thái-sơn, sâu như sông Hoàng-bà. Kể nào đã ghim viên đạn đồng vào ngực bào-đệ, xin những tia chớp giữa trời chứng giám... »

Người đàn bà ôm con nhân dịp này cũng trút nỗi uất nghẹn : « Anh ơi, anh cứ yên chí, em không như chị em khác ngồi quạt cổ trên mồ đầu, anh cứ yên chí... »

Viễn-Xứ hít một hơi thuốc, nhả khói rồi đặt điều thuốc lên đầu quan tài :

— Guizo Đông, mầy hít với tao một khói cho đỡ buồn. Đời không có gì đáng trách và đường thì còn xa lắm.

Điều thuốc ở trên nắp quan tài tỏa khói vẽ nhiều vòng tròn. Hạ sĩ Con

đặt một bàn tay lên chiếc quan tài khác :

— Thôi chúc ngủ ngon, chẳng mấy chốc nữa về đến quê. Mày có biết ai là người đón mày ở đầu làng không? Lúc mày còn sống ao ước được về quê nhằm lúc lúa đơm bông bông, nay mày đã thỏa nguyện.

Ngừng một giây, người hạ-sĩ tiếp, tiếng nói thật bình tĩnh :

— Tao sẽ theo mày về tận quê. Tao sẽ đề nghị chôn mày trên một cồn đất nào để mỗi năm cho mày nhìn thấy lúa đơm bông bông hai mùa nhé.

Người phi công trẻ cắt ngang :

— Phi cơ đang ở cao độ, xin quý vị miễn nhắc đến chuyện buồn.

Con đỏ rục đôi mắt :

— Chuyến này ngoại lệ, cho chúng tôi vài phút tưởng niệm chứ.

Mọi người đều im lặng, mùi xác chết như chờ cơ hội để bò ra. Bên ngoài những áng mây lênh đênh, Viễn-Xứ suy nghiệm và ví dụ những đám mây đó như thể là đám người mất quê hương, bồng bềnh, dật dờ nhau phiêu bồng.

Một người đàn ông trong đám hành khách sau cơn ngủ ngất, về mặt sáng rực lên, như nhớ tới một điều gì quan trọng, hỏi lớn :

— Các chú nằm đằng kia, có chú nào ở Bến-tre không ?

Trung-sĩ Bình đem quyền sở ra dò từng người rồi nói :

— Về một vài cây nữa thì có.

Người đàn ông tỏ ra mừng rỡ :

— Vậy thì tốt quá. Tôi đã có bạn đường. Miễn là có nhau qua bắc. Tôi xin nhận chú đó đem về tận nhà.

Rồi người đàn ông kể cho mọi người trên máy bay nghe, câu chuyện như để xóa tẩy đi mùi tử khí :

— Tôi xin lỗi các anh chị, xin kể một câu chuyện riêng tư của đời tôi, như tôi thường kể cho nhiều người khác cùng nghe trong bất cứ hoàn cảnh nào thuận tiện.

Có lẽ tôi là người duy nhất trong hành khách không phải đi nhận xác thân nhân. Tôi đi tìm một người mà không biết người đó còn sống hay chết. Đó là đứa con rơi của tôi.

Người đàn ông ngừng lại nuốt uất hận, giọng thấp xuống :

— Hồi tôi đi theo kháng chiến, trong một chuyến giao-liên về đồng nội, tôi có yêu một người đàn bà, sau những phút ân ái, nàng đã có con với tôi.

Một đứa con trai mà tôi chẳng hề biết mặt, chẳng được cái may mắn đặt tên cho con, nghe được nó khóc một lần. Tôi chỉ biết nó qua sự kể lại của một người khác. Mấy năm sau, tôi lại nhận thêm cái tin độc-địa nữa, người đàn bà ấy đã qua đời và gửi cho tôi một tấm giấy vẽ đầy đủ chi tiết về vị trí ngôi mộ của nàng. Từ đó đến nay, tôi không có thêm tin tức nào nữa. Tính ra, nếu còn sống, con trai tôi đã hai mươi hai tuổi...

Người đàn ông kết luận :

— Cám ơn các anh chị, trước khi chấm dứt, tôi xin anh chị chuyển tay nhau xem hình vẽ ngôi mộ của người yêu nhất đời tôi. Sau này tôi không còn yêu ai nữa.

Mọi người chuyển tay nhau miếng giấy đã cũ. Trên có vẽ một ngôi mộ hình bầu dục nằm giữa ngã ba đường, bên cạnh mấy cây không vẽ lá.

Người đàn ông cũng đặt lên những chiếc quan tài phía trước :

— Các chú cũng xem qua cho biết nhé.

Câu chuyện chấm dứt một lúc thì ánh nắng tỏa bên ngoài cửa kính, cơn mưa chấm dứt tự bao giờ. Một vài đường mây xuất hiện lơ đãng. Cảnh vật bên ngoài làm Viễn-Xứ nhớ đến Ngọc. Chàng nhớ những câu thơ nằm trong vành nón mỏng :

Hoa nở lại tàn

Trăng tròn lại khuyết

Chỉ có tình ta

Là tình bất diệt

Tình bất diệt là tình thế nào. Có phải như mối tình người đàn ông kia vừa kể không? Bây giờ Ngọc ở đâu? Chàng không tìm đâu ra trong thân tàu này một nơi để có thể tưởng tượng ở đó là gốc cây dương liễu già, nơi nàng ngồi bình thản dưới ánh nắng của một ngày. Chỉ còn một nơi để nhớ nàng, đó là những dòng nhật ký chép vội trong những ngày ở phi trường giữ xác :

« Ngày... tháng...

« Anh kê trên nắp hòm của thằng Hoắc đề viết cho em, chiều nay ở phi trường sao ảm đạm quá. Thằng này mới tịch mấy ngày mà đã có mùi. Lúc sống anh nào có biết mặt nó tròn méo thế nào đâu, thế mà nay anh thương nó nhất. Nó về có hai phần ba cơ thể, mình và tứ chi, còn đầu thì ở lại nhìn rừng núi, suối đá... »

« Ngày... tháng...

« Đêm qua nằm chiêm bao thấy em ngồi giữa trời sáng sủa, nón của em trở thành những cánh hoa mẫu-đơn trắng. Em ngồi mỉm cười nhìn anh điếm danh những chiếc quan tài trước khi đưa lên phi cơ. Đến khi chong chóng phi cơ quay thì em chạy đến hỏi anh, có cách gì làm cho xác tươi mãi không? Anh lục lạo trong trí nhớ những điều vệ-sinh ghi ở cẩm nang rồi trả lời không. Em nói có nước đá. Anh nổi giận, em không nên coi những người hy-sinh vì tổ quốc như tôm, như cá được. Thấy anh phản đối em bưng mặt khóc, không phải vậy đâu anh, em chẳng dám nghĩ vậy, ý em muốn người về còn sạch sẽ, gọn gàng và vui vẻ như khi đi. Anh chưa kịp nói gì thì em hỏi tiếp, người ta có linh-hồn thì các anh tử-sĩ đâu có thiệt thòi, phải không anh? Anh trả lời, phải, xác nằm đây mà linh hồn họ đã về đâu ngõ nhà rồi. Nghe anh nói, em mừng quá, vỗ tay reo, tiếng vui mừng của em làm anh tỉnh dậy. Những con chim hót bình minh trên các cành cây cao nhất. »

« Ngày... tháng... »

« Anh sẽ đem em về ngôi nhà bên bờ sông Cửu-long. Sông rộng bao la như tình yêu chúng ta. Em sẽ thấy những cảnh vật mà không cần anh giải thích cũng hiểu được tình yêu ta bền chặt. Em sẽ thấy nhịp cầu ta đã xây... »

oOo

Biệt phái về lo di chuyển xác chết được hơn một năm thì vết thương cũ của Viễn-Xứ tái nhiễm độc. Cơ thể chàng lại bắt đầu nhuộm thêm những bệnh nguy hiểm. Khi sự sinh hoạt thường nhật của chàng không còn kết quả, người ta không còn dùng chàng vào công việc nữa. Chàng được gửi vào điều trị tại quân-y-viện.

Mặc dù được điều trị đúng tiêu chuẩn và có lương tâm nhưng người y-sĩ trưởng-trại nội-thương cho biết tình trạng của Viễn-Xứ ngày mỗi thêm trầm trọng.

Nhân ngày lễ quan trọng trong năm, phái đoàn đến thăm viếng, có đơn-vị trưởng của Viễn-Xứ đến, chàng nhân cơ hội này đề trình bày:

— Thăm quyền cho tôi hỏi một câu?

Viên Chỉ huy đầy ngạc nhiên:

— Anh cứ cho biết.

— Độ này ngưng bắn rồi có ai chết không?

— Có chứ, kẻ thù của ta vi-phạm đều đều.

Viễn-Xứ nhướn mình lên, tựa lưng vào vách tường:

— Xin thăm quyền giúp đỡ cho tôi được trở về lo việc áp tải quan-tài ở phi trường như trước đây.

Viên Chỉ huy buồn cười:

— Bệnh anh thế này làm sao nói đến chuyện ấy.

Viễn-Xứ chân thành:

— Thưa, tôi làm được. Xin đem hết khả năng.

— Thôi anh nằm nghỉ đi. Đó là việc của người lành, khi nào anh lành hẳn hay.

Nói xong ra khỏi cửa. Đôi mắt còn ném sự thất vọng tối tăm lại cho Viễn-Xứ. Chàng đưa hai cánh tay xương xẩu ra vỗ lấy khối không khí nặng nề phía trước, rồi ngắt lịm đi.

Một ngày trời thu. Khi những đám rong nổi lên trên mặt hồ giữa quân y viện đã đổi màu, Viễn-Xứ trốn ra khỏi phòng bệnh, đạp chuyển xe lam cuối ngày về phi trường.

Chàng tìm đến nơi Ngọc ngồi ngày trước thì trời tối hẳn. Những thân cây cao đã trở thành những lưới gươm đen nhọn đâm thủng bầu trời đặc mây.

Phi trường không có một bóng người. Viễn-Xứ lách mình qua mấy lớp ánh đèn để vào phòng đặt quan tài. Chẳng còn một chiếc quan tài nào quản ở đây. Nền nhà được quét dọn cẩn thận. Tấm lưới không lồ và chiếc xe xúc quan tài cũng được rửa sạch sẽ, nằm mặt mỗi, câm lặng.

Mấy ngọn đồi phía trước nay trở thành những con quái vật đầy nanh

vuốt. Trời gấm gù và chuyền mưa.

Bỗng Viễn-Xứ tìm thấy một người lính đang nằm ngủ bên cạnh đồng quân trang. Chàng đánh thức dậy hỏi :

— Anh làm gì ở đây ?

— Tôi lo hương khói.

— Có ai áp tải quan tài ở đây không ?

— Họ đi hết rồi. Tôi cụt một tay nên chỉ lo việc hương khói thôi.

— Tại sao ở đây vắng vẻ thế này ?

— Cả mấy chục chiếc giải tỏa khi sáng sớm rồi.

— Sáng mai có chiếc quan tài nào đến đây không ?

— Ai mà biết được.

Gió lùa qua từng cơn buốt rét. Người lính cụt tay đốt đôi mắt của mình cháy rực trong đêm :

— Anh có phải là người quen của cô Ngọc bán nón không ?

— Phải, sao anh biết ?

— Trước khi cô ấy đi có đến đây tả lại hình dạng anh, nói vì hoàn cảnh phải xa anh, nhưng còn yêu

anh mãi mãi.

Viễn-Xứ ghen ngào cầm bàn tay còn lại của người lính :

— Cô ấy đi đâu, anh biết không ?

— Tôi không biết được.

— Bây giờ tôi nhờ anh một điều.

— Tôi sẵn sàng giúp.

— Nếu có dịp nào gặp lại cô, nhờ anh nói tôi chẳng bao giờ quên cô. Anh có hứa giúp tôi không ?

— Tôi hứa.

— Cám ơn anh.

Khi bàn tay Viễn-Xứ đưa ra để bắt tay từ già người bạn mới thì có nhiều tia chớp xé vạt áo đen đứt, mà bầu trời đang mặc, thành nhiều mảnh vụn. Mưa từng giọt nặng đổ xuống.

Sáng hôm sau, toán an-ninh phi trường phát giác ra một xác chết nằm gọn gàng trong chiếc lưới, cạnh chiếc xe xóc.

Trong bản phúc-trình, ở cột cước-chú, có ghi thêm : « miệng nạn nhân như có nở một nụ cười ».

HỒ MINH-DŨNG

5.1974

PHÂN ƯU

Được tin trẽ **THÂN MẪU** Anh **TRẦN THIỆN ĐÀM** đã thất lạc tại Đàlat tháng 4/1974, hưởng thọ 82 tuổi.

Xin chân thành phân ưu cùng Anh Chị Đàm cùng tang quyến và xin cầu nguyện hương hồn Cụ sớm về Cõi Phật.

Vợ chồng : Lê-Ngọc-Quỳnh, Phạm-Duy-Lân, Nguyễn-Đức-An, Lê-Ngộ-Châu.

Tuổi thơ u ám

Người mẹ hốt hải vào phòng cấp cứu. Trong phòng trống trơn : một cụ già đang ngồi ho rũ ở góc phòng, còn các giường khác chỉ có những tấm nệm cũ dỉ máu. Cô y tá, bận xếp dọn gì đó phía sau cái bàn sắt, không buồn ngừng lên khi có tiếng chân lạ. Mẹ đứng tần ngần, rụt rè một lúc, rồi đánh bạo hỏi :

— Thưa cô...

Vẫn tiếp tục công việc, người nữ y tá hỏi :

— Cái gì ?

— Người ta có chỗ con tôi lên đây không ?

— Con bà là ai ?

— Dạ con tôi nó bị xe tông.

Người y tá bực mình, bỏ mở giấy tờ đang xếp soạn, đứng thẳng lưng nói xẵng :

— Biết con bà rồi, nhưng trai hay gái, bao nhiêu tuổi, tôi mới trả lời được.

Mẹ thấy mình mất bình tĩnh và đã làm phiền người ta quá nhiều. Mẹ đến đứng sát vào cạnh bàn gắng bình tĩnh một lúc mới kể lẽ :

— Dạ hai cha con đèo nhau lên dốc. Cha nó, cha nó... tức là ông chồng của tôi đó, ông lấy xe đạp chở thằng nhỏ đi học. Tôi đã sợ, dặn phải cẩn thận xe cộ. Đoạn đường lại dốc ngược, đi bộ còn muốn dứt hơi hưởng chí

là đạp cái xe cũ, phía sau đèo thêm thằng nhỏ. Cẩn dặn hai ba lần, ông gật gà gật gù cho qua vậy chứ có chịu nghe tôi nói đâu. Tôi nói thằng Liên nó lớn rồi, đủ sức một mình tới trường...

Cô y tá không thể kiên nhẫn thêm, cắt ngang :

— Liên hả ? Lê văn Liên, 8 tuổi. Con bà có vào đây. May là nó nhẹ nhất. Chỉ bị xây xát chân tay và bị một vết ở đầu, phía trên tai trái. Bác sĩ sợ có thể xương sọ bị nứt, đã cho đi chụp hình.

— Con tôi bị ngã nứt sọ rồi sao cô ? Làm sao đây !

Thấy vẻ thảng thốt của mẹ, lòng cô y tá chùng lại. Cô an ủi :

— Bác sĩ chỉ ngờ như vậy, chứ không sao đâu. Đằng nào cũng phải khám kỹ mới chữa được.

— Nhưng họ đã chụp hình xong chưa cô ?

Người y tá xem đồng hồ, ngần ngừ một lúc rồi đáp lơ lửng :

— Có lẽ rồi. Bác lên trại 7 thử xem.

Cô còn chỉ dẫn đường lối cẩn thận trước khi đem ống thuốc và xê-ranh lại phía ông lão đang ho rũ rượi.

Mẹ bước ra khỏi phòng, hỏi thăm thêm bốn người nữa vừa y công vừa

bệnh nhân mới tìm được trại 7. Mẹ đến phía cửa lớn định đẩy nhẹ vào, nhưng thấy người ta đã khóa cửa bằng một sợi xích lớn nên lại thôi. Mẹ tiến đến một cái cửa khác. Cửa mở. Người y tá, ở đây là một thanh niên trạc 30 tuổi đeo kính, ngừng lên hỏi.

— Bác muốn thăm ai ?

Nghe trong giọng nói của anh y tá nhiều vẻ ân cần hòa nhã, mẹ vui mừng hỏi liên tiếp :

— Có thằng nhỏ con tôi nằm ở đây không thầy. Nó bị xe tông ở trên dốc Dúi đó, thầy. Dưới kia cô áo trắng nơi nó bị nứt sọ. Có thật không thầy ?

Anh y tá đưa tay lên ngăn bà cụ lại, nhắc nhở :

— Bác nói chậm chậm cháu mới nghe lọt hết. Con bác tên gì, bị thương lúc nào ?

— Nó tên thằng Liên. Mới bị thương hồi sáng. Xe nhà binh chở giùm nó lên đây mà.

Anh y tá đoán được bệnh nhân, reo lên :

— Phải rồi. Có đúng em Lê văn Liên không bác ? Nằm phía kia, chỗ gần cái cửa sò mở đó.

Mẹ nhìn theo hướng anh y tá chỉ. Vừa lúc ấy mẹ cũng nghe thấy Liên reo lên mừng :

— Mẹ, con đây mẹ.

Hai mẹ con ôm chầm lấy nhau. Mẹ mừng quá, úp mặt vào mái tóc khét nắng của con khóc tẩm tức. Mãi một lúc sau, mẹ mới chú ý đến lớp

băng quấn quanh đầu bé Liên. Nước mắt vẫn còn ướt đầm hai gò má xương xẩu, mẹ hỏi :

— Con có đau lắm không ? Chụp hình chưa ?

— Chụp xong rồi mẹ. Con tưởng lâu lắm, phải sửa đi sửa lại như lúc chụp hình dán thẻ học sinh. Nhưng con mới nằm xuống, cắt một cái, xong liền...

Mẹ không để cho con nói hết, nhắc lại điều cần thiết :

— Nhưng con thấy có đau không ?

— Không sao đâu mẹ. Con chỉ bị va đầu vào một viên đá chỗ dốc mà thôi.

— Con biết gì. Cả một chiếc xe hàng lớn tông vào cái xe đạp. Không tan xương nát thịt là may. Con chưa thấy chiếc xe đó ! Cái niền sau cong như bánh tráng nướng. Cái ghi-đông bị gãy. Cha mầy ông buồn thờ ra thờ vô, sợ không lấy gì chạy đi bỏ bảo tháng. Mẹ nói còn người thì còn của, cha con vô sự là may lắm rồi. À, mấy người trên xe hàng lúc đâm xuống hố bị thương ra sao ? Chở vào đây một lượt với con mà ? Có ai chết không ?

Bé Liên được dịp chứng tỏ sự quan trọng của mình, ngồi xích ra xa mẹ :

— Ghê lắm nghe mẹ. Hồi đêm lên xe ông tài xế đã hết cựa quậy rồi. Còn người đàn ông bị cánh cửa xe đang gãy sườn thì oắt mình dẩy dựa, la hét liên miên. Chạy tới nửa đường thì ông ta chết. Chỉ còn trên

xe có con với hai người nữa. Thấy xe lắc, đưa xác ông tài xế xích dần lại chỗ con, con sợ quá.

— Ông tài xế chết rồi à ? Ai bảo lái xe bất cẩn. Nhưng thôi, người ta chết rồi, cũng tội nghiệp. Sao người ta nói ông lách được ra khỏi xe, đi lại được ?

— Dạ đâu có, mẹ. Ông bị đập ngực. Cái vòng tay lái đập thẳng vào ngực, chịu sao nổi. Như vậy là có tất cả hai người chết, hai người bị thương. À, kể cả con nữa là ba.

— Cầu trời cho con không việc gì, sợ không bị nứt, đề mau mau về nhà.

Rồi giọng mẹ trầm xuống, đầy vẻ sợ hãi, lo lắng :

— Mình phải trả một ngày bao nhiêu, con ? Họ có nói với con chưa ? Nằm lâu quá sợ mẹ không có tiền. Chỉ tại cái lão tài xế lái xe cầu thả. Người ta đi xe đạp ở lề đường, mắc gì đâm vào người ta rồi lạc tay lái đưa cả cái xe lộn xuống hố...

Mẹ còn định nói nữa, đồ cả giận dứ lên đầu người lái xe xấu số bất cẩn. Nhưng đứa con cứng, trước mặt mẹ buồn rầu, kêu khẽ :

— Mẹ... mẹ...

— Cái gì con ?

— Đừng oán ông tài xế, tội nghiệp.

Mẹ nhớ đến cái chết, nhớ đến lòng khoan dung phải có của kẻ ở lại đối với kẻ ra đi, đành ngậm ngùi :

— Ờ, đằng nào ông ta cũng chết rồi...

— Nhưng không phải lỗi ông tài xế đâu mẹ .

Chút tình thương gắng gượng cho vui lòng con không ngăn được mẹ phản đối.

— Đưa cả chiếc xe đẩy hành khách chúi xuống hố mà không có lỗi !

— Tại ông cố tránh cho khỏi tông vào chiếc xe đạp của cha đó !

— Cố cố cái gì ! Tránh cho khỏi tông mà cái niền xe cong vòng ? Cha mãi không rón đạp nhanh thì hai cha con đã nằm chết gọn dưới lườn xe rồi. Chắc ông bà cũng phù hộ...

Người y tá đến nhắc mẹ giờ thăm bệnh đã hết. Bác sĩ sắp đi qua, nên không ai được ở lại trừ các bệnh nhân. Mẹ không biết làm gì khác hơn là phải về. Thấy đôi mắt bé Liên cầu khẩn, mẹ an ủi :

— Chiều mẹ sẽ trở lại. Con muốn ăn gì mẹ mua cho.

— Mẹ đem cháo cho con cũng được !

oOo

Mẹ giữ đúng lời hứa với Liên. Mẹ đã trở lại, ngay khi thân nhân người bệnh được phép vào phòng. Mẹ còn làm quá cả lời hứa nữa. Vì ngoài mẹ, còn có cha và chú Năm. Cha ấn nhẹ lên lớp băng phía trên tai trái hỏi bé :

— Con có đau không ?

Liên thành thực lắc đầu :

— Thừa cha không.

Chú Năm hỏi :

— Con có thấy choáng váng hay nhức đầu không ?

— Dạ không.

Chú Năm nói với cha :

— Chắc cháu không việc gì đâu anh. Tôi có hỏi dưới y tá, anh ta nói phim không có gì đáng ngại. Nghe thiên hạ đồn đãi thêm mắm thêm muối vào, tôi tưởng anh với cháu không thể thoát nạn được. Họ bảo chiếc xe hàng đập nhàu lên cả hai cha con rồi mới đâm xuống hố.

Cha nói :

— Không hiểu ông bà phò hộ hay sao mà tôi cố ra sức đạp thật lẹ. Nghe tiếng còi, tôi nép sát lề đường liền. Vậy mà cũng không tránh kịp. Đang đạp, tự nhiên cái xe lắc, mất hết thăng bằng. Bánh trước như muốn hỏng đất. Cố bao nhiêu cũng không gượng được, nên chiếc xe đập ngã lăn trên mặt lộ. Về sau thấy có dấu vết trên cái chắn bùn, tôi mới biết là bị cái « para-choc » xe hơi đâm phải.

Chú Năm tiếp lời :

— Vậy là có hai cái may : thứ nhất là cái xe hàng đang leo dốc, không chạy nhanh được, nên chỉ vệt nhẹ vào bánh sau cho anh và cháu ngã xuống. Thứ hai là nhờ anh đạp nhanh có trớn, nên khi ngã, anh và cháu được kéo ra trước, tránh khỏi đầu xe hàng. Còn lão tài xế thì mất bình tĩnh đưa luôn xe xuống hố...

Cha và chú Năm háng say tranh luận với nhau, ôn lại từng giây từng phút

diễn tiến của tai nạn chết người. rành rẽ hợp lý chẳng khác nào lời tường thuật của những người tận mắt chứng kiến. Anh y tá thấy câu chuyện hấp dẫn, đến mời cha và chú Năm hai điều thuốc Bastos, rồi ba người tiếp tục bàn tán. Sợ làm phiền bệnh nhân, họ kéo lại phía cái giường trống gần đó cho tiện tranh luận. Mẹ là người thấy rõ hơn ai hết điều cần phải làm, mở dây cột trên mép giường lấy ra hai ngăn ga-mên. Liên hỏi :

— Mẹ đem cháo cho con hả ?

Mẹ âu yếm đáp :

— Con đau mẹ không cho ăn cháo được. Phải ăn thứ gì cho đủ sức bình phục.

Bé Liên thắc mắc :

— Đau phải ăn cháo cho dễ tiêu chứ mẹ.

Mẹ không đáp, cẩn thận gỡ miếng giấy bìa dầy hai ngăn ga-mên. Một ngăn đựng cơm trắng. Ngăn nữa đựng thịt kho với đậu chiên. Dù cố giấu cổ dẫn, Liên vẫn không thể che được vẻ hí hửng thêm thưởng. Lúc mẹ lục trong giỏ đem ra cái chén và chiếc muỗng, Liên thấy phải nói điều gì :

— Nhà mình ăn cháo mấy tháng nay rồi, mẹ. Nấu cơm làm gì l... Mẹ không nói, cẩn thận cho cơm khỏi đổ ra nệm, chan nước thịt trộn đều rồi hỏi :

— Con rán ăn cho nhiều. Mất máu nhiều lắm, nhớ không.

Lúc ấy có người gọi anh y tá trở

ra bàn giấy nhận thuốc. Cha và chú Năm hơi thất vọng vì mất đi một thính giả lý tưởng, đành phải lững thững lại chỗ giường bé. Cha không chịu bỏ ý tưởng dở dang :

— ... Dĩ nhiên vụ này phải ra tòa. Ông tài xế chết, như vậy là tội nhân đã tự xử. Nhưng hành khách, lớp chết lớp bị thương, còn thằng nhỏ năm đây, còn cái xe đạp gãy của tôi. Phải có ai bồi thường thiệt hại chứ.

Liên lắng tai nghe, miệng há ra cho mẹ dứt một miếng cơm trắng. Đột nhiên nó thấy nghẹn, và cảm thấy lợm nơi cổ họng. Mẹ lo lắng hỏi.

— Sao vậy con ? Nghẹn hả ? Ai bảo nuốt vội.

Liên lắc đầu, trong khi vẫn nhả miếng cơm trong miệng ra tay :

— Dạ không. Con thấy ớn thịt quá. Mẹ cho con ăn đậu.

Người mẹ yên lòng, xúc cho con muỗng khác. Liên nhìn về phía cha và chú Năm, lúc ấy đã kéo đến bàn anh y tá đề cương quyết tiếp nối cuộc bàn cãi. Liên hỏi :

— Cha đòi kiện ông tài-xế hả mẹ ?

— Ông chết rồi còn kiện gì nữa !

— Vậy vợ con ông tài-xế phải bồi thường không mẹ ?

— Mẹ không biết. Ai làm thì chịu tội chứ. Nhưng ông chết rồi.

Liên ngập ngừng một lúc, rồi hỏi :

— Thấy tu chỉ ăn đậu khuôn với cơm thì không mang tội phải không mẹ.

Thấy con hỏi một chuyện đầu đầu, người mẹ gắt :

— Ai nói với con vậy. Không có tội là tại họ tụng kinh giác ngộ, chứ đâu phải chỉ ăn đậu khuôn. Họ ăn chay để cứu sát sanh, vì giết súc vật, ăn thịt là tàn nhẫn, mang tội.

— Làm chết người cũng mang tội phải không mẹ ?

— Nhất định rồi. Như ông tài-xe dù có chết, xuống âm phủ cũng sẽ bị hỏi tội như thường.

Bé Liên ngưng nhai cơm, cãi lại :

— Ông có tội gì đâu cơ, mẹ !

Người mẹ hết nhìn chén cơm lại nhìn con, không hiểu vì sao thằng bé cứ quanh quẩn mãi về người lái xe. Cuối cùng, mẹ tìm ra một câu trả lời dễ hiểu nhất.

— Sao không ! Ông cán gãy chiếc xe đạp của cha, từ đây làm sao cha đưa báo tháng ? Cha không bán báo được, lấy tiền đâu mua gạo cho nên cha con phải kiện, để người ta bồi thường cho chiếc xe đạp khác.

Liên nghe mẹ nói, nét mặt càng bần thần. Bé mắt hờn đến độ mẹ đưa muỗng cơm đến mà bé không thấy đề há miệng ra nữa, mẹ ngạc nhiên hỏi :

— Không lo ăn đi, nghĩ gì vậy ? Con nhức đầu phải không ?

Bé không trả lời, ngồi im lặng một lúc rồi lăm lét nhìn mẹ, hỏi nhỏ :

— Mẹ...

— Cái gì con ?

— Con kể chuyện này, mẹ đừng nói lại với cha, con mới dám nói.

Người mẹ kinh ngạc trở mắt nhìn con, muống cơm để lơ lửng giữa trời.

— Sao, con nói cái gì?

— Không phải lỗi ông tài-xế đâu mẹ!

— Nữa! Sao cứ nhắc lại hoài vậy. Ông cán gãy cán dẹp cái xe đạp của mình, con còn nói không có lỗi.

— Tại con đó mẹ!

— Sao?

Bé phải lấy mọi can đảm nói cho hết một lần:

— Không phải ông tài-xế tông vào chiếc xe làm cho cha ngã đâu. Con ngồi sau, con biết. Lúc đó xe leo dốc. Con thấy cha cố gò lưng đạp chở con đến trường, cha thở hào hển, con thương cha quá. Con hối hận đã làm cha khổ. Nếu không có con ngồi phía sau, cha đâu có mệt nhọc thế này. Con vịn tay vào yên xe, dậm chân lên hai ốc sên, nhồm đít lên cho xe nhẹ bớt. Con vừa làm vậy thì xe đạp ngã nhào.

— Chiếc xe hàng trời tới tông vào xe đạp chưa?

— Dạ chưa. Con nằm sau chiếc xe đạp, nếu xe hàng cán chiếc xe của cha, con đã chết rồi.

Mẹ nghe Liên nói, ngồi chết lặng một lúc. Muống cơm bỏ dở, mẹ đem đồ lại ngăn thức ăn. Thấy mẹ giữ im lặng quá lâu, Liên phải hỏi trước đề đỡ lo lắng.

— Mẹ không mệt cha chứ mẹ?

Người mẹ giật mình, vội trấn tĩnh đứa bé:

— Không. Không đâu. Cứ để cho cha kiện đòi bồi thường chiếc xe đạp khác.

Lại im lặng. Một lúc lâu nữa, giọng mẹ lạc đi:

— Con quên là dù có nhồm đít lên, xe vẫn nặng như thường hay sao? Không dễ gì nhắc mình khỏi mặt đất, cho nhẹ gánh lo của cha đâu con!

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Đêm 28-2-1974

THƯ LÂM ẦN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dãy số: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cò áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẦN THƯ QUÁN

Bên thành cũ trường Hàm-Nghị

Thơ Ý YÊN

- trên cành cây điệp ngoài sân
điệp hoa vừa lên màu chín
những giầy điện thoại ngoài sân
chăng ngang cành cây điệp kín
- chiếc xe ngủ vùi im lặng
đạn thù đạn những tổ ong
một anh lính gầy trú nắng
bên xe đạn trở từng vòng
- trong hốc đạn trường xuân phá
một con chim nhỏ đứng kêu
nhìn sân mờ tan bụi phủ
bên tường phủ ngập phong rêu
- ngoài hè bàn ghế chông chờ
các em đâu rồi? — Trống vắng
bỏ đi niên học nửa mùa
trong phòng ngủi lạnh ngần ngơ
- một người đang ngồi giải đoán
bài toán ghi trên phông đồ
trên tấm bảng đen đã dần
chít chít là những bản đồ
- nơi xưa các em làm toán
vẽ hình chữ S quê này
bây giờ đường tên xanh đỏ
cát đường vĩ tuyến đông tây
- quân đi theo miền Quảng trị
quân về nẻo gió Đông Hà
bao giờ cho bấy em bé
sân trường và những sân hoa

(Mùa Thay Lát)

Thơ Hà Huyền Chi

NHƯ MỖI TÌNH CỜ

Lênh đên giữa biển mù sương
Mình tôi đi giữa con đường ngập mưa
Gặp nhau như mỗi tình cờ
Dù thương nhớ chẳng bao giờ người ngoài

Thần nhiên thích thức đọa đầy
Đã mềm đau đớn, đã say tử hờn
Vội tình yêu rất dị thường
Đã mù đôi mắt nhìn đường trong tôi

Sống bao nhiêu đó đủ rồi
Tôi lung hê hết quãng đời về sau
Thế thôi mười chín tuổi đầu
Đã là khép kín vùi sâu thiên đường

Mùa tình sức nước hoa hương
Người tình hiền thánh trong thương nhớ đời

MƯA TRONG HỒN

Buổi tối lạnh và mưa buồn kinh khủng
Em nhớ anh ôi nỗi nhớ lạ lùng
Em thêm viết mưa trong hồn em đó
Nét chữ tuôn rơi giòng nỗi theo giòng

Em chau chuốt tình yêu từ dĩ vãng
Tương lai xa và hẹn lại chơi vơi
Anh chiếc bóng cuối trời sương lãng đãng
Bỗng hiện về như vật nặng hiếm hoi

Những mong nhớ bắt hồn em quay quắt
Phút hẹn hò mang vị ngọt đầu môi
Trái hạnh phúc thoáng niềm đau héo hắt
Giờ chia tay hoang lạnh mấy phương đời

Anh bỏ lại ngõ dài hun hút vắng
Bước em buồn trên vũng tối âu lo
Trên thân thể từng phần vương cay đắng
Mắt mắt trong đời — chưa xoi trong thơ

Nhân dự hội nghị Mecca

(tiếp theo trang 22)

Hồi ra mới biết, vì đây là loại chiếu khán đặc biệt nên cần có chỉ thị của Islamabad, còn những chiếu khán đang cấp là những chiếu khán thường, phần lớn dành cho người Hồi-giáo đến Mecca với tính cách hành hương Thánh địa gọi là *umrah* được đặt dưới sự kiểm soát khá chặt chẽ, bởi lẽ người không phải Hồi giáo không được vào phần đất Thánh địa Mecca được.

Nhưng tại sao không cấp cho tôi chiếu khán *umrah* ? Được gợi ý như vậy, ông Tổng Lãnh-sự mắt sáng lên như vừa tìm được chân lý, cho lập thủ tục cấp ngay chiếu khán *umrah* cho tôi.

Được chiếu khán rồi, liên lạc với Công-ty Hàng-không Saudi Arabia thì không còn chỗ nữa. Hồi phải đợi trong bao lâu, thì được cho biết khoảng 10 ngày nữa mới có chỗ ; trong khi Hội nghị sẽ khai mạc ngày hôm sau và chỉ có hợp 5 ngày !

Thế là tôi phải đích thân đến Công-ty Hàng-không gặp Ban Giám đốc, được tiếp đón niềm nở, nhưng vẫn không có được cái vé. Lại gọi điện thoại khắp nơi từ Đại-hội Hồi-giáo Thế-giới (World Muslim Congress) đến những cơ quan có thẩm quyền Pakistan. Một vài vị thân hành đến tại chỗ can thiệp, nhưng rồi cũng chẳng có kết quả gì. Các chuyến bay đến Jeddah bao giờ cũng đầy khách Hồi-giáo, thời giờ lại quá cận, không biết liên lạc với ai để mà thương lượng.

Nghĩ đến hôm sau Hội nghị khai

mạc, quốc kỳ Việt-nam không được thượng lên bên cạnh quốc kỳ các nước khác trên tôi thể giới, mà cảm thấy buồn, nên đi lang thang trên đường phố Karachi xem người và cảnh, từ sáng hoạt ồn ào tại chợ trái cây, nơi trưng bày những tấm thảm đặc sắc, đi lần đến đền kỷ niệm Muhammad Jinnah, nhà lãnh tụ khai sáng Pakistan, xa xa thấp thoáng bóng hình người phụ nữ Hồi giáo từ đầu đến chân che kín bằng một thứ vải đen ngòm, như những bóng ma. Đặc biệt tại Karachi, một loại xe taxi bình dân giống như xe Lam 3 bánh tại Saigon, nhưng chỉ có 2 chỗ ngồi đằng sau, rẻ tiền hơn xe hơi taxi gấp bội.

Đang hết hy vọng được dự Hội-nghị, ngồi đọc lại bài diễn văn đã soạn sẵn trong đoạn đường Bangkok-Karachi, tôi lại cảm thấy buồn. Bỗng một ý nghĩ thoáng qua, tôi tức tốc kêu xe ra phi trường, hy vọng biết đâu lại chả có một hành khách nào đó bị ngăn trở vào giờ chót. Nhưng tất cả hành khách có ghi vé đều có mặt cả ; Tại phi trường, tôi lại gặp toàn Phái đoàn Hồi giáo Pakistan, nhiều giới chức lại bận rộn đi hỏi thăm, can thiệp cho tôi, nhưng các nhân viên Công-ty Hàng không vẫn lắc đầu.

Đoàn hành khách vừa được báo ra cửa lên phi cơ, thì cũng vừa lúc trong đầu tôi nảy ra một ý mới, tôi bèn lôi ông Trưởng-trạm Công-ty Hàng-Không ra cửa, đốc thúc ông ta lên phi cơ xem trong đoạn đường

từ Bombay đến Karachi có hành khách nào không đi hay không?

Một lát sau, ông Trưởng trạm xuất hiện, chỉ tay vào quầy vé, tức là đã có chỗ, tôi lập tức cho cân hành lý và qua cửa quan thuế lên phi cơ.

Cửa phi cơ đóng lại, tôi ngồi vào ghế, cài giầy an toàn, thở phào nhẹ nhõm, lúc đó mới chắc chắn thế nào cũng đến được Mecca dự Hội nghị. Một bộ lão trong phái đoàn Pakistan mỉm cười nói: «Đi Mecca thường luôn luôn gặp những trở ngại, nên không phải ai cũng đến Mecca được. Đó là ý muốn của Allah. Nhiều người có tiền rừng bạc biển, nhưng suốt đời không đến được Mecca; mình đến được Mecca chính là do cái phúc Allah ban cho». Các bộ lão tại quê nhà cũng đã dặn dò tôi như vậy, ngày lên đường.

Sau hơn 2 giờ bay, phi cơ đáp xuống phi trường Dahran, phi cảng kiến trúc tối tân, đèn chiếu sáng trọng trong đêm khuya. Mọi hành khách phải xuống phi cơ, vào phi cảng sắp hàng nối đuôi chờ đến lượt trình thông hành kiểm nhận. Không thấy có ông bà nào ngang nhiên vượt qua cái đuôi cả, ai nấy — trong đó, có cả một vài ông Ả-rập có người theo hầu — đều sắp hàng theo thứ tự, chờ đến lượt mình.

Cửa kính trong bóng, nền gạch không chút bụi, gây nên một cảm giác đẹp khi lần đầu tiên tôi bước chân xuống đất Saudi Arabia.

Các viên chức Ả-rập đều mặc áo dài phết gót màu trắng, cổ đứng, chỉ xẻ khuy cài tới ngực, dưới không

có mặt quần dài, nhưng trên đầu, dù là ở trong nhà, vẫn đội một cái mũ trắng, được phủ lên bằng một khăn trắng mỏng với một cái vòng màu đen giữ lại cho khỏi rơi.

Nhìn vào sổ thông hành, viên chức liên hệ đóng dấu mau lẹ cho những hành khách có tên Hồi-giáo hợp lệ, còn những người có tên họ khác lạ thì được chuyển cho một viên chức chỉ huy ngồi kế cận quyết định.

Người Ả-rập mang 2 tên, tên riêng của mình và chữ *ibn* có nghĩa là «con của» và tên cha. Thí dụ như tên của Quốc vương là *Faysal ibn Abdul Aziz* tức Faysal con của Abdul Aziz. Một số người Ả-rập chịu ảnh hưởng Tây phương không viết chữ *ibn* chính giữa 2 tên nữa, nhưng đến con thì chữ mang thêm tên của mình. Do đó về phương diện hình thức, không có một họ được truyền từ đời này sang đời khác.

So chiếu với người Mã-lai Hồi-giáo thì chữ *ibn* được thay bằng chữ *bin* đối với nam giới, và chữ *binti* đối với nữ giới. Nhưng tại Mã-lai-Á, có chế-độ Tiều vương (Sultan), xã hội còn trọng phẩm hàm, nên tên còn kèm theo tước vị như *Tun, Tansil, Datok* khiến ngoại nhân đôi khi ngỡ ngàng. Như tên của cựu Thủ tướng Mã-lai-Á là *Tungku Abdul Rahman* thì *Tungku* chỉ là tước vị Hoàng tử.

Người Hồi-giáo Việt-Nam chịu ảnh hưởng Mã-lai thường kèm theo tên bằng chữ *Haji*, được xem là giáo phẩm của người Hồi-giáo đã thực hiện những lễ tục tôn giáo tại Thánh địa Mecca.

Có một từ ngữ thường thấy đứng trước tên người Ả-rập là *Sheikh*, sự thật chỉ có nghĩa tương đương như *Cụ*, áp dụng cho những nhân vật trọng tuổi, nhưng đặc biệt không phải chỉ do người khác gọi mà cả đến các nhân vật này cũng tự xưng hô là *Sheikh* nữa.

Qua các bản kiểm nhận rồi tức đã được chánh thức chấp nhận vào lãnh địa Saudi Arabia và từ đó không thấy ai đòi xuất trình giấy tờ gì nữa.

Một giờ sau, phi cơ đáp xuống một phi trường nhỏ tại *Riyadh*, thủ đô của Saudi Arabia, nơi có cung điện Quốc vương và cơ sở các cơ quan Chánh phủ, nhưng Tòa Đại-sứ các nước thì lại đặt ở *Jeddah*.

Khi phi cơ sắp cất cánh, tôi mới nhận thấy một số hành khách mới lên tàu, y phục mang màu sắc địa phương, đàn ông thùng thình thêm chiếc áo choàng rộng bên ngoài phần lớn màu đen, còn phụ nữ thì từ trên đầu phủ kín bằng một cái khăn màu đen *mousseline* dưới ánh đèn của phi cơ trông mờ ảo như hình ảnh mô tả trong quyển « Ngàn lẻ một đêm », khác hẳn với vải phủ thô được nhận thấy tại Karachi và các phụ nữ nghèo các xóm cạnh các xa-lô Ả-rập.

Thoáng nhìn xuống chân thì bà nào cũng mang loại giày thời trang mới nhứt.

Trong khi đó, các cô nữ tiếp viên hàng không, được huấn luyện kỹ càng, vẫn nhanh nhẹn trong bộ đồng phục màu xanh, mặt đề trần, đầu đội một thứ mũ, trông gọn gàng cũng

như các nữ tiếp viên hàng không quốc-tế khác. Hỏi ra, mới biết các cô này cũng Ả-rập nhưng không phải gốc Saudi Arabia, có cô người Libanon, có cô người Ai-cập; chỉ có nam tiếp viên hàng không thì người Saudi Arabia, bởi lẽ mọi phụ nữ Saudi Arabia ra ngoài đều che phủ khăn đen, không thích làm nhiệm vụ tiếp viên hàng không.

Do đó, mặc dầu hiện có vào khoảng 120.000 cô gái đang theo học các trường, người phụ nữ Saudi Arabia bị liệt vào hàng công dân thứ yếu, khi xuất hiện trước công chúng luôn luôn che phủ kín từ đầu đến chân và không thấy có một phụ nữ Saudi Arabia nào lái xe ngoài đường cả, mặc dầu bên lề các xa lộ vẫn thấy có thấp thoáng một số phụ nữ quê đuôi lạc đà, nhưng đầu, mặt vẫn che phủ bằng chiếc khăn đen.

Phi cơ đáp xuống phi trường Jeddah vào đúng 3 giờ sáng; một ban tổ chức hùng hậu chờ sẵn xe đón vào Phòng khách danh dự. Lúc đó, các Đại biểu mới được dịp chào hỏi nhau — chào hỏi theo lối Ả-rập có nghĩa là ôm nhau 2 lần áp má vào nhau — một lần bên mặt một lần bên trái. Bầu không khí thân mật, niềm nở trong tinh thần huynh đệ Hồi-giáo.

Và vì mãi mē trao đổi câu chuyện, 3 giờ sau tôi mới đánh tiếng hỏi một nhân viên trong ban tiếp đón xem còn đang chờ ai thì biết chẳng chờ ai cả và cũng chẳng ai làm một cái gì cả. Tôi liền lên tiếng đề nghị sang khu quan thuế cho khám xét hành lý thì được mọi người nghe theo

ngoại trừ Phái đoàn Indonesia ngồi yên tại chỗ vì đi với thông hành ngoại giao.

Quả thật, khi đến nơi, các hành lý đã nằm sẵn chờ được khám xét. Biện pháp được áp dụng gắt gao nhất là đối với rượu các loại, vì Hồi giáo cấm hẳn uống rượu và sự vi phạm được liệt vào tội hình.

Nhận hành lý xong, lại phải đứng chờ trước phi cảng, chẳng ai biết là sẽ làm gì, trong khi đó các viên chức hữu dự từng nhóm nói chuyện với nhau bất tận.

Nhớ lại kỷ niệm mấy năm trước trên đất Mỹ, mỗi lần tới một khu Đại-học nào, tôi thường tìm đến các tổ chức Hồi-giáo, nên đã có dịp chung sống với một số bạn sinh viên Á-rập. Một số sống nhiều năm đã hòa mình bình thường với sinh hoạt xã hội, đúng với cái nghĩa thời giờ là tiền bạc, còn một số mới sang Mỹ, thừa tiền của nhờ học bổng dồi dào, đã nhiều phen khiến mình phải điên đảo vì lỡ cho mượn tài liệu tham khảo tìm được mà không được hoàn lại đúng hẹn. Và khi cần thận nhắc nhở trước thì luôn luôn được nghe *Insha Allah* tức là nhờ thượng đế, có nghĩa tương đương như là «yên chí!»

Theo kinh nghiệm đó, tôi tự coi bỏ mặc cảm chủ khách, và thử đóng vai tích cực để sớm được về nơi nghỉ trọ. Tôi bèn liên lạc với từng đại biểu một, lập danh sách, rồi thúc mấy ông viên chức ban tổ chức xướng danh cho lần lượt lên xe và phân phối phòng trọ. Đồng thời cũng nhờ

đó, không ai chú ý đến loại chiếu khán *umrah* của tôi. Theo thông lệ, với chiếu khán *umrah*, tôi phải được một người chuyên môn địa phương chấp nhận bảo lãnh hướng dẫn. Hệ thống tổ chức nhóm người này khá chặt chẽ đồng thời cũng nhằm ngăn trở những người không phải Hồi-giáo lọt vào Thánh địa *Mecca*.

Phi trường Jeddah là phi trường hăng năm tiếp đón hàng triệu người Hồi-giáo ồ ạt đổ xô từ khắp nơi trên thế giới đi đến Mecca thực hiện lễ tục *Haji*. Trước cửa, có hàng trăm xe du lịch hiệu Mỹ, có kiểu 1974, hỏi ra, được biết dùng làm Taxi, không thấy có một xe bus nào cả.

Vì lúc tại Jeddah 8 giờ sáng thì tại Saigon mới 2 giờ khuya, nên về đến phòng trọ vừa ngã lưng là ngủ say. Chừng tỉnh dậy, khoảng một giờ sau, xuống lầu định đi xem một vòng thành phố Jeddah, thì được mục kích một việc bất ngờ: hầu hết các đại biểu đến cùng chuyển phi cơ đều có mặt và người nào người nấy đều vắt lên vai phải một miếng vải trắng, một bên vai để trần, mình vận một miếng vải trắng khác, chân đi giép Nhựt.

Thấy tôi ung dung trong bộ Âu phục, một bộ lão trong phái đoàn Pakistan hỏi: Không chuẩn bị đi làm *umrah* sao? Chừng đó, tôi mới được giải thích về cái lễ tục vào đất Mecca và lật đật trở lên lầu gấp và đánh thức đại biểu Kenya, Sri Lanka... vẫn còn đang ngáy pho pho.

Sau khi ra phố mua đôi dép và xấp vải trắng gọi là *ihram*, chúng tôi tắm rửa sạch sẽ và lấy nước cầu nguyện (tức rửa mặt, cánh tay, trán, vành tay, chân). Xong, mặc *ihram* vào. Đây là miếng vải như khăn lông dài, có chừa một khoảng sẵn để cắt ra làm hai phần.

Hướng về *giblat* tức hướng đền *Qaaba*, chúng tôi cầu nguyện 2 lần cúi (2 *rakaat Nafil*), lòng xác nhận ý định *Ihram* để làm *umrah*.

Trong thời gian mặc *ihram* này, một số điều cấm kỵ được nhắc nhở: cấm che đầu (chỉ đối với đàn ông), dùng dầu thơm, cắt móng tay móng chân, chải tóc, cắt hoặc nhổ tóc, chọc phá hoặc giết hại bất cứ sanh vật nào, nhổ cỏ, chặt cây hoặc trồng, phạm tội lỗi vv... Thời gian này chỉ được đặc biệt dùng vào việc cầu nguyện ơn trên, có những tác phong tốt đẹp, tránh gây gổ và lợi dụng người khác.

Chuẩn bị xong, mỗi đại biểu mang hành lý ra xe, trực chỉ Thánh địa Mecca.

Mới đầu, nhìn ông tài xế Ả-rập lái xe, tôi có cảm tưởng như đang xem phim rượt bắt bọn cướp, vì lái xe vừa quá nhanh lại vừa quá ẩu, nhưng may là không có tai nạn nào xảy ra cả.

Đường đi từ *Jeddah* đến *Mecca* khoảng 80 cây số là một xa lộ tối tân, xe cộ dập diu.

Đến khoảng 25 cây số nữa mới tới Mecca, ông tài xế chỉ ngay cột trụ ranh giới, nơi người ta bắt đầu thực hiện lễ tục *umrah*. Sau khi làm xong một chuyến, và nếu muốn thêm

nữa, người ta phải trở ra ranh giới này để bắt đầu lần *umrah* khác.

Tới Mecca, sau khi mang hành lý đến khách sạn, tôi cùng với một đại biểu Hồi giáo Kenya vào đền *Ka'aba* cách đó khoảng 200 thước.

Đền *Ka'aba* nằm chính giữa Harem (Đại Lánh đường), lúc nào cũng có người tứ phương đang cầu nguyện.

Việc đầu tiên là cầu nguyện 2 lần cúi (*rakaat*) và từ đó dưới sự hướng dẫn của một hướng dẫn viên chuyên nghiệp sẵn sàng nhận thù lao, tôi thực hiện 7 vòng *tawaf* chung quanh đền *Ka'aba*, trông tựa như một khối vuông dài vĩ đại được phủ lên bằng một tấm vải màu đen, cửa đóng kín mít; miếng vải này được thay hằng năm và tin đồn Hồi giáo khắp thế giới xin chia nhau mỗi người một miếng mang về lấy lộc.

Tại một góc đền *Ka'aba* hiện ra phiến đá đen mà mọi người đều hôn khi đi qua, trong những vòng *tawaf*.

Mỗi người trang nghiêm làm công việc của mình và đọc các đoạn kinh theo sự hướng dẫn của hướng dẫn viên. Vì không phải là mùa làm *Haji*, nên số người chỉ vào khoảng một ngàn; tôi liên tưởng đến lúc người ta chen chúc dẫm chân lên nhau khi mà sân trong Harem chật ních người.

Xong, đến cầu nguyện 2 lần cúi (*rakaat*) tại *Maqam Nabi Ibrahim*, nhìn 2 vết chân in lên đá, lòng trong kiếng, nói là vết chân của *Nabi Ibrahim* khi xây dựng đền *Ka'aba*.

Từ *Maqam Ibrahim*, tôi đến giếng

Zam Zam cách đó khoảng 15 thước, uống 3 ngụm nước thiêng.

Tiếp đó là đến phần sa-y, tức đi từ đỉnh đồi Safa đến Marwah, 7 lượt theo một đường thung lũng này đã được lót đá cẩm thạch, gọi lại hình ảnh Hajara ngày xưa hót hơ hót hải đi tìm nước cho con là Ismael (sau đó, Hajara đã tìm được nước Zamzam).

Sau cùng một lần nữa, tôi trở lại cùng tắm nước zam, zam, đề đến ngày cuối, trở lại mang một bình về phân phối cho các tín hữu Hồi giáo tại quê nhà đang mong đợi, như mỗi lần có Phái-đoàn từ Mecca về.

Phần lễ tục nhập Mecca như vậy đã hoàn tất, cho đến ngày rời đất Mecca, tôi phải trở lại thực hiện 7 vòng tawaf chung quanh Ka'aba một lần nữa với tính cách già biệt và cầu nguyện có ngày được trở lại gọi là tawaf vidaa.

Chu vi Harem rộng mênh mông, chim bồ câu từng đoàn bay lên bay xuống giữa cảnh người đang hướng về Allah. Tôi ngồi nhìn mà cảm thấy thắm thía hơn bao giờ hết cái nghĩa Đạo do tâm, muốn thấu triệt phải kèm theo cảm xúc, mọi sự phân tách từ bên ngoài chẳng qua chỉ là công trình xây nên một sườn nhà không có vách.

DOHAMIDE

Kỳ tới: Hội nghị Mecca

Sách mới

— Cơ cấu Việt ngữ tập II của Trần Ngọc Ninh, do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 170 trang trình bày phần: Cơ cấu dạng-vị-học (Phương pháp, Câu, Thành phần trực tiếp, Từ và các Loại từ, Dạng vị). Bản đặc biệt.

— Lục bát Du Tử Lê Tập thơ lục bát của Du Tử Lê do Con Đường xuất bản (Nguyễn Cao Nguyên chủ trương) và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo, trình bày đẹp, dày 24 trang, có tiểu sử và chân dung tác giả, lời giới thiệu của Nhà xuất bản và trên 10 bài thơ cùng « những lời nói thật » của tác giả gửi độc giả.

— Những ngọn nến tình, tập thơ của Trần Thái Hòa và Băng Huỳnh Thảo, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 70 trang, Trần Thái Hòa trình bày phụ bản và những trang trong bằng phương pháp phóng ảnh, gồm 33 bài thơ của 2 tác giả. Giá 300đ

— Nhị thập bát tú tập thơ của Phở Đức, do Cơ sở Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng, nói về 28 nhân vật xưa và nay, Việt nam và ngoại quốc, từ các nhà văn thơ như Nguyễn Du, Lý Bạch, Cao Bá Quát, Nguyễn Hiên Lê, Đinh Hùng..., đến các vị anh hùng, nhà chính trị, cả Lão tử, Khổng tử, Thích ca mâu ni và Chúa Kitô. Giá 100đ

Sách quân đội

Bách-Khoa trân trọng cảm ơn Thiếu tá Lê văn Tân, thuộc Bộ Tổng Tham-mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã gửi tặng một số ấn phẩm rất quý báu cho các anh em cầm bút mỗi khi cần tham khảo về quân đội V.N.C.H.

Nhóm Chủ trương BÁCH KHOA

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Xuất bản hồi sinh ?

Từ Tết đến nay các nhà xuất bản hầu như tê liệt tất cả vì giá giấy, giá bìa, công in trước Tết đã vọt lên quá cao trong lúc đó số người tiêu thụ sách thì lại càng ngày càng giảm sút. Nhưng tới nay một vài nhà xuất bản dường như hồi sinh trở lại : Nhà Lá Bối ngủ một giấc dài trên nửa năm trời lại thấy xuất hiện với tác phẩm : « *Việt-Nam Phật giáo Sử luận* » của Nguyễn Lang. Nếu Thầy Từ-Mẫn « vay » được tiền, ông dự định sẽ ấn hành mấy tác phẩm lớn, thật quan trọng, mà từ trước đến nay chưa có dịp nào in được vì tốn kém quá. Nhà An Tiêm cũng đang cho sắp chữ tập « *Tư tưởng Lão Trang trong Y thuật Đông phương* » của Bác sĩ Trần-Văn-Tích mà một vài phần đã được trích đăng trên Bách Khoa liên tiếp mấy số trước đây. Nhà xuất bản Trí Đăng sau tập truyện kinh dị, ma quái, rất hấp dẫn « *Chiếc mặt nạ da người* » của Bác sĩ Nguyễn Xuân Quang lại sắp cho phát hành « *Văn học sử thời kháng chiến* » của nhà biên khảo Lê văn Siêu. Nhà xuất bản Lửa Thiêng, nội công thâm hậu hơn, nên một vài tháng vẫn thấy cho ra được một hai cuốn sách, nay mới cho phát hành *Ơu cầu Việt ngữ Tập II* của Giáo sư Trần Ngọc Ninh. Tập I đã ra hồi năm ngoái và Tập III có lẽ sẽ ra được cuối năm nay hoặc đầu năm 75 nếu tình trạng tiêu thụ không sa sút lắm.

Một nhà xuất bản chỉ chuyên in thơ là loại sách khó bán nhất, Nhà xuất bản « *Nhập Cuộc* » ở Huế,

thỉnh thoảng lại cho ra được một tập thơ mỏng, nay cũng vừa ấn hành được một tuyển tập thơ — tác phẩm thứ 20 của « *Nhập Cuộc* » — mang tựa đề « *Những vùng trời có thực* » gồm thơ của 12 tác giả trong có nhiều nhà thơ quen thuộc : Trần Hữu Nghiễm, Xuân Hữu, Thượng Thuật, Văn Diễm v.v...

Một nhà xuất bản ở Cần Thơ — Nhà xuất bản « *Con Đường* » — do họa sĩ Ngự Cao Uyên (Nguyễn Cao Uyên) chủ trương, vừa cho ra một loại sách mỏng, in ronéo, trình bày gần giống nhau, rất trang nhã : *Thơ Du Tử Lê*, *Thơ Bùi Giáng*, *Thơ Anh Hoa* v.v... mỗi cuốn đều có giới thiệu tác giả và có hình tác giả.

Nếu ta thấy tình trạng hấp hối của ấn loát phẩm hiện nay thì phải công nhận rằng sự hoạt động của những nhà xuất bản trên đây, trong hoàn cảnh vô cùng chật vật lúc này, quả đã phản ánh sự kiên trì và quả cảm, cùng lòng mê say nghề nghiệp của những người chủ trương và đó cũng là niềm phần khởi cho những người cầm bút còn chút hy vọng có thể cho ra đời tác phẩm của mình.

Tưởng niệm David Carver

David Carver là Tổng Thư ký Trung Tâm Văn Bút Quốc tế liên tiếp 23 năm nay, vừa từ trần. Ông là người đã từng lên tiếng tích cực bênh vực tất cả những nhà văn bị trói buộc ngòi bút, bị áp bức tù

đây, trong cả những nước Cộng sản và không Cộng sản. Bởi vậy Ông đã được sự mến chuộng của tất cả những nhà văn thiết tha với tự do sáng tác, tự do tư tưởng...

Sáng ngày chủ nhật 9/6 tới đây, Trung Tâm Văn Bút Việt-Nam cũng sẽ làm lễ tưởng niệm David Carver tại trụ sở của Hội ở Saigon. Một số nhà văn Việt-Nam đã từng tham dự các Đại hội Văn Bút quốc tế, đã từng tiếp xúc với David Carver, sẽ thuật lại trong buổi lễ này một số kỷ niệm với văn-hữu quốc tế vừa năm xuống.

Chuyện dài giấy báo

Giá giấy báo cứ mỗi ngày một lên, mỗi kỳ được mua giấy thì giá chính thức lại nhích lên vài trăm đồng một "ram". Đôi khi có những bước nhảy vọt thật ngoạn mục như bước vừa qua, giá lên gần gấp rưỡi. Trước đây có những nhà xuất bản, những tuần báo giai phẩm... đã rút xuống khổ nhỏ hơn, tìm cách in mỗi trang được nhiều chữ hơn bằng cách rút các khoảng trống thật hẹp, in thật sát, hay gấp tờ giấy khổ 65×100 từ 32 trang lên 48 trang giấy khổ 75×100 lên 64 trang chẳng hạn. Nhưng sau bước nhảy vọt của giá giấy vừa qua thì các nhà xuất bản cũng như nhà báo quả đã lúng túng. Các nhật báo đã miễn cưỡng phải lên giá. Các báo định kỳ và giai phẩm cũng phải, hoặc lên giá hoặc rút trang và biện pháp nào cũng khổ tâm cả. Chỉ mong độc giả so sánh sự tăng giá của sách báo với sự gia tăng vật giá của các thức khác (như

điện tăng 100%, điện thoại tăng 50% tem thư từ 15\$ lên 25\$ v.v...) mà thông cảm cho.

THU THỦY

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

BIÊN KHẢO : Lý Hoàng Thư (Sự khản thiết của tình tự dân tộc đối với giáo dục), Thạch Ngọc Hải (Một ít cảm nghĩ nhân đọc quyển "Văn-học và Ngữ-học"), Nguyễn Hữu Hiệp (Trần văn Thành), Song diệu tường dung (Ý thức tự chủ và tinh thần độc lập của người Việt).

TRUYỆN : Nguyễn Hoài (Trứng mắt sâu, Bát canh), Trần Quang Thiếu (Tiếng kêu), Phù Sinh (Những đám mây đen), Trần Hoài Thư (Vĩnh biệt ngày hè).

THƠ : Nguyễn Đức Oánh, Hà Huyền Hoa, Ngô Sa Thủy, Trần Quang Thiếu, Trần Nguyên Sỹ, Trần Mộng Hoàng, Lương Chiêm Trinh, Hoài Anh, Jalan, Thiếu Nguyễn, Hồ Lăng Bạc, Lê Nguyên Vũ, Lê văn Trung, Nguyễn Miên Thương, Trần văn Duận, Trần Ngọc Kim, Phương Hoài Sơn, Nguyễn Đăng Trinh, Bằng Huynh Thảo

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gửi đến, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ đề thêm tên thật và ghi lại cho địa chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

Bầu cử Tổng-Thống tại Pháp

● TỪ - MINH

Ngay khi Tổng Thống Pompidou vừa trút hơi thở cuối cùng, các chính khách Pháp đã vội vã sửa soạn ra tranh cử Tổng Thống. Trong khi các ông François Mitterrand, lãnh-tu liên-minh Xã hội Cộng sản, Edgar Faure Chủ tịch Hạ viện và Valéry Giscard d'Estaing, Tổng trưởng Kinh Tài cố nán đợi đến khi ma chay của Pompidou song xuôi rồi mới loan báo tin ra ứng cử Tổng Thống, thì ông Chaban Delmas, cựu Thủ-tướng của Pompidou, chưa chi đã họp báo đề tuyên bố quyết định ứng cử của ông.

Hành động của ông Chaban Delmas đã bị cả phe đối lập lẫn phe tham chính chỉ trích. Người ta trách ông đã tối mắt vì tham vọng đến nỗi có thái độ bất kính đối với người vừa nằm xuống.

Sự thật thì ông Chaban Delmas tỏ ra vội vã như vậy chỉ vì ông muốn đặt các cựu thần của Tướng De Gaulle trước một sự đã rồi. Ông biết rằng các ông này không tin tưởng vào ông mà lại đặt nặng hy vọng vào Edgar Faure hay Giscard d'Estaing, là những người ở ngoài hàng ngũ các công thần của De Gaulle. Chính Thủ tướng Messmer đã yêu cầu Chaban Delmas đừng ra ứng cử vì không những Chaban khó hy vọng đánh bại Mitterrand mà đời tư của ông còn có nhiều điều đang bị dư luận chê trách, như vụ ông trốn thuế mấy năm về trước. Nhưng ông Chaban

Delmas nhất định không chịu rút lui vì ông tự coi là một cựu thần có nhiều công nhất trong cuộc kháng chiến chống Đức cũng như trong các âm mưu đưa De Gaulle trở lại chính quyền năm 1958. Như vậy ông có quyền ra ứng cử hơn hết cả mọi người, kể cả vị Tổng thống "tiềm vị" Pompidou.

Trước sự cương quyết của Chaban Delmas, đảng De Gaulle đã tìm cách đưa Messmer ra ứng cử để chặn Chaban Demas vì Messmer cũng là một cựu thần có nhiều công trạng không kém Chaban. Nhưng Messmer biết mình không đủ tài và cũng không có tham vọng làm Tổng Thống nên đã ra điều kiện là ông chỉ ra ứng cử nếu tất cả các ứng-cử-viên thuộc đảng De Gaulle đều rút lui. Vì chỉ như vậy thì ông mới duy trì được tình đoàn kết trong đảng. Edgar Faure rút lui, Giscard d'Estaing cũng tuyên bố sẵn sàng rút lui, nhưng Chaban Delmas không chịu. Vì vậy mà trong hàng ngũ (hà) chính có 2 ứng cử viên là Chaban Delmas, thừa kế chính thống của De Gaulle và Giscard d'Estaing, đồng minh của đảng De Gaulle.

Như vậy đảng De Gaulle phải dốc toàn lực ra ủng hộ Chaban Delmas. Tuy từ trước tới nay có địa vị quan trọng hơn Giscard, nhưng Chaban, sau mấy năm nắm quyền Thủ-tướng uy tín đã bị soi mòn nhiều. Vì vậy mà khi cuộc bầu cử được tổ chức vòng đầu

vào ngày 5-5-1974, Chaban Delmas chỉ lượm được có 15,1% số 1 phiếu cử tri trong khi ứng-cử-viên của li n-minh Xã hội-Cộng sản Mitterrand dẫn đầu với 43,2% và Giscard d'Estaing 32,6%.

Vì không ai chiếm được đa số tuyệt đối (50% + 1 phiếu) nên người ta phải tổ chức bầu cử vòng nhì để cử tri lựa chọn giữa hai ứng cử viên dẫn đầu là Mitterrand và Giscard d'Estaing vào ngày 19-5-1974.

Sự thất bại của Chaban Delmas trong vòng đầu đã khiến cho hàng ngũ đảng De Gaulle hết sức dao động. Các lãnh tụ đảng đã kích lẫn nhau tới bời và họ tố cáo Thủ-tướng Messmer là phản bần đề ưu đãi người ngoài là Giscard d'Estaing. Do đó khi Messmer tới tham dự buổi họp của Trung-trương đảng, không ai thêm đứng dậy chào mừng.

Cuộc vận động bầu cử vòng 2 đã trở nên hết sức gây cấn. Dư luận dân chúng bị chia sẻ giữa hai ứng cử viên, giữa một Giscard d'Estaing tính tình lạnh nhạt, bảo thủ, nhưng có đường lối ôn hòa và một Mitterrand dễ thương, tiến bộ, nhưng lại liên kết với Cộng-sản.

Biết rằng kết quả bầu cử sẽ hết sức sát nút nhau nên cả hai bên đều cố gắng kiếm phiếu của các phe trung phái, của đảng De Gaulle, của những phần tử ôn hòa. Lần đầu tiên tại Pháp người ta đã vận động bầu cử theo lối Mỹ. Cả hai ứng-cử-viên đều luôn luôn xuất hiện trước công chúng, làm đủ mọi cách để thu hút

cử-tri. Đời tư của các ứng cử viên được báo chí, các hệ thống truyền thanh, truyền hình phổ biến rộng rãi. Bà Anne Aymone Giscard d'Estaing ra đường dán biểu ngữ lên tường, kiểu như Jacky Kennedy ngày trước. Và cũng như cô Julie Nixon năm nào, cô Hyacinthe, con gái út của Giscard d'Estaing cũng luôn luôn đi theo bên cha. Ngoài đường người ta dán đầy hình ảnh của Valéry và Hyacinthe Giscard d'Estaing chụp chung để cho dân chúng biết là cô con gái 14 tuổi này là « vị cố vấn » được Giscard nghe theo nhiều nhất.

Bà Mitterrand và hai cậu con trai cũng bận rộn không kém. Bà thì đi vận động các bà nội trợ, hai cậu thì đi vận động các giới thanh niên. Cậu cả lại còn huy động cả cô vợ chưa cưới đi tuyên truyền cho ông bố chồng tương lai.

Hào hứng hơn cả là cuộc biện luận truyền-hình, kiểu Kennedy—Nixon năm 1960, giữa hai ông Giscard d'Estaing và Mitterrand. Nhưng khán giả hơi thất vọng vì mức tranh luận của hai ứng-cử-viên không được cao như người ta chờ đợi. Thay vì đưa ra đường lối, chính sách, cả hai ông lại đã kích cá nhân nhiều hơn. Khi Mitterrand cho rằng Giscard tính nết lạnh lùng, không được thiện cảm của dân chúng, thì Giscard trả lời rằng ông chắc chắn Mitterrand cũng không chiếm được độc quyền thiện cảm của nhân dân. Khi Giscard trách rằng Mitterrand liên kết với Cộng

sản thì Mitterrand nhắc lại chuyện Hoàng-hậu Marie Antoinette, năm 1789, đã nói với đám dân chúng nổi loạn rằng: « Nếu đói thì lấy bánh ngọt mà ăn việc gì phải nổi loạn đòi cơm áo ». Và Mitterrand kết luận rằng, cũng như Marie Antoinette ngày trước, ứng-cử-viên Giscard d'Estaing cho rằng loại trứng cá Caviar xa xỉ cần cho dân Pháp hơn là chương trình quốc-hữu-hóa các cơ-sở kỹ-nghệ Pháp.

Một sự kiện làm cho người ta chú ý đến nhiều nhất là việc Đại-sứ Nga, ngay trong cuộc cử động bầu cử, đã xin vào yết kiến ông Giscard d'Estaing ở Bộ Tài chánh. Trước khi Đại-sứ Nga tới, tòa Đại-sứ đã thông báo cho báo chí và yêu cầu các hãng thông tấn gửi nhiếp-ảnh-viên tới để chụp hình phờ biễn. Cuộc viếng thăm của Nga tỏ rằng điện Kremlin đã ủng hộ Giscard d'Estaing. Vì vậy mà đảng Cộng-sản Pháp đã phải cho ra một Thông-cáo lên tiếng chỉ trích Đại-sứ Nga. Thông cáo này cho rằng « Nếu vị Đại-sứ Nga tới gặp một nhân vật hữu quyền về kinh-tài Pháp để bàn về tương-lai liên-lạc kinh-tế giữa 2 quốc-gia là một điều người ta có thể hiểu được thì người ta cũng phải nhận thấy rằng khi cuộc bầu cử chưa có kết quả thì chưa phải lúc để Đại-sứ Nga viếng thăm một ứng-cử-viên ».

Một sự kiện khác được người ta không kém chú ý là việc đảng Cộng-sản Pháp tuyên bố đã có rất nhiều điểm tương đồng với De Gaulle trong chính sách đối ngoại. Lập trường

này đã bị Thủ-tướng Messmer phản đối rất mạnh mẽ vì ông cho rằng trong khi chính sách đối ngoại của De Gaulle nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia thì đảng Cộng-sản Pháp lại nhằm bán chủ-quyền này cho Nga.

Vì các cuộc thăm dò ý-kiến nào cũng tiên đoán là cả 2 ứng-cử-viên đều được khoảng 50% phiếu cử tri nên chỉ khoảng 100.000 phiếu là đã có thể làm nghiêng cán cân lực lượng. Do đó lần đầu tiên tại Pháp Hội-đồng Bảo-hiến đã huy động hàng ngàn vị thẩm-phán để giám sát cuộc bầu cử tại các phòng đầu phiếu địa phương. Cũng vì hai ứng-cử-viên ngang sức nhau nên dân chúng đã tham gia bầu cử hết sức đông đảo vì biết rằng lá phiếu của mình có tính cách quyết định quan trọng hơn là tại các cuộc bầu cử trước.

Ngày 19-5-1974 cuộc bầu cử vòng 2 đã được tổ chức với kết quả là ông Valéry Giscard d'Estaing thắng cử với 50,8% số phiếu cử tri và ông Mitterrand thất cử với 49,2%. Như vậy ông Giscard d'Estaing, với 400.000 phiếu hơn đối thủ, đã trở thành một vị Quốc-trưởng Pháp trẻ tuổi nhất (48 tuổi) từ khi Napoléon Bonaparte tới nay.

Sở dĩ Giscard d'Estaing thắng nổi Mitterrand một phần cũng là vì dân chúng sợ Cộng sản. Ông Mitterrand đã tuyên bố là nếu đắc cử ông sẽ dành cho đảng Cộng sản 1/3 số ghế Tổng-trưởng trong Nội các của ông. Từ năm 1947 tới nay chưa bao giờ đảng Cộng-sản có hy vọng vào Nội

các nên lời tuyên bố này đã khiến dân chúng hoảng sợ. Đã thế ông Giscard d'Estaing lại còn lợi dụng cơ hội này đe dọa rằng nếu ông Mitterrand làm Tổng-Thống với sự cộng tác của đảng Cộng sản thì phe Cộng sản sẽ gài gián điệp vào chính quyền như vụ Gunther Guillaume ở Tây Đức vậy. Những lời lẽ này đã đủ để các cử tri ôn hòa dồn phiếu cho ông Giscard d'Estaing.

Với ông Giscard d'Estaing làm Tổng Thống tại Pháp, người ta có thể coi như 16 năm triều đại De Gaulle đã tới hồi cáo chung. Nhưng trong tương lai ông sẽ gặp rất nhiều

khó khăn vì trên toàn quốc phe đối lập đã tỏ ra có một lực lượng mạnh. Các nghiệp đoàn lao động có thể xuống đường, đình công và biểu tình đòi tăng lương. Tại Quốc-hội, đảng De Gaulle vẫn nắm được đa số, trong khi đảng Độc-lập của ông chỉ có một lực lượng yếu kém. Do đó ông Giscard d'Estaing khó có thể đoạn tuyệt được với quá khứ De Gaulle. Giai đoạn hậu De Gaulle đã bắt đầu với một vị Tổng-Thống ở ngoài đảng De Gaulle, nhưng vẫn phải dựa vào đảng này để cai trị.

TÙ MINH

ĐÃ PHÁT HÀNH

VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN

Của NGUYỄN LANG

Giáo sư Sử học và Bác-Ngữ-học Paris

Đây là một công trình tổng hợp được tính cách vững chãi của phương pháp biên khảo và kiến thức sâu sắc về giáo lý đạo Phật. Ông Nguyễn Lang đã trình bày những dữ kiện lịch sử, phân tích và bình luận những tư tưởng và những hệ thống tư tưởng trong quá trình diễn biến của lịch sử Phật giáo Việt Nam một cách rành rẽ và khoa học. Sách VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN không những sẽ hữu ích cho giới Phật học mà cũng sẽ rất hữu ích cho khoa Văn-học-sử Việt-Nam.

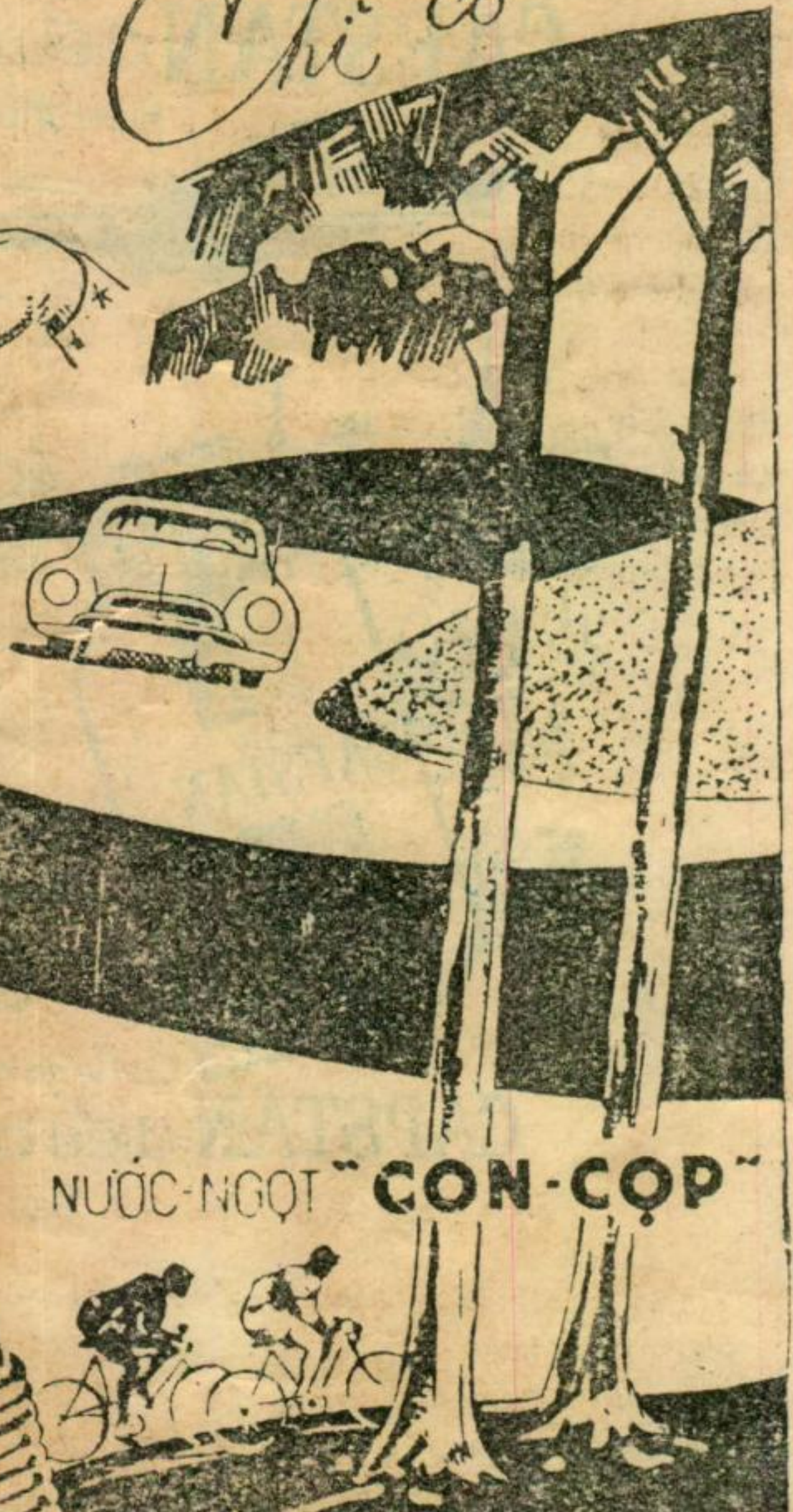
LÁ BỐI xuất bản và phát hành.

Phát hành ngày 13-6-1974 — Số lượng 3.000

Giấy phép KD số 256 BDVCH / KSALP / GP. Ngày 11-6-1974

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai **HÒA TIỀN!**

CAPSTAN

điếu dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN

điếu dài đầu lọc